Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 05.03.2015 15:05:34 +07:00

# PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

**Thông tư số 03/2014/TT-BTNMT ngày 12 tháng 02 năm 2014 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Nghệ An**

## DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH NGHỆ AN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BTNMT ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

## Phần II
## DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH NGHỆ AN

(Tiếp theo Công báo số 257 + 258)

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| cầu Tảo 2 | KX | xã Diễn Lâm | H. Diễn Châu | 19° 08' 32" | 105° 33' 06" | | | | | E-48-20-C-a |
| núi Truông Tràng | SV | xã Diễn Lâm | H. Diễn Châu | 19° 09' 38" | 105° 29' 40" | | | | | E-48-19-D-b |
| xóm 1 | DC | xã Diễn Liên | H. Diễn Châu | 19° 01' 03" | 105° 33' 05" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 2 | DC | xã Diễn Liên | H. Diễn Châu | 19° 01' 14" | 105° 33' 10" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 3 | DC | xã Diễn Liên | H. Diễn Châu | 19° 01' 28" | 105° 33' 14" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 4 | DC | xã Diễn Liên | H. Diễn Châu | 19° 01' 50" | 105° 33' 14" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 5 | DC | xã Diễn Liên | H. Diễn Châu | 19° 01' 32" | 105° 32' 20" | | | | | E-48-20-C-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 6 | DC | xã Diễn Liên | H. Diễn Châu | 19° 01' 57" | 105° 33' 09" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 7 | DC | xã Diễn Liên | H. Diễn Châu | 19° 02' 10" | 105° 33' 10" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 8 | DC | xã Diễn Liên | H. Diễn Châu | 19° 02' 13" | 105° 33' 18" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 9 | DC | xã Diễn Liên | H. Diễn Châu | 19° 02' 21" | 105° 33' 09" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 10 | DC | xã Diễn Liên | H. Diễn Châu | 19° 02' 31" | 105° 33' 06" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 11 | DC | xã Diễn Liên | H. Diễn Châu | 19° 02' 27" | 105° 33' 20" | | | | | E-48-20-C-c |
| kênh 26/3 | TV | xã Diễn Liên | H. Diễn Châu | | | 19° 00' 37" | 105° 32' 41" | 19° 04' 02" | 105° 33' 00" | E-48-20-C-c |
| Sông Sở | TV | xã Diễn Liên | H. Diễn Châu | | | 19° 01' 55" | 105° 32' 22" | 19° 00' 11" | 105° 33' 01" | E-48-20-C-c |
| xóm 1 | DC | xã Diễn Lộc | H. Diễn Châu | 18° 56' 18" | 105° 34' 51" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 2 | DC | xã Diễn Lộc | H. Diễn Châu | 18° 55' 55" | 105° 35' 02" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 3 | DC | xã Diễn Lộc | H. Diễn Châu | 18° 55' 45" | 105° 34' 58" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 4 | DC | xã Diễn Lộc | H. Diễn Châu | 18° 55' 34" | 105° 35' 09" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 5 | DC | xã Diễn Lộc | H. Diễn Châu | 18° 55' 28" | 105° 34' 51" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 6 | DC | xã Diễn Lộc | H. Diễn Châu | 18° 55' 08" | 105° 35' 01" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 7 | DC | xã Diễn Lộc | H. Diễn Châu | 18° 54' 41" | 105° 35' 07" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 8 | DC | xã Diễn Lộc | H. Diễn Châu | 18° 54' 24" | 105° 35' 24" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 9 | DC | xã Diễn Lộc | H. Diễn Châu | 18° 56' 07" | 105° 35' 16" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 10 | DC | xã Diễn Lộc | H. Diễn Châu | 18° 56' 24" | 105° 35' 10" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 11 | DC | xã Diễn Lộc | H. Diễn Châu | 18° 53' 56" | 105° 35' 43" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 12 | DC | xã Diễn Lộc | H. Diễn Châu | 18° 56' 09" | 105° 35' 38" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 13 | DC | xã Diễn Lộc | H. Diễn Châu | 18° 56' 14" | 105° 35' 38" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 14 | DC | xã Diễn Lộc | H. Diễn Châu | 18° 56' 24" | 105° 35' 34" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 15 | DC | xã Diễn Lộc | H. Diễn Châu | 18° 56' 35" | 105° 35' 34" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 16 | DC | xã Diễn Lộc | H. Diễn Châu | 18° 53' 07" | 105° 35' 50" | | | | | E-48-32-A-a |
| Núi Bạc | SV | xã Diễn Lộc | H. Diễn Châu | 18° 53' 46" | 105° 35' 37" | | | | | E-48-32-A-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Núi Mụa | SV | xã Diễn Lộc | H. Diễn Châu | 18° 54' 21" | 105° 34' 48" | | | | | E-48-32-A-a |
| kênh Nhà Lê | TV | xã Diễn Lộc | H. Diễn Châu | | | 18° 50' 52" | 105° 38' 50" | 18° 58' 35" | 105° 34' 23" | E-48-32-A-a |
| xóm 1 | DC | xã Diễn Lợi | H. Diễn Châu | 18° 56' 18" | 105° 33' 35" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 2 | DC | xã Diễn Lợi | H. Diễn Châu | 18° 56' 08" | 105° 33' 23" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 3 | DC | xã Diễn Lợi | H. Diễn Châu | 18° 56' 12" | 105° 33' 10" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 4 | DC | xã Diễn Lợi | H. Diễn Châu | 18° 56' 31" | 105° 33' 00" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 5 | DC | xã Diễn Lợi | H. Diễn Châu | 18° 55' 36" | 105° 32' 30" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 6 | DC | xã Diễn Lợi | H. Diễn Châu | 18° 56' 03" | 105° 32' 24" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 7 | DC | xã Diễn Lợi | H. Diễn Châu | 18° 55' 53" | 105° 32' 31" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 8 | DC | xã Diễn Lợi | H. Diễn Châu | 18° 55' 22" | 105° 32' 38" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 9 | DC | xã Diễn Lợi | H. Diễn Châu | 18° 55' 09" | 105° 32' 29" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 10 | DC | xã Diễn Lợi | H. Diễn Châu | 18° 54' 50" | 105° 32' 30" | | | | | E-48-32-A-a |
| Khe Cát | TV | xã Diễn Lợi | H. Diễn Châu | | | 18° 54' 35" | 105° 31' 22" | 18° 57' 10" | 105° 28' 49" | E-48-32-A-a |
| xóm 1 | DC | xã Diễn Minh | H. Diễn Châu | 18° 57' 21" | 105° 31' 32" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 2 | DC | xã Diễn Minh | H. Diễn Châu | 18° 57' 18" | 105° 31' 18" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 3 | DC | xã Diễn Minh | H. Diễn Châu | 18° 57' 21" | 105° 31' 22" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 4 | DC | xã Diễn Minh | H. Diễn Châu | 18° 57' 32" | 105° 31' 27" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 5 | DC | xã Diễn Minh | H. Diễn Châu | 18° 57' 54" | 105° 31' 13" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 6 | DC | xã Diễn Minh | H. Diễn Châu | 18° 58' 08" | 105° 31' 04" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 7 | DC | xã Diễn Minh | H. Diễn Châu | 18° 58' 15" | 105° 31' 06" | | | | | E-48-32-A-a |
| Sông Bùng | TV | xã Diễn Minh | H. Diễn Châu | | | 18° 57' 10" | 105° 28' 49" | 19° 00' 18" | 105° 35' 24" | E-48-32-A-a |
| núi Lèn Hai Vai | SV | xã Diễn Minh | H. Diễn Châu | 18° 57' 36" | 105° 31' 50" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 1 | DC | xã Diễn Mỹ | H. Diễn Châu | 19° 03' 10" | 105° 36' 38" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 2 | DC | xã Diễn Mỹ | H. Diễn Châu | 19° 03' 21" | 105° 36' 46" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 3 | DC | xã Diễn Mỹ | H. Diễn Châu | 19° 03' 24" | 105° 36' 47" | | | | | E-48-20-C-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 4 | DC | xã Diễn Mỹ | H. Diễn Châu | 19° 03' 37" | 105° 36' 43" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 5 | DC | xã Diễn Mỹ | H. Diễn Châu | 19° 03' 39" | 105° 36' 52" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 6 | DC | xã Diễn Mỹ | H. Diễn Châu | 19° 03' 42" | 105° 37' 01" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 7 | DC | xã Diễn Mỹ | H. Diễn Châu | 19° 03' 55" | 105° 36' 14" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 8 | DC | xã Diễn Mỹ | H. Diễn Châu | 19° 03' 55" | 105° 36' 47" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 9 | DC | xã Diễn Mỹ | H. Diễn Châu | 19° 03' 54" | 105° 37' 01" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 10 | DC | xã Diễn Mỹ | H. Diễn Châu | 19° 03' 55" | 105° 37' 14" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 11 | DC | xã Diễn Mỹ | H. Diễn Châu | 19° 04' 04" | 105° 37' 10" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 12 | DC | xã Diễn Mỹ | H. Diễn Châu | 19° 04' 21" | 105° 37' 22" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 13 | DC | xã Diễn Mỹ | H. Diễn Châu | 19° 04' 29" | 105° 37' 27" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 14 | DC | xã Diễn Mỹ | H. Diễn Châu | 19° 04' 09" | 105° 36' 43" | | | | | E-48-20-C-c |
| sông Nhà Lê | TV | xã Diễn Mỹ | H. Diễn Châu | | | 19° 03' 52" | 105° 37' 18" | 19° 06' 11" | 105° 39' 43" | E-48-20-C-c |
| kênh Sơn Tịnh | TV | xã Diễn Mỹ | H. Diễn Châu | | | 19° 04' 16" | 105° 34' 42" | 19° 03' 30" | 105° 37' 27" | E-48-20-C-c |
| quốc lộ 1 | KX | xã Diễn Ngọc | H. Diễn Châu | | | 19° 18' 42" | 105° 43' 15" | 18° 38' 51" | 105° 42' 24" | E-48-20-C-c, E-48-32-A-a |
| sông Cầu Bùng | TV | xã Diễn Ngọc | H. Diễn Châu | | | 19° 00' 18" | 105° 35' 24" | 19° 01' 43" | 105° 36' 04" | E-48-20-C-c |
| cầu Diễn Thành | KX | xã Diễn Ngọc | H. Diễn Châu | 18° 59' 27" | 105° 35' 46" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Đông Lộc | DC | xã Diễn Ngọc | H. Diễn Châu | 19° 00' 03" | 105° 36' 10" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Hồng Yên | DC | xã Diễn Ngọc | H. Diễn Châu | 19° 00' 23" | 105° 35' 55" | | | | | E-48-20-C-c |
| sông Lạch Vạn | TV | xã Diễn Ngọc | H. Diễn Châu | | | 19° 01' 43" | 105° 36' 04" | 18° 59' 00" | 105° 36' 48" | E-48-20-C-c, E-48-32-A-a |
| xóm Nam Thịnh | DC | xã Diễn Ngọc | H. Diễn Châu | 19° 00' 14" | 105° 36' 02" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Ngọc Minh | DC | xã Diễn Ngọc | H. Diễn Châu | 18° 59' 38" | 105° 36' 07" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Ngọc Tân | DC | xã Diễn Ngọc | H. Diễn Châu | 19° 00' 00" | 105° 35' 34" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Ngọc Văn | DC | xã Diễn Ngọc | H. Diễn Châu | 19° 00' 06" | 105° 35' 49" | | | | | E-48-32-A-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Tây Lộc | DC | xã Diễn Ngọc | H. Diễn Châu | 19° 00' 08" | 105° 35' 54" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Trung Thành | DC | xã Diễn Ngọc | H. Diễn Châu | 19° 00' 22" | 105° 36' 06" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Trung Yên | DC | xã Diễn Ngọc | H. Diễn Châu | 19° 00' 06" | 105° 35' 45" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Trường Tiến | DC | xã Diễn Ngọc | H. Diễn Châu | 19° 00' 16" | 105° 35' 42" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Yên Quang | DC | xã Diễn Ngọc | H. Diễn Châu | 18° 59' 56" | 105° 35' 58" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Yên Thịnh | DC | xã Diễn Ngọc | H. Diễn Châu | 19° 00' 15" | 105° 36' 13" | | | | | E-48-20-C-c |
| Sông Bùng | TV | xã Diễn Nguyên | H. Diễn Châu | | | 18° 57' 10" | 105° 28' 49" | 19° 00' 18" | 105° 35' 24" | E-48-32-A-a |
| sông Cầu Bà | TV | xã Diễn Nguyên | H. Diễn Châu | | | 19° 01' 08" | 105° 30' 16" | 18° 58' 29" | 105° 31' 24" | E-48-20-C-c |
| xóm Tân Cảnh | DC | xã Diễn Nguyên | H. Diễn Châu | 18° 59' 04" | 105° 31' 48" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Tân Cao | DC | xã Diễn Nguyên | H. Diễn Châu | 18° 59' 42" | 105° 32' 34" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Tân Châu | DC | xã Diễn Nguyên | H. Diễn Châu | 18° 59' 29" | 105° 32' 02" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Tân Ninh | DC | xã Diễn Nguyên | H. Diễn Châu | 18° 59' 28" | 105° 32' 31" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Tân Phong 1 | DC | xã Diễn Nguyên | H. Diễn Châu | 18° 59' 02" | 105° 32' 16" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Tân Phong 2 | DC | xã Diễn Nguyên | H. Diễn Châu | 18° 59' 03" | 105° 32' 06" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Tân Thịnh | DC | xã Diễn Nguyên | H. Diễn Châu | 18° 58' 55" | 105° 32' 34" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Đậu Vinh | DC | xã Diễn Phong | H. Diễn Châu | 19° 02' 54" | 105° 35' 27" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Đông Tác | DC | xã Diễn Phong | H. Diễn Châu | 19° 02' 56" | 105° 35' 52" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Dương Đoài | DC | xã Diễn Phong | H. Diễn Châu | 19° 03' 12" | 105° 35' 58" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Dương Đông | DC | xã Diễn Phong | H. Diễn Châu | 19° 03' 13" | 105° 36' 09" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Dương Tiên | DC | xã Diễn Phong | H. Diễn Châu | 19° 03' 10" | 105° 35' 22" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Nha Nghi | DC | xã Diễn Phong | H. Diễn Châu | 19° 03' 03" | 105° 35' 42" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Tây Hồ | DC | xã Diễn Phong | H. Diễn Châu | 19° 02' 47" | 105° 36' 02" | | | | | E-48-20-C-c |
| kênh Vách Bắc | TV | xã Diễn Phong | H. Diễn Châu | | | 19° 00' 31" | 105° 28' 46" | 19° 10' 54" | 105° 41' 33" | E-48-20-C-c |
| xóm 1 | DC | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 52' 58" | 105° 35' 34" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 2 | DC | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 53' 05" | 105° 35' 13" | | | | | E-48-32-A-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 3 | DC | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 53' 18" | 105° 34' 43" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 4 | DC | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 53' 24" | 105° 34' 19" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 5 | DC | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 54' 43" | 105° 34' 44" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 6 | DC | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 54' 41" | 105° 34' 30" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 7 | DC | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 54' 27" | 105° 34' 22" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 8 | DC | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 54' 00" | 105° 34' 37" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 9 | DC | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 53' 52" | 105° 34' 18" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 10 | DC | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 53' 59" | 105° 35' 01" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 11 | DC | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 53' 43" | 105° 35' 27" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 12 | DC | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 53' 27" | 105° 33' 48" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 13 | DC | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 53' 37" | 105° 33' 20" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 14 | DC | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 53' 43" | 105° 32' 52" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 15 | DC | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 54' 11" | 105° 32' 56" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 16 | DC | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 54' 37" | 105° 32' 55" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 17 | DC | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 54' 24" | 105° 33' 22" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 18 | DC | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 54' 22" | 105° 33' 32" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 19 | DC | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 54' 11" | 105° 33' 30" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 20 | DC | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 54' 24" | 105° 33' 39" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 21 | DC | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 54' 13" | 105° 33' 56" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 22 | DC | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 54' 07" | 105° 34' 07" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 23 | DC | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 53' 53" | 105° 33' 41" | | | | | E-48-32-A-a |
| Núi Bạc | SV | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 53' 46" | 105° 35' 37" | | | | | E-48-32-A-a |
| Núi Chạch | SV | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 53' 03" | 105° 34' 06" | | | | | E-48-32-A-a |
| núi Đại Bạc | SV | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 51' 37" | 105° 33' 10" | | | | | E-48-32-A-c |
| rú Động Lim | SV | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 53' 48" | 105° 32' 03" | | | | | E-48-32-A-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Núi Mác | SV | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 54' 05" | 105° 33' 46" | | | | | E-48-32-A-a |
| Núi Mụa | SV | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 54' 21" | 105° 34' 48" | | | | | E-48-32-A-a |
| kênh Nhà Lê | TV | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | | | 18° 50' 52" | 105° 38' 50" | 18° 58' 35" | 105° 34' 23" | E-48-32-A-a, E-48-32-A-c |
| núi Thần Vũ | SV | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 52' 02" | 105° 35' 42" | | | | | E-48-32-A-c |
| hồ Xuân Dương | TV | xã Diễn Phú | H. Diễn Châu | 18° 52' 50" | 105° 33' 15" | | | | | E-48-32-A-a |
| quốc lộ 7 | KX | xã Diễn Phúc | H. Diễn Châu | | | 19° 28' 15" | 104° 05' 04" | 18° 58' 42" | 105° 35' 55" | E-48-32-A-a |
| xóm 7 | DC | xã Diễn Phúc | H. Diễn Châu | 18° 58' 30" | 105° 35' 17" | | | | | E-48-32-A-a |
| Sông Bùng | TV | xã Diễn Phúc | H. Diễn Châu | | | 18° 57' 10" | 105° 28' 49" | 19° 00' 18" | 105° 35' 24" | E-48-32-A-a |
| kênh Nhà Lê | TV | xã Diễn Phúc | H. Diễn Châu | | | 18° 50' 52" | 105° 38' 50" | 18° 58' 35" | 105° 34' 23" | E-48-32-A-a |
| xóm Phúc Nguyên | DC | xã Diễn Phúc | H. Diễn Châu | 18° 58' 22" | 105° 34' 26" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Phúc Thiêm | DC | xã Diễn Phúc | H. Diễn Châu | 18° 57' 45" | 105° 34' 33" | | | | | E-48-32-A-a |
| Xóm Sò | DC | xã Diễn Phúc | H. Diễn Châu | 18° 58' 03" | 105° 35' 54" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Tân Đoài | DC | xã Diễn Phúc | H. Diễn Châu | 18° 58' 00" | 105° 35' 34" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Tân Minh | DC | xã Diễn Phúc | H. Diễn Châu | 18° 58' 06" | 105° 35' 43" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Tràng Thân | DC | xã Diễn Phúc | H. Diễn Châu | 18° 58' 16" | 105° 35' 16" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Yên Xuân | DC | xã Diễn Phúc | H. Diễn Châu | 18° 58' 26" | 105° 35' 10" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 1 | DC | xã Diễn Quảng | H. Diễn Châu | 18° 59' 10" | 105° 33' 57" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 2 | DC | xã Diễn Quảng | H. Diễn Châu | 18° 58' 53" | 105° 33' 57" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 3 | DC | xã Diễn Quảng | H. Diễn Châu | 18° 58' 35" | 105° 33' 18" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 4 | DC | xã Diễn Quảng | H. Diễn Châu | 18° 59' 36" | 105° 33' 07" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 5 | DC | xã Diễn Quảng | H. Diễn Châu | 19° 00' 06" | 105° 32' 45" | | | | | E-48-20-C-c |
| Sông Bùng | TV | xã Diễn Quảng | H. Diễn Châu | | | 18° 57' 10" | 105° 28' 49" | 19° 00' 18" | 105° 35' 24" | E-48-32-A-a |
| xóm 1 | DC | xã Diễn Tân | H. Diễn Châu | 18° 57' 21" | 105° 34' 23" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 2 | DC | xã Diễn Tân | H. Diễn Châu | 18° 57' 18" | 105° 34' 39" | | | | | E-48-32-A-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 3 | DC | xã Diễn Tân | H. Diễn Châu | 18° 57' 12" | 105° 34' 32" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 4 | DC | xã Diễn Tân | H. Diễn Châu | 18° 56' 51" | 105° 35' 34" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 5 | DC | xã Diễn Tân | H. Diễn Châu | 18° 57' 04" | 105° 35' 27" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 6 | DC | xã Diễn Tân | H. Diễn Châu | 18° 57' 01" | 105° 35' 52" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 7 | DC | xã Diễn Tân | H. Diễn Châu | 18° 57' 14" | 105° 35' 48" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 8 | DC | xã Diễn Tân | H. Diễn Châu | 18° 57' 30" | 105° 35' 40" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 9 | DC | xã Diễn Tân | H. Diễn Châu | 18° 57' 39" | 105° 35' 34" | | | | | E-48-32-A-a |
| kênh N201 | TV | xã Diễn Tân | H. Diễn Châu | | | 18° 56' 26" | 105° 25' 04" | 18° 57' 40" | 105° 36' 17" | E-48-20-C-a |
| kênh Nhà Lê | TV | xã Diễn Tân | H. Diễn Châu | | | 18° 50' 52" | 105° 38' 50" | 18° 58' 35" | 105° 34' 23" | E-48-32-A-a |
| xóm 1 | DC | xã Diễn Thái | H. Diễn Châu | 18° 59' 50" | 105° 31' 33" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 2 | DC | xã Diễn Thái | H. Diễn Châu | 18° 59' 57" | 105° 31' 24" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 3 | DC | xã Diễn Thái | H. Diễn Châu | 19° 00' 11" | 105° 31' 26" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 4 | DC | xã Diễn Thái | H. Diễn Châu | 19° 00' 27" | 105° 31' 11" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 5 | DC | xã Diễn Thái | H. Diễn Châu | 19° 00' 29" | 105° 31' 22" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 6 | DC | xã Diễn Thái | H. Diễn Châu | 19° 00' 35" | 105° 31' 18" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 7 | DC | xã Diễn Thái | H. Diễn Châu | 19° 00' 47" | 105° 31' 19" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 8 | DC | xã Diễn Thái | H. Diễn Châu | 19° 00' 44" | 105° 30' 58" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 9 | DC | xã Diễn Thái | H. Diễn Châu | 19° 01' 06" | 105° 31' 08" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 10 | DC | xã Diễn Thái | H. Diễn Châu | 19° 00' 56" | 105° 31' 22" | | | | | E-48-20-C-c |
| đường tỉnh 538 | KX | xã Diễn Thái | H. Diễn Châu | | | 19° 00' 42" | 105° 35' 09" | 18° 55' 25" | 105° 26' 30" | E-48-20-C-c |
| sông Cầu Bà | TV | xã Diễn Thái | H. Diễn Châu | | | 19° 01' 08" | 105° 30' 16" | 18° 58' 29" | 105° 31' 24" | E-48-20-C-c |
| xóm 1 | DC | xã Diễn Thắng | H. Diễn Châu | 18° 56' 32" | 105° 31' 23" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 2 | DC | xã Diễn Thắng | H. Diễn Châu | 18° 56' 36" | 105° 31' 43" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 3 | DC | xã Diễn Thắng | H. Diễn Châu | 18° 56' 26" | 105° 31' 40" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 4 | DC | xã Diễn Thắng | H. Diễn Châu | 18° 56' 15" | 105° 32' 12" | | | | | E-48-32-A-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 5 | DC | xã Diễn Thắng | H. Diễn Châu | 18° 56' 54" | 105° 32' 45" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 6 | DC | xã Diễn Thắng | H. Diễn Châu | 18° 57' 14" | 105° 32' 20" | | | | | E-48-32-A-a |
| quốc lộ 7 | KX | xã Diễn Thắng | H. Diễn Châu | | | 19° 28' 15" | 104° 05' 04" | 18° 58' 42" | 105° 35' 55" | E-48-32-A-a |
| xóm 7 | DC | xã Diễn Thắng | H. Diễn Châu | 18° 57' 23" | 105° 32' 16" | | | | | E-48-32-A-a |
| núi Lèn Hai Vai | SV | xã Diễn Thắng | H. Diễn Châu | 18° 57' 36" | 105° 31' 50" | | | | | E-48-32-A-a |
| kênh N201 | TV | xã Diễn Thắng | H. Diễn Châu | | | 18° 56' 26" | 105° 25' 04" | 18° 57' 40" | 105° 36' 17" | E-48-20-C-a |
| quốc lộ 1 | KX | xã Diễn Thành | H. Diễn Châu | | | 19° 18' 42" | 105° 43' 15" | 18° 38' 51" | 105° 42' 24" | E-48-32-A-a |
| xóm 1 | DC | xã Diễn Thành | H. Diễn Châu | 18° 59' 18" | 105° 36' 03" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 2 | DC | xã Diễn Thành | H. Diễn Châu | 18° 58' 52" | 105° 36' 03" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 3 | DC | xã Diễn Thành | H. Diễn Châu | 18° 58' 57" | 105° 35' 45" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 4 | DC | xã Diễn Thành | H. Diễn Châu | 18° 58' 54" | 105° 36' 17" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 5 | DC | xã Diễn Thành | H. Diễn Châu | 18° 58' 39" | 105° 36' 59" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 6 | DC | xã Diễn Thành | H. Diễn Châu | 18° 58' 39" | 105° 36' 21" | | | | | E-48-32-A-a |
| quốc lộ 7 | KX | xã Diễn Thành | H. Diễn Châu | | | 19° 28' 15" | 104° 05' 04" | 18° 58' 42" | 105° 35' 55" | E-48-32-A-a |
| xóm 7 | DC | xã Diễn Thành | H. Diễn Châu | 18° 58' 19" | 105° 36' 03" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 8 | DC | xã Diễn Thành | H. Diễn Châu | 18° 58' 10" | 105° 36' 02" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 9 | DC | xã Diễn Thành | H. Diễn Châu | 18° 57' 56" | 105° 36' 04" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 10 | DC | xã Diễn Thành | H. Diễn Châu | 18° 58' 15" | 105° 36' 26" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 11 | DC | xã Diễn Thành | H. Diễn Châu | 18° 58' 02" | 105° 36' 36" | | | | | E-48-32-A-a |
| Sông Bùng | TV | xã Diễn Thành | H. Diễn Châu | | | 18° 57' 10" | 105° 28' 49" | 19° 00' 18" | 105° 35' 24" | E-48-32-A-a |
| cửa Lạch Vạn | TV | xã Diễn Thành | H. Diễn Châu | 18° 59' 00" | 105° 36' 48" | | | | | E-48-32-A-a |
| sông Lạch Vạn | TV | xã Diễn Thành | H. Diễn Châu | | | 19° 01' 43" | 105° 36' 04" | 18° 59' 00" | 105° 36' 48" | E-48-32-A-a |
| xóm 1 | DC | xã Diễn Tháp | H. Diễn Châu | 19° 01' 46" | 105° 34' 40" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 2 | DC | xã Diễn Tháp | H. Diễn Châu | 19° 02' 01" | 105° 33' 45" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 3 | DC | xã Diễn Tháp | H. Diễn Châu | 19° 02' 09" | 105° 33' 49" | | | | | E-48-20-C-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 4 | DC | xã Diễn Tháp | H. Diễn Châu | 19° 02' 18" | 105° 33' 40" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 5 | DC | xã Diễn Tháp | H. Diễn Châu | 19° 02' 25" | 105° 33' 49" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 6 | DC | xã Diễn Tháp | H. Diễn Châu | 19° 02' 36" | 105° 33' 44" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 7 | DC | xã Diễn Tháp | H. Diễn Châu | 19° 02' 47" | 105° 33' 46" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 8 | DC | xã Diễn Tháp | H. Diễn Châu | 19° 02' 58" | 105° 33' 47" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 9 | DC | xã Diễn Tháp | H. Diễn Châu | 19° 01' 51" | 105° 33' 45" | | | | | E-48-20-C-c |
| quốc lộ 1 | KX | xã Diễn Thịnh | H. Diễn Châu | | | 19° 18' 42" | 105° 43' 15" | 18° 38' 51" | 105° 42' 24" | E-48-32-A-a |
| xóm 1 | DC | xã Diễn Thịnh | H. Diễn Châu | 18° 57' 29" | 105° 36' 03" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 2 | DC | xã Diễn Thịnh | H. Diễn Châu | 18° 57' 20" | 105° 36' 03" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 3 | DC | xã Diễn Thịnh | H. Diễn Châu | 18° 57' 42" | 105° 36' 01" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 4 | DC | xã Diễn Thịnh | H. Diễn Châu | 18° 57' 34" | 105° 36' 28" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 5 | DC | xã Diễn Thịnh | H. Diễn Châu | 18° 57' 29" | 105° 36' 25" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 6 | DC | xã Diễn Thịnh | H. Diễn Châu | 18° 57' 22" | 105° 35' 59" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 7 | DC | xã Diễn Thịnh | H. Diễn Châu | 18° 57' 11" | 105° 36' 00" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 8 | DC | xã Diễn Thịnh | H. Diễn Châu | 18° 56' 56" | 105° 36' 03" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 9A | DC | xã Diễn Thịnh | H. Diễn Châu | 18° 57' 02" | 105° 36' 07" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 9B | DC | xã Diễn Thịnh | H. Diễn Châu | 18° 57' 05" | 105° 36' 26" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 10 | DC | xã Diễn Thịnh | H. Diễn Châu | 18° 56' 42" | 105° 36' 35" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 11A | DC | xã Diễn Thịnh | H. Diễn Châu | 18° 56' 52" | 105° 36' 28" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 11B | DC | xã Diễn Thịnh | H. Diễn Châu | 18° 56' 58" | 105° 36' 26" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 12 | DC | xã Diễn Thịnh | H. Diễn Châu | 18° 56' 45" | 105° 36' 12" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 13 | DC | xã Diễn Thịnh | H. Diễn Châu | 18° 56' 36" | 105° 36' 10" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 14 | DC | xã Diễn Thịnh | H. Diễn Châu | 18° 56' 29" | 105° 36' 09" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 15 | DC | xã Diễn Thịnh | H. Diễn Châu | 18° 56' 18" | 105° 36' 10" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 16 | DC | xã Diễn Thịnh | H. Diễn Châu | 18° 56' 34" | 105° 36' 43" | | | | | E-48-32-A-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 17 | DC | xã Diễn Thịnh | H. Diễn Châu | 18° 56' 31" | 105° 36' 32" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 18 | DC | xã Diễn Thịnh | H. Diễn Châu | 18° 56' 24" | 105° 36' 39" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 19 | DC | xã Diễn Thịnh | H. Diễn Châu | 18° 56' 18" | 105° 36' 39" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 20 | DC | xã Diễn Thịnh | H. Diễn Châu | 18° 56' 18" | 105° 36' 03" | | | | | E-48-32-A-a |
| kênh N201 | TV | xã Diễn Thịnh | H. Diễn Châu | | | 18° 56' 26" | 105° 25' 04" | 18° 57' 40" | 105° 36' 17" | E-48-20-C-a |
| đường Quốc Phòng | KX | xã Diễn Thịnh | H. Diễn Châu | | | 18° 56' 15" | 105° 29' 29" | 18° 51' 58" | 105° 41' 15" | E-48-32-A-a |
| xóm 1 Đông | DC | xã Diễn Thọ | H. Diễn Châu | 18° 56' 31" | 105° 34' 14" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 1 Tây | DC | xã Diễn Thọ | H. Diễn Châu | 18° 56' 12" | 105° 33' 53" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 2 Đông | DC | xã Diễn Thọ | H. Diễn Châu | 18° 56' 26" | 105° 34' 12" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 2 Tây | DC | xã Diễn Thọ | H. Diễn Châu | 18° 56' 06" | 105° 33' 54" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 3 Đông | DC | xã Diễn Thọ | H. Diễn Châu | 18° 56' 24" | 105° 34' 20" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 3 Tây | DC | xã Diễn Thọ | H. Diễn Châu | 18° 56' 14" | 105° 34' 01" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 4 Đông | DC | xã Diễn Thọ | H. Diễn Châu | 18° 56' 18" | 105° 34' 23" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 4 Tây | DC | xã Diễn Thọ | H. Diễn Châu | 18° 56' 16" | 105° 34' 07" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 5 Đông | DC | xã Diễn Thọ | H. Diễn Châu | 18° 56' 16" | 105° 34' 15" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 5 Tây | DC | xã Diễn Thọ | H. Diễn Châu | 18° 56' 21" | 105° 34' 02" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 6 Đông | DC | xã Diễn Thọ | H. Diễn Châu | 18° 56' 09" | 105° 34' 17" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 6 Tây | DC | xã Diễn Thọ | H. Diễn Châu | 18° 56' 26" | 105° 34' 05" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 7 Đông | DC | xã Diễn Thọ | H. Diễn Châu | 18° 56' 00" | 105° 34' 22" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 7 Tây | DC | xã Diễn Thọ | H. Diễn Châu | 18° 56' 32" | 105° 34' 05" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 8 Đông | DC | xã Diễn Thọ | H. Diễn Châu | 18° 56' 05" | 105° 34' 29" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 8 Tây | DC | xã Diễn Thọ | H. Diễn Châu | 18° 56' 33" | 105° 33' 59" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 9 Đông | DC | xã Diễn Thọ | H. Diễn Châu | 18° 56' 10" | 105° 34' 29" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 9 Tây | DC | xã Diễn Thọ | H. Diễn Châu | 18° 56' 35" | 105° 33' 49" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 10 Đông | DC | xã Diễn Thọ | H. Diễn Châu | 18° 56' 09" | 105° 34' 23" | | | | | E-48-32-A-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 10 Tây | DC | xã Diễn Thọ | H. Diễn Châu | 18° 56' 23" | 105° 33' 55" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 11 Đông | DC | xã Diễn Thọ | H. Diễn Châu | 18° 56' 05" | 105° 34' 16" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 11 Tây | DC | xã Diễn Thọ | H. Diễn Châu | 18° 56' 28" | 105° 33' 54" | | | | | E-48-32-A-a |
| kênh Nhà Lê | TV | xã Diễn Thọ | H. Diễn Châu | | | 18° 50' 52" | 105° 38' 50" | 18° 58' 35" | 105° 34' 23" | E-48-32-A-a |
| quốc lộ 1 | KX | xã Diễn Trung | H. Diễn Châu | | | 19° 18' 42" | 105° 43' 15" | 18° 38' 51" | 105° 42' 24" | E-48-32-A-a |
| xóm 1A | DC | xã Diễn Trung | H. Diễn Châu | 18° 55' 50" | 105° 36' 21" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 1B | DC | xã Diễn Trung | H. Diễn Châu | 18° 55' 58" | 105° 36' 47" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 2A | DC | xã Diễn Trung | H. Diễn Châu | 18° 55' 36" | 105° 36' 28" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 2B | DC | xã Diễn Trung | H. Diễn Châu | 18° 55' 46" | 105° 36' 40" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 3 | DC | xã Diễn Trung | H. Diễn Châu | 18° 55' 42" | 105° 36' 55" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 4 | DC | xã Diễn Trung | H. Diễn Châu | 18° 55' 41" | 105° 36' 43" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 5 | DC | xã Diễn Trung | H. Diễn Châu | 18° 55' 24" | 105° 36' 50" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 6 | DC | xã Diễn Trung | H. Diễn Châu | 18° 55' 30" | 105° 36' 24" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 7A | DC | xã Diễn Trung | H. Diễn Châu | 18° 55' 01" | 105° 36' 32" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 7B | DC | xã Diễn Trung | H. Diễn Châu | 18° 55' 05" | 105° 36' 53" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 8 | DC | xã Diễn Trung | H. Diễn Châu | 18° 55' 10" | 105° 37' 13" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 9 | DC | xã Diễn Trung | H. Diễn Châu | 18° 55' 04" | 105° 37' 23" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 10 | DC | xã Diễn Trung | H. Diễn Châu | 18° 54' 54" | 105° 37' 14" | | | | | E-48-32-A-b |
| xóm 11 | DC | xã Diễn Trung | H. Diễn Châu | 18° 54' 25" | 105° 36' 29" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 12A | DC | xã Diễn Trung | H. Diễn Châu | 18° 54' 40" | 105° 37' 17" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 12B | DC | xã Diễn Trung | H. Diễn Châu | 18° 54' 44" | 105° 37' 32" | | | | | E-48-32-A-b |
| xóm 13 | DC | xã Diễn Trung | H. Diễn Châu | 18° 54' 37" | 105° 37' 22" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 14 | DC | xã Diễn Trung | H. Diễn Châu | 18° 54' 32" | 105° 37' 33" | | | | | E-48-32-A-b |
| xóm 15 | DC | xã Diễn Trung | H. Diễn Châu | 18° 54' 22" | 105° 36' 39" | | | | | E-48-32-A-a |
| đường Quốc Phòng | KX | xã Diễn Trung | H. Diễn Châu | | | 18° 56' 15" | 105° 29' 29" | 18° 51' 58" | 105° 41' 15" | E-48-32-A-a, E-48-32-A-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| quốc lộ 1 | KX | xã Diễn Trường | H. Diễn Châu | | | 19° 18' 42" | 105° 43' 15" | 18° 38' 51" | 105° 42' 24" | E-48-20-C-c |
| xóm 1B | DC | xã Diễn Trường | H. Diễn Châu | 19° 05' 58" | 105° 35' 48" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 2 | DC | xã Diễn Trường | H. Diễn Châu | 19° 05' 23" | 105° 35' 59" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 3 | DC | xã Diễn Trường | H. Diễn Châu | 19° 05' 34" | 105° 35' 58" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 4 | DC | xã Diễn Trường | H. Diễn Châu | 19° 05' 41" | 105° 36' 01" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 5 | DC | xã Diễn Trường | H. Diễn Châu | 19° 05' 50" | 105° 36' 11" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 6 | DC | xã Diễn Trường | H. Diễn Châu | 19° 06' 01" | 105° 36' 12" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 7 | DC | xã Diễn Trường | H. Diễn Châu | 19° 06' 09" | 105° 36' 18" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 8 | DC | xã Diễn Trường | H. Diễn Châu | 19° 06' 21" | 105° 36' 10" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 9B | DC | xã Diễn Trường | H. Diễn Châu | 19° 06' 06" | 105° 36' 25" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 9N | DC | xã Diễn Trường | H. Diễn Châu | 19° 06' 11" | 105° 36' 24" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 10 | DC | xã Diễn Trường | H. Diễn Châu | 19° 06' 19" | 105° 36' 32" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 11 | DC | xã Diễn Trường | H. Diễn Châu | 19° 06' 27" | 105° 36' 39" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 12 | DC | xã Diễn Trường | H. Diễn Châu | 19° 06' 01" | 105° 36' 36" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 13 | DC | xã Diễn Trường | H. Diễn Châu | 19° 06' 24" | 105° 36' 53" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 14 | DC | xã Diễn Trường | H. Diễn Châu | 19° 06' 11" | 105° 36' 55" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 15 | DC | xã Diễn Trường | H. Diễn Châu | 19° 06' 00" | 105° 36' 46" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 16 | DC | xã Diễn Trường | H. Diễn Châu | 19° 05' 40" | 105° 36' 43" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 17 | DC | xã Diễn Trường | H. Diễn Châu | 19° 05' 33" | 105° 36' 47" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 18 | DC | xã Diễn Trường | H. Diễn Châu | 19° 05' 46" | 105° 36' 57" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm N1 | DC | xã Diễn Trường | H. Diễn Châu | 19° 06' 03" | 105° 35' 49" | | | | | E-48-20-C-c |
| kênh N201 | TV | xã Diễn Trường | H. Diễn Châu | | | 18° 56' 26" | 105° 25' 04" | 18° 57' 40" | 105° 36' 17" | E-48-20-C-a |
| kênh Sơn Tịnh | TV | xã Diễn Trường | H. Diễn Châu | | | 19° 04' 16" | 105° 34' 42" | 19° 03' 30" | 105° 37' 27" | E-48-20-C-c |
| sông Sơn Tịnh | TV | xã Diễn Trường | H. Diễn Châu | | | 19° 06' 30" | 105° 34' 08" | 19° 05' 35" | 105° 35' 43" | E-48-20-C-d |
| sông Cầu Bùng | TV | xã Diễn Vạn | H. Diễn Châu | | | 19° 00' 18" | 105° 35' 24" | 19° 01' 43" | 105° 36' 04" | E-48-20-C-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Đồng Én | DC | xã Diễn Vạn | H. Diễn Châu | 19° 02' 19" | 105° 36' 03" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Đồng Hà | DC | xã Diễn Vạn | H. Diễn Châu | 19° 02' 07" | 105° 35' 47" | | | | | E-48-20-C-c |
| sông Lạch Vạn | TV | xã Diễn Vạn | H. Diễn Châu | | | 19° 01' 43" | 105° 36' 04" | 18° 59' 00" | 105° 36' 48" | E-48-20-C-c |
| xóm Trung Hậu | DC | xã Diễn Vạn | H. Diễn Châu | 19° 01' 52" | 105° 36' 10" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Trung Phú | DC | xã Diễn Vạn | H. Diễn Châu | 19° 02' 01" | 105° 36' 10" | | | | | E-48-20-C-c |
| kênh Vách Bắc | TV | xã Diễn Vạn | H. Diễn Châu | | | 19° 00' 31" | 105° 28' 46" | 19° 10' 54" | 105° 41' 33" | E-48-20-C-c |
| xóm Vạn Đông | DC | xã Diễn Vạn | H. Diễn Châu | 19° 01' 58" | 105° 36' 32" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Vạn Nam | DC | xã Diễn Vạn | H. Diễn Châu | 19° 01' 32" | 105° 35' 52" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Vạn Tài | DC | xã Diễn Vạn | H. Diễn Châu | 19° 01' 04" | 105° 35' 34" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Xuân Bắc | DC | xã Diễn Vạn | H. Diễn Châu | 19° 02' 08" | 105° 35' 31" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Yên Đồng | DC | xã Diễn Vạn | H. Diễn Châu | 19° 02' 08" | 105° 36' 02" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 1 | DC | xã Diễn Xuân | H. Diễn Châu | 19° 00' 38" | 105° 33' 52" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 2 | DC | xã Diễn Xuân | H. Diễn Châu | 19° 00' 49" | 105° 33' 47" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 3 | DC | xã Diễn Xuân | H. Diễn Châu | 19° 00' 50" | 105° 33' 50" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 4 | DC | xã Diễn Xuân | H. Diễn Châu | 19° 01' 12" | 105° 33' 45" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 5 | DC | xã Diễn Xuân | H. Diễn Châu | 19° 01' 21" | 105° 33' 42" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 6 | DC | xã Diễn Xuân | H. Diễn Châu | 19° 01' 36" | 105° 33' 43" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 7 | DC | xã Diễn Xuân | H. Diễn Châu | 19° 00' 57" | 105° 33' 49" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 8 | DC | xã Diễn Xuân | H. Diễn Châu | 19° 01' 06" | 105° 33' 53" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 9 | DC | xã Diễn Xuân | H. Diễn Châu | 19° 00' 28" | 105° 33' 50" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 10 | DC | xã Diễn Xuân | H. Diễn Châu | 19° 00' 16" | 105° 33' 56" | | | | | E-48-20-C-c |
| đường tỉnh 538 | KX | xã Diễn Xuân | H. Diễn Châu | | | 19° 00' 42" | 105° 35' 09" | 18° 55' 25" | 105° 26' 30" | E-48-20-C-c |
| quốc lộ 1 | KX | xã Diễn Yên | H. Diễn Châu | | | 19° 18' 42" | 105° 43' 15" | 18° 38' 51" | 105° 42' 24" | E-48-20-C-c |
| xóm 1 | DC | xã Diễn Yên | H. Diễn Châu | 19° 05' 07" | 105° 36' 28" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 2 | DC | xã Diễn Yên | H. Diễn Châu | 19° 04' 57" | 105° 36' 28" | | | | | E-48-20-C-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 3 | DC | xã Diễn Yên | H. Diễn Châu | 19° 04' 38" | 105° 36' 16" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 4 | DC | xã Diễn Yên | H. Diễn Châu | 19° 04' 53" | 105° 35' 48" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 5 | DC | xã Diễn Yên | H. Diễn Châu | 19° 04' 47" | 105° 35' 38" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 6 | DC | xã Diễn Yên | H. Diễn Châu | 19° 04' 44" | 105° 35' 53" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 7 | DC | xã Diễn Yên | H. Diễn Châu | 19° 04' 35" | 105° 35' 49" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 8 | DC | xã Diễn Yên | H. Diễn Châu | 19° 04' 31" | 105° 35' 48" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 9 | DC | xã Diễn Yên | H. Diễn Châu | 19° 04' 15" | 105° 35' 30" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 10 | DC | xã Diễn Yên | H. Diễn Châu | 19° 04' 32" | 105° 35' 31" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 11 | DC | xã Diễn Yên | H. Diễn Châu | 19° 04' 13" | 105° 35' 46" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 12 | DC | xã Diễn Yên | H. Diễn Châu | 19° 04' 18" | 105° 35' 54" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 13 | DC | xã Diễn Yên | H. Diễn Châu | 19° 05' 08" | 105° 34' 14" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 14 | DC | xã Diễn Yên | H. Diễn Châu | 19° 05' 46" | 105° 34' 28" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 15 | DC | xã Diễn Yên | H. Diễn Châu | 19° 05' 49" | 105° 34' 10" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 16 | DC | xã Diễn Yên | H. Diễn Châu | 19° 05' 08" | 105° 35' 14" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 17 | DC | xã Diễn Yên | H. Diễn Châu | 19° 04' 39" | 105° 35' 05" | | | | | E-48-20-C-c |
| quốc lộ 48 | KX | xã Diễn Yên | H. Diễn Châu | | | 19° 51' 31" | 104° 50' 04" | 19° 05' 04" | 105° 35' 10" | E-48-20-C-c |
| núi Hòn Rồng | SV | xã Diễn Yên | H. Diễn Châu | 19° 05' 02" | 105° 33' 39" | | | | | E-48-20-C-c |
| cầu Khe Cát | KX | xã Diễn Yên | H. Diễn Châu | 19° 05' 46" | 105° 34' 34" | | | | | E-48-20-C-c |
| kênh N201 | TV | xã Diễn Yên | H. Diễn Châu | | | 18° 56' 26" | 105° 25' 04" | 18° 57' 40" | 105° 36' 17" | E-48-20-C-a |
| kênh Sơn Tịnh | TV | xã Diễn Hoàng | H. Diễn Châu | | | 19° 04' 16" | 105° 34' 42" | 19° 03' 30" | 105° 37' 27" | E-48-20-C-c |
| cầu Yên Lý | KX | xã Diễn Yên | H. Diễn Châu | 19° 05' 01" | 105° 35' 09" | | | | | E-48-20-C-c |
| ga Yên Lý | KX | xã Diễn Yên | H. Diễn Châu | 19° 04' 37" | 105° 35' 01" | | | | | E-48-20-C-c |
| khối 1 | DC | TT. Đô Lương | H. Đô Lương | 18° 54' 23" | 105° 18' 10" | | | | | E-48-31-B-a |
| khối 2 | DC | TT. Đô Lương | H. Đô Lương | 18° 54' 19" | 105° 18' 32" | | | | | E-48-31-B-a |
| khối 3 | DC | TT. Đô Lương | H. Đô Lương | 18° 54' 18" | 105° 18' 37" | | | | | E-48-31-B-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| khối 4 | DC | TT. Đô Lương | H. Đô Lương | 18° 54' 10" | 105° 18' 30" | | | | | E-48-31-B-a |
| khối 5 | DC | TT. Đô Lương | H. Đô Lương | 18° 54' 15" | 105° 18' 27" | | | | | E-48-31-B-a |
| khối 6 | DC | TT. Đô Lương | H. Đô Lương | 18° 54' 11" | 105° 18' 22" | | | | | E-48-31-B-a |
| khối 7 | DC | TT. Đô Lương | H. Đô Lương | 18° 54' 06" | 105° 18' 17" | | | | | E-48-31-B-a |
| quốc lộ 7 | KX | TT. Đô Lương | H. Đô Lương | | | 19° 28' 15" | 104° 05' 04" | 18° 58' 42" | 105° 35' 55" | E-48-31-B-a |
| khối 8 | DC | TT. Đô Lương | H. Đô Lương | 18° 54' 05" | 105° 18' 10" | | | | | E-48-31-B-a |
| khối 9 | DC | TT. Đô Lương | H. Đô Lương | 18° 53' 58" | 105° 18' 03" | | | | | E-48-31-B-a |
| khối 10 | DC | TT. Đô Lương | H. Đô Lương | 18° 54' 01" | 105° 17' 51" | | | | | E-48-31-B-a |
| quốc lộ 15 | KX | TT. Đô Lương | H. Đô Lương | | | 19° 26' 37" | 105° 26' 54" | 18° 33' 35" | 105° 33' 24" | E-48-31-B-a |
| quốc lộ 46B | KX | TT. Đô Lương | H. Đô Lương | | | 18° 53' 20" | 105° 18' 32" | 18° 44' 07" | 105° 22' 18" | E-48-31-B-a |
| Sông Lam | TV | TT. Đô Lương | H. Đô Lương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-B-a |
| xóm 1 | DC | xã Bắc Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 06" | 105° 15' 42" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 2 | DC | xã Bắc Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 19" | 105° 15' 48" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 3 | DC | xã Bắc Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 22" | 105° 15' 59" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 4 | DC | xã Bắc Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 31" | 105° 16' 04" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 5 | DC | xã Bắc Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 53" | 105° 16' 32" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 6 | DC | xã Bắc Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 41" | 105° 16' 46" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 7 | DC | xã Bắc Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 32" | 105° 16' 53" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 8 | DC | xã Bắc Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 01" | 105° 17' 10" | | | | | E-48-31-B-a |
| Sông Lam | TV | xã Bắc Sơn | H. Đô Lương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-B-a |
| đập Đá Bàn | TV | xã Bài Sơn | H. Đô Lương | 18° 56' 16" | 105° 20' 43" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Đô Sơn | DC | xã Bài Sơn | H. Đô Lương | 18° 56' 37" | 105° 20' 45" | | | | | E-48-31-B-a |
| núi Gốc Lim | SV | xã Bài Sơn | H. Đô Lương | 18° 57' 42" | 105° 21' 06" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Hương Sơn | DC | xã Bài Sơn | H. Đô Lương | 18° 57' 36" | 105° 20' 56" | | | | | E-48-31-B-a |
| suối Khe Qum | TV | xã Bài Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 57' 10" | 105° 20' 22" | 18° 58' 00" | 105° 17' 30" | E-48-31-B-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Lạc Sơn | DC | xã Bài Sơn | H. Đô Lương | 18° 56' 53" | 105° 20' 01" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Liên Sơn | DC | xã Bài Sơn | H. Đô Lương | 18° 57' 10" | 105° 20' 44" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Mỹ Sơn | DC | xã Bài Sơn | H. Đô Lương | 18° 57' 33" | 105° 20' 33" | | | | | E-48-31-B-a |
| đập Năm Khe | TV | xã Bài Sơn | H. Đô Lương | 18° 56' 15" | 105° 20' 22" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Tân Sơn | DC | xã Bài Sơn | H. Đô Lương | 18° 56' 36" | 105° 20' 08" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Thái Sơn | DC | xã Bài Sơn | H. Đô Lương | 18° 57' 03" | 105° 19' 39" | | | | | E-48-31-B-a |
| núi Tràng Dinh | SV | xã Bài Sơn | H. Đô Lương | 18° 57' 59" | 105° 19' 18" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Xuân Sơn | DC | xã Bài Sơn | H. Đô Lương | 18° 56' 54" | 105° 20' 45" | | | | | E-48-31-B-a |
| núi Yên Du | SV | xã Bài Sơn | H. Đô Lương | 18° 57' 48" | 105° 19' 42" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Yên Sơn | DC | xã Bài Sơn | H. Đô Lương | 18° 57' 34" | 105° 19' 03" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 1 | DC | xã Bồi Sơn | H. Đô Lương | 18° 57' 05" | 105° 16' 03" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 2 | DC | xã Bồi Sơn | H. Đô Lương | 18° 56' 45" | 105° 16' 17" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 3 | DC | xã Bồi Sơn | H. Đô Lương | 18° 57' 07" | 105° 16' 24" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 4 | DC | xã Bồi Sơn | H. Đô Lương | 18° 56' 53" | 105° 16' 46" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 5 | DC | xã Bồi Sơn | H. Đô Lương | 18° 56' 53" | 105° 16' 46" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 6 | DC | xã Bồi Sơn | H. Đô Lương | 18° 56' 11' | 105° 16' 45" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 7 | DC | xã Bồi Sơn | H. Đô Lương | 18° 56' 39" | 105° 17' 05" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 8 | DC | xã Bồi Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 56" | 105° 17' 16" | | | | | E-48-31-B-a |
| suối Cây Thị | TV | xã Bồi Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 59' 25" | 105° 19' 58" | 18° 55' 42" | 105° 17' 25" | E-48-31-B-a |
| Sông Lam | TV | xã Bồi Sơn | H. Đô Lương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-B-a |
| núi Lèn Vụt | SV | xã Bồi Sơn | H. Đô Lương | 18° 58' 19" | 105° 16' 26" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 1 | DC | xã Đà Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 23" | 105° 17' 55" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 2 | DC | xã Đà Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 12" | 105° 17' 58" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 3 | DC | xã Đà Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 04" | 105° 18' 04" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 4 | DC | xã Đà Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 00" | 105° 18' 41" | | | | | E-48-31-B-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 5 | DC | xã Đà Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 59" | 105° 18' 12" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 6 | DC | xã Đà Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 50" | 105° 18' 12" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 7 | DC | xã Đà Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 44" | 105° 18' 18" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 8 | DC | xã Đà Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 33" | 105° 18' 28" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 9 | DC | xã Đà Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 22" | 105° 18' 00" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 10 | DC | xã Đà Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 39" | 105° 17' 52" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 11 | DC | xã Đà Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 14" | 105° 18' 26" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 12 | DC | xã Đà Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 16" | 105° 18' 38" | | | | | E-48-31-B-a |
| quốc lộ 15 | KX | xã Đà Sơn | H. Đô Lương | | | 19° 26' 37" | 105° 26' 54" | 18° 33' 35" | 105° 33' 24" | E-48-31-B-a |
| quốc lộ 46B | KX | xã Đà Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 53' 20" | 105° 18' 32" | 18° 44' 07" | 105° 22' 18" | E-48-31-B-a |
| Sông Lam | TV | xã Đà Sơn | H. Đô Lương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-B-a |
| xóm 1 | DC | xã Đại Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 26" | 105° 27' 49" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 2 | DC | xã Đại Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 10" | 105° 26' 56" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 3 | DC | xã Đại Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 53" | 105° 27' 38" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 4 | DC | xã Đại Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 18" | 105° 27' 35" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 5 | DC | xã Đại Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 01" | 105° 27' 13" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 6 | DC | xã Đại Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 36" | 105° 27' 23" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 7 | DC | xã Đại Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 15" | 105° 27' 22" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 8 | DC | xã Đại Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 13" | 105° 27' 32" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 9 | DC | xã Đại Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 17" | 105° 28' 01" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 10 | DC | xã Đại Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 00" | 105° 27' 45" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 11 | DC | xã Đại Sơn | H. Đô Lương | 18° 48' 13" | 105° 27' 36" | | | | | E-48-31-B-d |
| sông Bao A | TV | xã Đại Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 51' 09" | 105° 28' 38" | 18° 50' 32" | 105° 24' 20" | E-48-31-B-d |
| sông Bao Tham | TV | xã Đại Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 51' 03" | 105° 17' 52" | 18° 50' 05" | 105° 19' 52" | E-48-31-B-d |
| núi Động Khơ | SV | xã Đại Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 24" | 105° 26' 41" | | | | | E-48-31-B-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| núi Động Tri | SV | xã Đại Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 48" | 105° 27' 19" | | | | | E-48-31-B-b |
| núi Vàng Neo | SV | xã Đại Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 35" | 105° 26' 51" | | | | | E-48-31-B-b, E-48-31-B-d |
| xóm 1 | DC | xã Đặng Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 37" | 105° 17' 34" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 2 | DC | xã Đặng Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 23" | 105° 17' 36" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 3 | DC | xã Đặng Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 37" | 105° 16' 17" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 4 | DC | xã Đặng Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 30" | 105° 17' 39" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 5 | DC | xã Đặng Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 32" | 105° 16' 09" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 6 | DC | xã Đặng Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 30" | 105° 17' 39" | | | | | E-48-31-B-a |
| quốc lộ 7 | KX | xã Đặng Sơn | H. Đô Lương | | | 19° 28' 15" | 104° 05' 04" | 18° 58' 42" | 105° 35' 55" | E-48-31-B-a |
| xóm 7 | DC | xã Đặng Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 49" | 105° 17' 29" | | | | | E-48-31-B-a |
| đập Ba Ra | TV | xã Đặng Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 47" | 105° 17' 46" | | | | | E-48-31-B-a |
| cầu Đô Lương | KX | xã Đặng Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 06" | 105° 17' 30" | | | | | E-48-31-B-a |
| Sông Lam | TV | xã Đặng Sơn | H. Đô Lương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-B-a |
| xóm 1 | DC | xã Đông Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 58" | 105° 19' 16" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 2 | DC | xã Đông Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 06" | 105° 19' 07" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 3 | DC | xã Đông Sơn | H. Đô Lương | 18° 56' 55" | 105° 19' 13" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 4 | DC | xã Đông Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 20" | 105° 19' 04" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 5 | DC | xã Đông Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 07" | 105° 19' 10" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 6 | DC | xã Đông Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 24" | 105° 18' 38" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 7 | DC | xã Đông Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 43" | 105° 18' 36" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 8 | DC | xã Đông Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 48" | 105° 18' 27" | | | | | E-48-31-B-a |
| quốc lộ 15 | KX | xã Đông Sơn | H. Đô Lương | | | 19° 26' 37" | 105° 26' 54" | 18° 33' 35" | 105° 33' 24" | E-48-31-B-a |
| đập Bà Cụ Thưởng | TV | xã Đông Sơn | H. Đô Lương | 18° 56' 45" | 105° 18' 55" | | | | | E-48-31-B-a |
| cầu Ba Ra | KX | xã Đông Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 58" | 105° 17' 57" | | | | | E-48-31-B-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Núi Cam | SV | xã Đông Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 56" | 105° 18' 46" | | | | | E-48-31-B-a |
| Núi Cơm | SV | xã Đông Sơn | H. Đô Lương | 18° 56' 29" | 105° 19' 31" | | | | | E-48-31-B-a |
| Kênh Đào | TV | xã Đông Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 54' 17" | 105° 21' 12" | 18° 54' 52" | 105° 17' 49" | E-48-31-B-a |
| núi Eo Động Giang | SV | xã Đông Sơn | H. Đô Lương | 18° 56' 01" | 105° 19' 32" | | | | | E-48-31-B-a |
| suối Khe Qum | TV | xã Đông Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 57' 10" | 105° 20' 22" | 18° 58' 00" | 105° 17' 30" | E-48-31-B-a |
| Sông Lam | TV | xã Đông Sơn | H. Đô Lương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-B-a |
| Chợ Lường | KX | xã Đông Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 33" | 105° 18' 24" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Thống Nhất | DC | xã Đông Sơn | H. Đô Lương | 18° 56' 58" | 105° 18' 56" | | | | | E-48-31-B-a |
| quốc lộ 15 | KX | xã Giang Sơn Đông | H. Đô Lương | | | 19° 26' 37" | 105° 26' 54" | 18° 33' 35" | 105° 33' 24" | E-48-19-D-c |
| xóm Đông Sơn | DC | xã Giang Sơn Đông | H. Đô Lương | 19° 00' 29" | 105° 17' 41" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Đồng Xuân | DC | xã Giang Sơn Đông | H. Đô Lương | 19° 00' 40" | 105° 17' 00" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Hòa Bình | DC | xã Giang Sơn Đông | H. Đô Lương | 19° 00' 53" | 105° 17' 13" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Liên Giang | DC | xã Giang Sơn Đông | H. Đô Lương | 18° 59' 40" | 105° 17' 24" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Mỹ Hòa | DC | xã Giang Sơn Đông | H. Đô Lương | 19° 01' 26" | 105° 17' 23" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Nam Tân | DC | xã Giang Sơn Đông | H. Đô Lương | 19° 01' 26" | 105° 18' 20" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Nguyễn Tạo | DC | xã Giang Sơn Đông | H. Đô Lương | 19° 00' 32" | 105° 16' 31" | | | | | E-48-19-D-c |
| Xóm Phố | DC | xã Giang Sơn Đông | H. Đô Lương | 19° 00' 21" | 105° 17' 07" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Phương Đông | DC | xã Giang Sơn Đông | H. Đô Lương | 19° 01' 40" | 105° 18' 28" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Quang Giang | DC | xã Giang Sơn Đông | H. Đô Lương | 19° 01' 05" | 105° 17' 48" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Quang Mỹ | DC | xã Giang Sơn Đông | H. Đô Lương | 19° 00' 50" | 105° 18' 23" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Tân Tiến | DC | xã Giang Sơn Đông | H. Đô Lương | 19° 01' 06" | 105° 16' 37" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Tây Xuân | DC | xã Giang Sơn Đông | H. Đô Lương | 19° 00' 39" | 105° 16' 42" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Thị Tứ | DC | xã Giang Sơn Đông | H. Đô Lương | 19° 00' 21" | 105° 16' 47" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Thịnh Đồng | DC | xã Giang Sơn Đông | H. Đô Lương | 19° 00' 45" | 105° 16' 04" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Xuân Thịnh | DC | xã Giang Sơn Đông | H. Đô Lương | 19° 00' 12" | 105° 17' 50" | | | | | E-48-19-D-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Yên Lương | DC | xã Giang Sơn Đông | H. Đô Lương | 19° 01' 21" | 105° 17' 44" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Yên Sơn | DC | xã Giang Sơn Đông | H. Đô Lương | 18° 59' 41' | 105° 17' 32" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Yên Tân | DC | xã Giang Sơn Đông | H. Đô Lương | 19° 01' 33" | 105° 18' 01" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Bắc Giang | DC | xã Giang Sơn Tây | H. Đô Lương | 18° 59' 11" | 105° 14' 59" | | | | | E-48-31-B-a, E-48-31-A |
| xóm Bắc Lam | DC | xã Giang Sơn Tây | H. Đô Lương | 18° 59' 29" | 105° 16' 12" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Bắc Long | DC | xã Giang Sơn Tây | H. Đô Lương | 18° 59' 33" | 105° 16' 44" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Đồng Minh | DC | xã Giang Sơn Tây | H. Đô Lương | 18° 59' 39" | 105° 15' 48" | | | | | E-48-31-B-a |
| đập Đồng Thiêng | TV | xã Giang Sơn Tây | H. Đô Lương | 18° 59' 35" | 105° 15' 07" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Lê Lai | DC | xã Giang Sơn Tây | H. Đô Lương | 18° 59' 59" | 105° 15' 56" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Minh Thuận | DC | xã Giang Sơn Tây | H. Đô Lương | 18° 59' 36" | 105° 14' 47" | | | | | E-48-31-A |
| đập Mộ Dạ | TV | xã Giang Sơn Tây | H. Đô Lương | 19° 00' 22" | 105° 15' 32" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Ngọc Mỹ | DC | xã Giang Sơn Tây | H. Đô Lương | 18° 59' 28" | 105° 15' 28" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Ngọc Thành | DC | xã Giang Sơn Tây | H. Đô Lương | 18° 58' 50" | 105° 15' 52" | | | | | E-48-31-B-a |
| Núi Nhuyên | SV | xã Giang Sơn Tây | H. Đô Lương | 18° 58' 34" | 105° 16' 07" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Quang Trung | DC | xã Giang Sơn Tây | H. Đô Lương | 19° 00' 03" | 105° 15' 15" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Quyết Thắng | DC | xã Giang Sơn Tây | H. Đô Lương | 18° 59' 01" | 105° 15' 18" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Tràng Giang | DC | xã Giang Sơn Tây | H. Đô Lương | 18° 59' 13" | 105° 15' 44" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Trung Hậu | DC | xã Giang Sơn Tây | H. Đô Lương | 19° 00' 05" | 105° 16' 26" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Ba Mươi | DC | xã Hiến Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 27" | 105° 25' 02" | | | | | E-48-31-B-d |
| đập Ba Thi | TV | xã Hiến Sơn | H. Đô Lương | 18° 26' 02" | 105° 26' 02" | | | | | E-48-31-B-d |
| núi Động Khơ | SV | xã Hiến Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 24" | 105° 26' 41" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm Gia Khách | DC | xã Hiến Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 44" | 105° 24' 15" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm Hòa Bắc | DC | xã Hiến Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 44" | 105° 25' 15" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm Hòa Long | DC | xã Hiến Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 45" | 105° 25' 41" | | | | | E-48-31-B-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Hòa Minh | DC | xã Hiến Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 19" | 105° 24' 47" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm Hòa Nam | DC | xã Hiến Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 33" | 105° 25' 14" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm Hòa Phú | DC | xã Hiến Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 26" | 105° 25' 47" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm Hòa Thanh | DC | xã Hiến Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 13" | 105° 24' 29" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm Hòa Thiện | DC | xã Hiến Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 19" | 105° 25' 53" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm Hòa Thọ | DC | xã Hiến Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 40" | 105° 25' 48" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm Hòa Yên | DC | xã Hiến Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 41" | 105° 24' 50" | | | | | E-48-31-B-d |
| Bàu Mới | TV | xã Hiến Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 51' 09" | 105° 28' 38" | 18° 50' 32" | 105° 24' 20" | E-48-31-B-d |
| xóm Rú Đèn | DC | xã Hiến Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 36" | 105° 25' 40" | | | | | E-48-31-B-d |
| thôn Rú Hối | DC | xã Hiến Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 45" | 105° 26' 22" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm Thanh Lương | DC | xã Hiến Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 55" | 105° 26' 33" | | | | | E-48-31-B-d |
| đập Trọt Lăng | TV | xã Hiến Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 29" | 105° 26' 14" | | | | | E-48-31-B-d |
| thôn Văn Đồng | DC | xã Hiến Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 10" | 105° 25' 19" | | | | | E-48-31-B-d |
| núi Vàng Neo | SV | xã Hiến Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 35" | 105° 26' 51" | | | | | E-48-31-B-b, E-48-31-B-d |
| quốc lộ 7 | KX | xã Hòa Sơn | H. Đô Lương | | | 19° 28' 15" | 104° 05' 04" | 18° 58' 42" | 105° 35' 55" | E-48-31-B-a E-48-31-B-b |
| Động Cao | SV | xã Hòa Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 14" | 105° 23' 05" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Cồn Mội | DC | xã Hòa Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 31" | 105° 21' 35" | | | | | E-48-31-B-a |
| Sông Đào | TV | xã Hòa Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 45' 12" | 105° 36' 44" | 18° 41' 52" | 105° 29' 35" | E-48-32-C-a |
| Đập Đinh | TV | xã Hòa Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 14" | 105° 20' 55" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Đông Xuân | DC | xã Hòa Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 11" | 105° 21' 53" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Hiệp Hòa | DC | xã Hòa Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 37" | 105° 22' 00" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Hồ Sen | DC | xã Hòa Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 20" | 105° 21' 32" | | | | | E-48-31-B-a |
| Cầu Khuôn | KX | xã Hòa Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 46" | 105° 21' 10" | | | | | E-48-31-B-a |
| Xóm Khuôn | DC | xã Hòa Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 45" | 105° 21' 17" | | | | | E-48-31-B-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Minh Thọ | DC | xã Hòa Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 33' | 105° 22' 05" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Mỹ Hòa | DC | xã Hòa Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 37" | 105° 22' 39" | | | | | E-48-31-B-b |
| Suối Sau | TV | xã Hòa Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 54' 16" | 105° 21' 10" | 18° 51' 05" | 105° 22' 29" | E-48-31-B-a, E-48-31-B-c |
| Núi Ti | SV | xã Hòa Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 21" | 105° 22' 24" | | | | | E-48-31-B-a, E-48-31-B-b |
| xóm Vạn Yên | DC | xã Hòa Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 11" | 105° 22' 18" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Vũ Vũ | DC | xã Hòa Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 42" | 105° 22' 28" | | | | | E-48-31-B-a, E-48-31-B-b |
| xóm Yên Sơn 1 | DC | xã Hòa Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 54" | 105° 21' 12" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Yên Sơn 2 | DC | xã Hòa Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 35" | 105° 21' 15" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 1 | DC | xã Hồng Sơn | H. Đô Lương | 18° 57' 28" | 105° 17' 24" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 2 | DC | xã Hồng Sơn | H. Đô Lương | 18° 57' 38" | 105° 17' 42" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 3 | DC | xã Hồng Sơn | H. Đô Lương | 18° 57' 28" | 105° 18' 10" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 4 | DC | xã Hồng Sơn | H. Đô Lương | 18° 57' 51" | 105° 17' 41" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 5 | DC | xã Hồng Sơn | H. Đô Lương | 18° 57' 57" | 105° 18' 43" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 6 | DC | xã Hồng Sơn | H. Đô Lương | 18° 58' 27" | 105° 18' 13" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 7 | DC | xã Hồng Sơn | H. Đô Lương | 18° 58' 59" | 105° 17' 58" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 8 | DC | xã Hồng Sơn | H. Đô Lương | 18° 58' 18" | 105° 16' 54" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 9 | DC | xã Hồng Sơn | H. Đô Lương | 18° 58' 32" | 105° 17' 27" | | | | | E-48-31-B-a |
| quốc lộ 15 | KX | xã Hồng Sơn | H. Đô Lương | | | 19° 26' 37" | 105° 26' 54" | 18° 33' 35" | 105° 33' 24" | E-48-31-B-a |
| suối Cây Thị | TV | xã Hồng Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 59' 25" | 105° 19' 58" | 18° 55' 42" | 105° 17' 25" | E-48-31-B-a |
| núi Đông Quan | SV | xã Hồng Sơn | H. Đô Lương | 18° 58' 25" | 105° 18' 48" | | | | | E-48-31-B-a |
| cầu Hồng Sơn | KX | xã Hồng Sơn | H. Đô Lương | 18° 58' 19" | 105° 17' 24" | | | | | E-48-31-B-a |
| suối Khe Qum | TV | xã Hồng Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 57' 10" | 105° 20' 22" | 18° 58' 00" | 105° 17' 30" | E-48-31-B-a |
| núi Lèn Vụt | SV | xã Hồng Sơn | H. Đô Lương | 18° 58' 19" | 105° 16' 26" | | | | | E-48-31-B-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Núi Nhuyên | SV | xã Hồng Sơn | H. Đô Lương | 18° 58' 34" | 105° 16' 07" | | | | | E-48-31-B-a |
| cầu Tiên Nông | KX | xã Hồng Sơn | H. Đô Lương | 18° 57' 49" | 105° 17' 20" | | | | | E-48-31-B-a |
| núi Tràng Dinh | SV | xã Hồng Sơn | H. Đô Lương | 18° 57' 59" | 105° 19' 18" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 1 | DC | xã Lạc Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 47" | 105° 18' 31" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 2 | DC | xã Lạc Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 42" | 105° 18' 41" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 3 | DC | xã Lạc Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 01" | 105° 18' 58" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 4 | DC | xã Lạc Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 54" | 105° 18' 46" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 5 | DC | xã Lạc Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 43" | 105° 19' 14" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 6 | DC | xã Lạc Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 38" | 105° 19' 25" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 7 | DC | xã Lạc Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 47" | 105° 19' 29" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 8 | DC | xã Lạc Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 49" | 105° 19' 50" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 9 | DC | xã Lạc Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 22" | 105° 20' 21" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 10 | DC | xã Lạc Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 17" | 105° 20' 24" | | | | | E-48-31-B-c |
| quốc lộ 15 | KX | xã Lạc Sơn | H. Đô Lương | | | 19° 26' 37" | 105° 26' 54" | 18° 33' 35" | 105° 33' 24" | E-48-31-B-a, E-48-31-B-c |
| xóm 1 | DC | xã Lam Sơn | H. Đô Lương | 18° 56' 10" | 105° 15' 05" | | | | | E-48-31-A, E-48-31-B-a |
| xóm 2 | DC | xã Lam Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 37" | 105° 14' 35" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 3 | DC | xã Lam Sơn | H. Đô Lương | 18° 56' 03" | 105° 15' 43" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 4 | DC | xã Lam Sơn | H. Đô Lương | 18° 56' 11" | 105° 15' 50" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 5 | DC | xã Lam Sơn | H. Đô Lương | 18° 56' 44" | 105° 15' 57" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 6 | DC | xã Lam Sơn | H. Đô Lương | 18° 56' 50" | 105° 15' 29" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 7 | DC | xã Lam Sơn | H. Đô Lương | 18° 56' 52" | 105° 14' 53" | | | | | E-48-31-A, E-48-31-B-a |
| xóm 8 | DC | xã Lam Sơn | H. Đô Lương | 18° 57' 18" | 105° 15' 41" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 9 | DC | xã Lam Sơn | H. Đô Lương | 18° 57' 17" | 105° 15' 23" | | | | | E-48-31-B-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 10 | DC | xã Lam Sơn | H. Đô Lương | 18° 57' 45" | 105° 15' 37" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 11 | DC | xã Lam Sơn | H. Đô Lương | 18° 57' 51" | 105° 15' 13" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 12 | DC | xã Lam Sơn | H. Đô Lương | 18° 57' 52" | 105° 14' 43" | | | | | E-48-31-A, E-48-31-B-a |
| xóm 13 | DC | xã Lam Sơn | H. Đô Lương | 18° 57' 31" | 105° 14' 52" | | | | | E-48-31-A, E-48-31-B-a |
| xóm 14 | DC | xã Lam Sơn | H. Đô Lương | 18° 58' 23" | 105° 15' 00" | | | | | E-48-31-A, E-48-31-B-a |
| đập Cồn Lều | TV | xã Lam Sơn | H. Đô Lương | 18° 58' 11 | 105° 14' 38" | | | | | E-48-31-A |
| Núi Hội | SV | xã Lam Sơn | H. Đô Lương | 18° 56' 33" | 105° 14' 35" | | | | | E-48-31-A, E-48-31-B-a |
| quốc lộ 7 | KX | xã Lưu Sơn | H. Đô Lương | | | 19° 28' 15" | 104° 05' 04" | 18° 58' 42" | 105° 35' 55" | E-48-31-B-a |
| xóm Điện Biên | DC | xã Lưu Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 56" | 105° 16' 57" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Diên Hồng | DC | xã Lưu Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 47" | 105° 17' 34" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Diên Tiên | DC | xã Lưu Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 58" | 105° 17' 37" | | | | | E-48-31-B-a |
| cầu Đô Lương | KX | xã Lưu Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 06" | 105° 17' 30" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Hồng Phong | DC | xã Lưu Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 57" | 105° 16' 13" | | | | | E-48-31-B-a |
| Sông Lam | TV | xã Lưu Sơn | H. Đô Lương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-B-a |
| xóm Phú Thọ | DC | xã Lưu Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 58" | 105° 16' 31" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Quang Trung | DC | xã Lưu Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 00" | 105° 17' 24" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Trần Phú | DC | xã Lưu Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 34" | 105° 17' 34" | | | | | E-48-31-B-a |
| quốc lộ 15 | KX | xã Minh Sơn | H. Đô Lương | | | 19° 26' 37" | 105° 26' 54" | 18° 33' 35" | 105° 33' 24" | E-48-31-B-c |
| xóm Bình Minh | DC | xã Minh Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 52" | 105° 21' 35" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Cát Minh | DC | xã Minh Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 49" | 105° 21' 48" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Đại Minh | DC | xã Minh Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 09" | 105° 21' 11" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Đông Minh | DC | xã Minh Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 51" | 105° 22' 11" | | | | | E-48-31-B-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Sông Gang | TV | xã Minh Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 51' 44" | 105° 24' 55" | 18° 41' 54" | 105° 27' 23" | E-48-31-B-c |
| xóm Hội Minh | DC | xã Minh Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 50" | 105° 21' 26" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Long Minh | DC | xã Minh Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 45" | 105° 21' 41" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Nguyên Minh | DC | xã Minh Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 29" | 105° 22' 04" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Quang Minh | DC | xã Minh Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 35" | 105° 21' 48" | | | | | E-48-31-B-c |
| Suối Sau | TV | xã Minh Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 54' 16" | 105° 21' 10" | 18° 51' 05" | 105° 22' 29" | E-48-31-B-c |
| xóm Thái Minh | DC | xã Minh Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 59" | 105° 21' 30" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Thọ Minh | DC | xã Minh Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 36" | 105° 22' 11" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Thượng Minh | DC | xã Minh Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 07" | 105° 20' 59" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Trung Minh | DC | xã Minh Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 05" | 105° 21' 20" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Văn Minh | DC | xã Minh Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 33" | 105° 22' 00" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Yên Minh | DC | xã Minh Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 40" | 105° 22' 00" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 1 | DC | xã Mỹ Sơn | H. Đô Lương | 18° 49' 38" | 105° 24' 11" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 2 | DC | xã Mỹ Sơn | H. Đô Lương | 18° 49' 47" | 105° 24' 06" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 3 | DC | xã Mỹ Sơn | H. Đô Lương | 18° 49' 35" | 105° 23' 56" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 4 | DC | xã Mỹ Sơn | H. Đô Lương | 18° 49' 20" | 105° 23' 57" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 5 | DC | xã Mỹ Sơn | H. Đô Lương | 18° 49' 12" | 105° 24' 16" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 6 | DC | xã Mỹ Sơn | H. Đô Lương | 18° 48' 53" | 105° 24' 14" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 7 | DC | xã Mỹ Sơn | H. Đô Lương | 18° 49' 00" | 105° 23' 50" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 8 | DC | xã Mỹ Sơn | H. Đô Lương | 18° 48' 12" | 105° 23' 53" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 9 | DC | xã Mỹ Sơn | H. Đô Lương | 18° 47' 54" | 105° 24' 20" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 10 | DC | xã Mỹ Sơn | H. Đô Lương | 18° 47' 22" | 105° 24' 42" | | | | | E-48-31-B-d |
| quốc lộ 15 | KX | xã Mỹ Sơn | H. Đô Lương | | | 19° 26' 37" | 105° 26' 54" | 18° 33' 35" | 105° 33' 24" | E-48-31-B-d |
| sông Bao A | TV | xã Mỹ Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 51' 09" | 105° 28' 38" | 18° 50' 32" | 105° 24' 20" | E-48-31-B-d |
| núi Động Cáo | SV | xã Mỹ Sơn | H. Đô Lương | 18° 47' 41" | 105° 25' 33" | | | | | E-48-31-B-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| đập Khe Khế | TV | xã Mỹ Sơn | H. Đô Lương | 18° 47' 55" | 105° 24' 47" | | | | | E-48-31-B-d |
| núi Linh Anh | SV | xã Mỹ Sơn | H. Đô Lương | 18° 46' 51" | 105° 24' 00" | | | | | E-48-31-B-d |
| Bàu Nại | TV | xã Mỹ Sơn | H. Đô Lương | 18° 48' 34" | 105° 24' 44" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 1 | DC | xã Nam Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 47" | 105° 14' 14" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 2 | DC | xã Nam Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 5." | 105° 14' 51" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 3 | DC | xã Nam Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 35" | 105° 15' 18" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 4 | DC | xã Nam Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 33" | 105° 15' 07" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 5A | DC | xã Nam Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 51" | 105° 15' 35" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 5B | DC | xã Nam Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 45" | 105° 15' 26" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 6 | DC | xã Nam Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 38" | 105° 15' 56" | | | | | E-48-31-B-a |
| quốc lộ 7 | KX | xã Nam Sơn | H. Đô Lương | | | 19° 28' 15" | 104° 05' 04" | 18° 58' 42" | 105° 35' 55" | E-48-31-B-a |
| xóm 7 | DC | xã Nam Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 43" | 105° 16' 07" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 8 | DC | xã Nam Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 11" | 105° 14' 21" | | | | | E-48-31-A |
| đường tỉnh 533 | KX | xã Nam Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 54' 45" | 105° 15' 14" | 18° 38' 32" | 105° 30' 37" | E-48-31-B-a |
| Sông Lam | TV | xã Nam Sơn | H. Đô Lương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-B-a |
| xóm 1 | DC | xã Ngọc Sơn | H. Đô Lương | 18° 56' 12" | 105° 14' 49" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 2 | DC | xã Ngọc Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 43" | 105° 14' 48" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 3 | DC | xã Ngọc Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 38" | 105° 14' 36" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 4 | DC | xã Ngọc Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 47" | 105° 14' 25" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 5 | DC | xã Ngọc Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 58" | 105° 14' 49" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 6 | DC | xã Ngọc Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 50" | 105° 14' 40" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 7 | DC | xã Ngọc Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 18" | 105° 14' 39" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 8 | DC | xã Ngọc Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 16" | 105° 15' 22" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 9 | DC | xã Ngọc Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 28" | 105° 14' 19" | | | | | E-48-31-A |
| Núi Hội | SV | xã Ngọc Sơn | H. Đô Lương | 18° 56' 33" | 105° 14' 35" | | | | | E-48-31-B-a, E-48-31-A |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Sông Lam | TV | xã Ngọc Sơn | H. Đô Lương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-B-a, E-48-31-A |
| xóm 1 | DC | xã Nhân Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 29" | 105° 22' 28" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 2 | DC | xã Nhân Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 10" | 105° 22' 35" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 3 | DC | xã Nhân Sơn | H. Đô Lương | 18° 49' 55" | 105° 22' 35" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 4 | DC | xã Nhân Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 07" | 105° 22' 48" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 5 | DC | xã Nhân Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 17" | 105° 23' 09" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 6 | DC | xã Nhân Sơn | H. Đô Lương | 18° 49' 57" | 105° 23' 16" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 7 | DC | xã Nhân Sơn | H. Đô Lương | 18° 49' 57" | 105° 22' 58" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 8 | DC | xã Nhân Sơn | H. Đô Lương | 18° 49' 33" | 105° 23' 09" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 9 | DC | xã Nhân Sơn | H. Đô Lương | 18° 49' 10" | 105° 23' 24" | | | | | E-48-31-B-d |
| quốc lộ 15 | KX | xã Nhân Sơn | H. Đô Lương | | | 19° 26' 37" | 105° 26' 54" | 18° 33' 35" | 105° 33' 24" | E-48-19-B-b, E-48-31-B-c |
| Núi Đình | SV | xã Nhân Sơn | H. Đô Lương | 18° 49' 40" | 105° 22' 17" | | | | | E-48-31-B-c E-48-31-B-d |
| Sông Gang | TV | xã Nhân Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 51' 44" | 105° 24' 55" | 18° 41' 54" | 105° 27' 23" | E-48-19-B-b, E-48-31-B-c |
| xóm 1 | DC | xã Quang Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 49" | 105° 23' 35" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 2 | DC | xã Quang Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 19" | 105° 23' 46" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 3 | DC | xã Quang Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 31" | 105° 23' 29" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 4 | DC | xã Quang Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 12" | 105° 23' 30" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 5 | DC | xã Quang Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 54" | 105° 23' 50" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 6 | DC | xã Quang Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 39" | 105° 23' 55" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 7 | DC | xã Quang Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 50" | 105° 24' 19" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 8 | DC | xã Quang Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 41" | 105° 24' 20" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 9 | DC | xã Quang Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 12" | 105° 24' 02" | | | | | E-48-31-B-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 10 | DC | xã Quang Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 28" | 105° 23' 46" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 11 | DC | xã Quang Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 06" | 105° 23' 27" | | | | | E-48-31-B-d |
| Sông Gang | TV | xã Quang Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 51' 44" | 105° 24' 55" | 18° 41' 54" | 105° 27' 23" | E-48-31-B-d |
| núi Tù Lịp | SV | xã Quang Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 17" | 105° 23' 49" | | | | | E-48-31-B-b |
| núi Tùng Tạo | SV | xã Quang Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 50" | 105° 23' 32" | | | | | E-48-31-B-b |
| đập Văn Sơn | TV | xã Quang Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 10" | 105° 24' 18" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 1 | DC | xã Tân Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 09" | 105° 20' 52" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 2 | DC | xã Tân Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 19" | 105° 20' 50" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 3 | DC | xã Tân Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 21" | 105° 20' 44" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 4 | DC | xã Tân Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 30" | 105° 20' 56" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 5 | DC | xã Tân Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 37" | 105° 21' 08" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 6 | DC | xã Tân Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 34" | 105° 21' 18" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 7 | DC | xã Tân Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 00" | 105° 21' 26" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 8 | DC | xã Tân Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 00" | 105° 21' 41" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 9 | DC | xã Tân Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 01" | 105° 21' 48" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 10 | DC | xã Tân Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 00" | 105° 22' 04" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 11 | DC | xã Tân Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 42" | 105° 22' 05" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 12 | DC | xã Tân Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 24" | 105° 21' 51" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 13 | DC | xã Tân Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 17" | 105° 21' 46" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 14 | DC | xã Tân Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 33" | 105° 21' 47" | | | | | E-48-31-B-a |
| Suối Sau | TV | xã Tân Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 54' 16" | 105° 21' 10" | 18° 51' 05" | 105° 22' 29" | E-48-31-B-a, E-48-31-B-c |
| Núi Ti | SV | xã Tân Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 21" | 105° 22' 24" | | | | | E-48-31-B-a, E-48-31-B-b |
| xóm 1 | DC | xã Thái Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 02" | 105° 22' 35" | | | | | E-48-31-B-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 2 | DC | xã Thái Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 59" | 105° 23' 07" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 3 | DC | xã Thái Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 38" | 105° 23' 24" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 4 | DC | xã Thái Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 15" | 105° 23' 16" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 5 | DC | xã Thái Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 10" | 105° 23' 10" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 6 | DC | xã Thái Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 27" | 105° 23' 15" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 7 | DC | xã Thái Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 46" | 105° 22' 42" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 8 | DC | xã Thái Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 34" | 105° 22' 29" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 9 | DC | xã Thái Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 22" | 105° 22' 18" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 10 | DC | xã Thái Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 50" | 105° 22' 36" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 11 | DC | xã Thái Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 53" | 105° 22' 48" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 12 | DC | xã Thái Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 52" | 105° 22' 49" | | | | | E-48-31-B-d |
| Sông Gang | TV | xã Thái Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 26' 02" | 105° 26' 02" | 18° 41' 54" | 105° 27' 23" | E-48-31-B-d, E-48-31-B-c |
| đập Long Thái | TV | xã Thái Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 05" | 105° 23' 19" | | | | | E-48-31-B-d |
| Suối Sau | TV | xã Thái Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 54' 16" | 105° 21' 10" | 18° 51' 05" | 105° 22' 29" | E-48-31-B-c |
| Núi Ti | SV | xã Thái Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 21" | 105° 22' 24" | | | | | E-48-31-B-a, E-48-31-B-b |
| núi Tù Lịp | SV | xã Thái Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 17" | 105° 23' 49" | | | | | E-48-31-B-b |
| núi Tùng Tạo | SV | xã Thái Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 50" | 105° 23' 32" | | | | | E-48-31-B-b |
| núi U Bò | SV | xã Thái Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 14" | 105° 23' 05" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 1 | DC | xã Thịnh Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 53" | 105° 20' 23" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 2 | DC | xã Thịnh Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 00" | 105° 20' 50" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 3 | DC | xã Thịnh Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 15" | 105° 20' 30" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 4 | DC | xã Thịnh Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 04" | 105° 20' 45" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 5 | DC | xã Thịnh Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 45" | 105° 20' 26" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 6 | DC | xã Thịnh Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 08" | 105° 21' 08" | | | | | E-48-31-B-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| quốc lộ 7 | KX | xã Thịnh Sơn | H. Đô Lương | | | 19° 28' 15" | 104° 05' 04" | 18° 58' 42" | 105° 35' 55" | E-48-31-B-a |
| xóm 7 | DC | xã Thịnh Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 53" | 105° 20' 26" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 8 | DC | xã Thịnh Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 55" | 105° 20' 18" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 9 | DC | xã Thịnh Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 37" | 105° 20' 07" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 10 | DC | xã Thịnh Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 30 | 105° 20' 29" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 11 | DC | xã Thịnh Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 43" | 105° 20' 28" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 12 | DC | xã Thịnh Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 56" | 105° 20' 31" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 13 | DC | xã Thịnh Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 51" | 105° 20' 03" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 14 | DC | xã Thịnh Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 08" | 105° 20' 40" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 15 | DC | xã Thịnh Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 20" | 105° 20' 19" | | | | | E-48-31-B-a |
| Kênh Đào | TV | xã Thịnh Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 54' 17" | 105° 21' 12" | 18° 54' 52" | 105° 17' 49" | E-48-31-B-a |
| Đập Đinh | TV | xã Thịnh Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 14" | 105° 20' 55" | | | | | E-48-31-B-a |
| Suối Sau | TV | xã Thịnh Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 54' 16" | 105° 21' 10" | 18° 51' 05" | 105° 22' 29" | E-48-31-B-a, E-48-31-B-c |
| đập Yên Thế | TV | xã Thịnh Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 07" | 105° 20' 14" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 1 | DC | xã Thuận Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 52" | 105° 16' 39" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 2 | DC | xã Thuận Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 45" | 105° 16' 47" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 3 | DC | xã Thuận Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 44" | 105° 17' 41" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 4 | DC | xã Thuận Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 43" | 105° 18' 00" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 5 | DC | xã Thuận Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 25" | 105° 17' 55" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 6 | DC | xã Thuận Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 50" | 105° 18' 39" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 7 | DC | xã Thuận Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 24" | 105° 18' 30" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 8 | DC | xã Thuận Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 07" | 105° 18' 17" | | | | | E-48-31-B-c |
| quốc lộ 46B | KX | xã Thuận Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 53' 20" | 105° 18' 32" | 18° 44' 07" | 105° 22' 18" | E-48-31-B-a |
| sông Bao Tham | TV | xã Thuận Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 51' 03" | 105° 17' 52" | 18° 50' 05" | 105° 19' 52" | E-48-31-B-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Sông Lam | TV | xã Thuận Sơn | H. Đô Lương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-B-c |
| Đập Và | TV | xã Thuận Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 40" | 105° 18' 24" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 1 | DC | xã Thượng Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 22" | 105° 25' 48" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 2 | DC | xã Thượng Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 35" | 105° 25' 35" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 3 | DC | xã Thượng Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 49" | 105° 25' 48" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 4 | DC | xã Thượng Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 02" | 105° 25' 59" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 5 | DC | xã Thượng Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 01" | 105° 25' 25" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 6 | DC | xã Thượng Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 07" | 105° 25' 10" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 7 | DC | xã Thượng Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 31" | 105° 25' 03" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 8 | DC | xã Thượng Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 35" | 105° 24' 50" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 9 | DC | xã Thượng Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 08" | 105° 24' 41" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 10 | DC | xã Thượng Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 23" | 105° 24' 36" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 11 | DC | xã Thượng Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 49" | 105° 24' 43" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 12 | DC | xã Thượng Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 02" | 105° 24' 47" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 13 | DC | xã Thượng Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 13" | 105° 24' 55" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 14 | DC | xã Thượng Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 09" | 105° 24' 28" | | | | | E-48-31-B-d |
| đập Đồng Hồ | TV | xã Thượng Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 09" | 105° 26' 34" | | | | | E-48-31-B-b |
| núi Tu Líp | SV | xã Thượng Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 35" | 105° 27' 10" | | | | | E-48-31-B-b |
| núi Tù Và | SV | xã Thượng Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 53" | 105° 26' 22" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 1 | DC | xã Tràng Sơn | H. Đô Lương | 18° 56' 28" | 105° 17' 37" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 2 | DC | xã Tràng Sơn | H. Đô Lương | 18° 56' 08" | 105° 17' 37" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 3 | DC | xã Tràng Sơn | H. Đô Lương | 18° 56' 09" | 105° 17' 55" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 4 | DC | xã Tràng Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 55" | 105° 17' 37" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 5 | DC | xã Tràng Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 50" | 105° 18' 08" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 6 | DC | xã Tràng Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 40" | 105° 18' 15" | | | | | E-48-31-B-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 7 | DC | xã Tràng Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 51" | 105° 18' 25" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 8 | DC | xã Tràng Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 19" | 105° 18' 21" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 9 | DC | xã Tràng Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 14" | 105° 18' 43" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 10 | DC | xã Tràng Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 31" | 105° 18' 53" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 11 | DC | xã Tràng Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 37" | 105° 18' 16" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 12 | DC | xã Tràng Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 51" | 105° 18' 14" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 13 | DC | xã Tràng Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 47" | 105° 18' 09" | | | | | E-48-31-B-a |
| quốc lộ 15 | KX | xã Tràng Sơn | H. Đô Lương | | | 19° 26' 37" | 105° 26' 54" | 18° 33' 35" | 105° 33' 24" | E-48-31-B-a |
| cầu Ba Ra | KX | xã Tràng Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 58" | 105° 17' 57" | | | | | E-48-31-B-a |
| Núi Cam | SV | xã Tràng Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 56" | 105° 18' 46" | | | | | E-48-31-B-a |
| suối Cây Thị | TV | xã Tràng Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 59' 25" | 105° 19' 58" | 18° 55' 42" | 105° 17' 25" | E-48-31-B-a |
| Kênh Đào | TV | xã Tràng Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 54' 17" | 105° 21' 12" | 18° 54' 52" | 105° 17' 49" | E-48-31-B-a |
| Sông Lam | TV | xã Tràng Sơn | H. Đô Lương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-B-a |
| xóm 1 | DC | xã Trù Sơn | H. Đô Lương | 18° 49' 03" | 105° 25' 21" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 2 | DC | xã Trù Sơn | H. Đô Lương | 18° 48' 54" | 105° 25' 13" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 3 | DC | xã Trù Sơn | H. Đô Lương | 18° 48' 45" | 105° 25' 30" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 4 | DC | xã Trù Sơn | H. Đô Lương | 18° 48' 44" | 105° 25' 42" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 5 | DC | xã Trù Sơn | H. Đô Lương | 18° 49' 02" | 105° 26' 04" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 6 | DC | xã Trù Sơn | H. Đô Lương | 18° 49' 13" | 105° 26' 19" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 7 | DC | xã Trù Sơn | H. Đô Lương | 18° 49' 20" | 105° 26' 45" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 8 | DC | xã Trù Sơn | H. Đô Lương | 18° 49' 30" | 105° 26' 48" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 9 | DC | xã Trù Sơn | H. Đô Lương | 18° 49' 19" | 105° 26' 49" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 10 | DC | xã Trù Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 07" | 105° 26' 19" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 11 | DC | xã Trù Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 14" | 105° 26' 23" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 12 | DC | xã Trù Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 09" | 105° 26' 32" | | | | | E-48-31-B-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 13 | DC | xã Trù Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 14" | 105° 26' 42" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 14 | DC | xã Trù Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 09" | 105° 26' 58" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 15 | DC | xã Trù Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 04" | 105° 26' 36" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 16 | DC | xã Trù Sơn | H. Đô Lương | 18° 48' 03" | 105° 26' 33" | | | | | E-48-31-B-d |
| sông Bao A | TV | xã Trù Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 51' 09" | 105° 28' 38" | 18° 50' 32" | 105° 24' 20" | E-48-31-B-d |
| đập Bàu đá | TV | xã Trù Sơn | H. Đô Lương | 18° 48' 55" | 105° 26' 58" | | | | | E-48-31-B-d |
| núi Động Cáo | SV | xã Trù Sơn | H. Đô Lương | 18° 47' 41" | 105° 25' 33" | | | | | E-48-31-B-d |
| núi Động Lim | SV | xã Trù Sơn | H. Đô Lương | 18° 48' 26" | 105° 25' 23" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 1 | DC | xã Trung Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 08" | 105° 18' 23" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 2 | DC | xã Trung Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 50" | 105° 18' 43" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 3 | DC | xã Trung Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 49" | 105° 17' 57" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 4 | DC | xã Trung Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 01" | 105° 18' 54" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 5 | DC | xã Trung Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 04" | 105° 18' 20" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 6 | DC | xã Trung Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 10" | 105° 17' 50" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 7 | DC | xã Trung Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 16" | 105° 17' 19" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 8 | DC | xã Trung Sơn | H. Đô Lương | 18° 52' 12" | 105° 18' 01" | | | | | E-48-31-B-c |
| quốc lộ 15 | KX | xã Trung Sơn | H. Đô Lương | | | 19° 26' 37" | 105° 26' 54" | 18° 33' 35" | 105° 33' 24" | E-48-31-B-c |
| quốc lộ 46B | KX | xã Trung Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 53' 20" | 105° 18' 32" | 18° 44' 07" | 105° 22' 18" | E-48-31-B-c |
| Núi Cuồi | SV | xã Trung Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 35" | 105° 18' 59" | | | | | E-48-31-B-c |
| Sông Lam | TV | xã Trung Sơn | H. Đô Lương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-B-c |
| Đồi Si | SV | xã Trung Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 57" | 105° 17' 47" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 1 | DC | xã Văn Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 05" | 105° 19' 18" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 2 | DC | xã Văn Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 09" | 105° 19' 27" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 3 | DC | xã Văn Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 05" | 105° 19' 37" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 4 | DC | xã Văn Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 46" | 105° 19' 58" | | | | | E-48-31-B-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 5 | DC | xã Văn Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 08" | 105° 19' 21" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 6 | DC | xã Văn Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 36" | 105° 19' 54" | | | | | E-48-31-B-a |
| quốc lộ 7 | KX | xã Văn Sơn | H. Đô Lương | | | 19° 28' 15" | 104° 05' 04" | 18° 58' 42" | 105° 35' 55" | E-48-31-B-a |
| xóm 7 | DC | xã Văn Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 51" | 105° 20' 03" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 8 | DC | xã Văn Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 58" | 105° 20' 00" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 9 | DC | xã Văn Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 06" | 105° 19' 57" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 10 | DC | xã Văn Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 15" | 105° 19' 46" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 11 | DC | xã Văn Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 58" | 105° 19' 49" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 12 | DC | xã Văn Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 50" | 105° 19' 40" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 13 | DC | xã Văn Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 57" | 105° 20' 14" | | | | | E-48-31-B-a |
| Sông Đào | TV | xã Văn Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 45' 12" | 105° 36' 44" | 18° 41' 52" | 105° 29' 35" | E-48-32-C-a |
| núi Đông Bắc Trọc | SV | xã Văn Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 47" | 105° 19' 55" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 1 | DC | xã Xuân Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 51" | 105° 20' 25" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 2 | DC | xã Xuân Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 41" | 105° 19' 34" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 3 | DC | xã Xuân Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 25" | 105° 19' 47" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 4 | DC | xã Xuân Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 05" | 105° 20' 00" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 5 | DC | xã Xuân Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 51" | 105° 20' 02" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 6 | DC | xã Xuân Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 37" | 105° 19' 41" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 7 | DC | xã Xuân Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 20" | 105° 19' 45" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 8 | DC | xã Xuân Sơn | H. Đô Lương | 18° 50' 56" | 105° 19' 37" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 9 | DC | xã Xuân Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 22" | 105° 19' 23" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 10 | DC | xã Xuân Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 42" | 105° 19' 15" | | | | | E-48-31-B-c |
| quốc lộ 15 | KX | xã Xuân Sơn | H. Đô Lương | | | 19° 26' 37" | 105° 26' 54" | 18° 33' 35" | 105° 33' 24" | E-48-31-B-c |
| sông Bao Tham | TV | xã Xuân Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 51' 03" | 105° 17' 52" | 18° 50' 05" | 105° 19' 52" | E-48-31-B-c |
| Rú Cuồi | SV | xã Xuân Sơn | H. Đô Lương | 18° 51' 35" | 105° 18' 59" | | | | | E-48-31-B-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| quốc lộ 7 | KX | xã Yên Sơn | H. Đô Lương | | | 19° 28' 15" | 104° 05' 04" | 18° 58' 42" | 105° 35' 55" | E-48-31-B-a |
| Kênh Đào | TV | xã Yên Sơn | H. Đô Lương | | | 18° 54' 17" | 105° 21' 12" | 18° 54' 52" | 105° 17' 49" | E-48-31-B-a |
| xóm Yên Đình | DC | xã Yên Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 58" | 105° 18' 59" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Yên Hoa | DC | xã Yên Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 07" | 105° 18' 35" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Yên Hòa | DC | xã Yên Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 54" | 105° 19' 11" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Yên Hương | DC | xã Yên Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 17" | 105° 18' 50" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Yên Khánh | DC | xã Yên Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 11" | 105° 19' 16" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Yên Minh | DC | xã Yên Sơn | H. Đô Lương | 18° 53' 56" | 105° 19' 05" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Yên Phú | DC | xã Yên Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 01" | 105° 18' 53" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Yên Quang | DC | xã Yên Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 15" | 105° 19' 00" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Yên Tân | DC | xã Yên Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 45" | 105° 19' 34" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Yên Thế | DC | xã Yên Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 11" | 105° 19' 09" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Yên Thịnh | DC | xã Yên Sơn | H. Đô Lương | 18° 55' 10" | 105° 19' 36" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Yên Trung | DC | xã Yên Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 58" | 105° 19' 30" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Yên Trường | DC | xã Yên Sơn | H. Đô Lương | 18° 54' 05" | 105° 18' 44" | | | | | E-48-31-B-a |
| khối 1 | DC | TT. Hưng Nguyên | H. Hưng Nguyên | 18° 39' 31" | 105° 37' 09" | | | | | E-48-32-C-a |
| khối 2 | DC | TT. Hưng Nguyên | H. Hưng Nguyên | 18° 39' 27" | 105° 37' 22" | | | | | E-48-32-C-a |
| khối 3 | DC | TT. Hưng Nguyên | H. Hưng Nguyên | 18° 39' 29" | 105° 37' 35" | | | | | E-48-32-C-b |
| khối 4 | DC | TT. Hưng Nguyên | H. Hưng Nguyên | 18° 39' 36" | 105° 37' 40" | | | | | E-48-32-C-b |
| khối 5 | DC | TT. Hưng Nguyên | H. Hưng Nguyên | 18° 39' 19" | 105° 37' 50" | | | | | E-48-32-C-b |
| khối 6 | DC | TT. Hưng Nguyên | H. Hưng Nguyên | 18° 39' 25" | 105° 38' 17" | | | | | E-48-32-C-b |
| khối 7 | DC | TT. Hưng Nguyên | H. Hưng Nguyên | 18° 40' 06" | 105° 37' 42" | | | | | E-48-32-C-b |
| khối 8 | DC | TT. Hưng Nguyên | H. Hưng Nguyên | 18° 39' 53" | 105° 37' 33" | | | | | E-48-32-C-b |
| khối 9 | DC | TT. Hưng Nguyên | H. Hưng Nguyên | 18° 39' 57" | 105° 38' 02" | | | | | E-48-32-C-b |
| khối 10 | DC | TT. Hưng Nguyên | H. Hưng Nguyên | 18° 40' 44" | 105° 37' 54" | | | | | E-48-32-C-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| khối 11 | DC | TT. Hưng Nguyên | H. Hưng Nguyên | 18° 40' 45" | 105° 37' 31" | | | | | E-48-32-C-a |
| khối 12 | DC | TT. Hưng Nguyên | H. Hưng Nguyên | 18° 41' 09" | 105° 37' 25" | | | | | E-48-32-C-a |
| khối 13 | DC | TT. Hưng Nguyên | H. Hưng Nguyên | 18° 40' 20" | 105° 37' 15" | | | | | E-48-32-C-a |
| khối 14 | DC | TT. Hưng Nguyên | H. Hưng Nguyên | 18° 40' 29" | 105° 37' 37" | | | | | E-48-32-C-b |
| khối 15 | DC | TT. Hưng Nguyên | H. Hưng Nguyên | 18° 40' 13" | 105° 37' 58" | | | | | E-48-32-C-b |
| khối 16 | DC | TT. Hưng Nguyên | H. Hưng Nguyên | 18° 40' 11" | 105° 38' 10" | | | | | E-48-32-C-b |
| khối 17 | DC | TT. Hưng Nguyên | H. Hưng Nguyên | 18° 39' 52" | 105° 37' 48" | | | | | E-48-32-C-b |
| quốc lộ 46 | KX | TT. Hưng Nguyên | H. Hưng Nguyên | | | 18° 36' 19" | 105° 11' 23" | 18° 49' 41" | 105° 42' 18" | E-48-32-C-b |
| Xí nghiệp Gạch 22/12 | KX | TT. Hưng Nguyên | H. Hưng Nguyên | 18° 39' 32" | 105° 38' 10" | | | | | E-48-32-C-b |
| đường tỉnh 542C | KX | TT. Hưng Nguyên | H. Hưng Nguyên | | | 18° 36' 53" | 105° 36' 13" | 18° 40' 18" | 105° 37' 52" | E-48-32-C-b |
| Sông Đào | TV | TT. Hưng Nguyên | H. Hưng Nguyên | | | 18° 45' 12" | 105° 36' 44" | 18° 41' 52" | 105° 29' 35" | E-48-32-C-a |
| xóm 1 | DC | xã Hưng Châu | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 30" | 105° 39' 02" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 2 | DC | xã Hưng Châu | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 49" | 105° 39' 33" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 3 | DC | xã Hưng Châu | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 58" | 105° 39' 39" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 4 | DC | xã Hưng Châu | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 06" | 105° 39' 42" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 5 | DC | xã Hưng Châu | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 13" | 105° 39' 51" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 6 | DC | xã Hưng Châu | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 18" | 105° 39' 55" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 7 | DC | xã Hưng Châu | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 30" | 105° 40' 11" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 8 | DC | xã Hưng Châu | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 37" | 105° 40' 19" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 9 | DC | xã Hưng Châu | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 17" | 105° 40' 07" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 10 | DC | xã Hưng Châu | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 24" | 105° 40' 01" | | | | | E-48-32-C-d |
| đường tỉnh 542 | KX | xã Hưng Châu | H. Hưng Nguyên | | | 18° 41' 55" | 105° 29' 50" | 18° 46' 13" | 105° 45' 02" | E-48-32-C-d |
| đường tỉnh 542C | KX | xã Hưng Châu | H. Hưng Nguyên | | | 18° 36' 53" | 105° 36' 13" | 18° 40' 18" | 105° 37' 52" | E-48-32-C-d |
| hói Lam Giang | TV | xã Hưng Châu | H. Hưng Nguyên | | | 18° 35' 10" | 105° 39' 26" | 18° 36' 35" | 105° 41' 08" | E-48-32-C-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Núi Nhón | SV | xã Hưng Châu | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 42" | 105° 39' 07" | | | | | E-48-32-C-d |
| khối 1 | DC | xã Hưng Đạo | H. Hưng Nguyên | 18° 40' 42" | 105° 36' 26" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 1 | DC | xã Hưng Đạo | H. Hưng Nguyên | 18° 39' 44" | 105° 35' 30" | | | | | E-48-32-C-a |
| khối 2 | DC | xã Hưng Đạo | H. Hưng Nguyên | 18° 40' 33" | 105° 36' 17" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 2A | DC | xã Hưng Đạo | H. Hưng Nguyên | 18° 39' 54" | 105° 35' 36" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 2B | DC | xã Hưng Đạo | H. Hưng Nguyên | 18° 39' 53" | 105° 35' 27" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 3 | DC | xã Hưng Đạo | H. Hưng Nguyên | 18° 40' 01" | 105° 36' 20" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 4A | DC | xã Hưng Đạo | H. Hưng Nguyên | 18° 40' 31" | 105° 36' 48" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 4B | DC | xã Hưng Đạo | H. Hưng Nguyên | 18° 40' 43" | 105° 36' 43" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 5A | DC | xã Hưng Đạo | H. Hưng Nguyên | 18° 39' 43" | 105° 36' 30" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 5B | DC | xã Hưng Đạo | H. Hưng Nguyên | 18° 39' 40" | 105° 36' 35" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 6A | DC | xã Hưng Đạo | H. Hưng Nguyên | 18° 40' 00" | 105° 36' 52" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 6B | DC | xã Hưng Đạo | H. Hưng Nguyên | 18° 40' 31" | 105° 36' 48" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 7 | DC | xã Hưng Đạo | H. Hưng Nguyên | 18° 39' 57" | 105° 36' 53" | | | | | E-48-32-C-a |
| quốc lộ 46 | KX | xã Hưng Đạo | H. Hưng Nguyên | | | 18° 36' 19" | 105° 11' 23" | 18° 49' 41" | 105° 42' 18" | E-48-32-C-a |
| sông Hoàng Cần | TV | xã Hưng Đạo | H. Hưng Nguyên | | | 18° 45' 11" | 105° 36' 44" | 18° 41' 52" | 105° 29' 35" | E-48-32-C-b |
| sông Lam Trà | TV | xã Hưng Đạo | H. Hưng Nguyên | | | 18° 39' 19" | 105° 36' 35" | 18° 42' 02" | 105° 33' 13" | E-48-32-C-a |
| Núi Mượu | SV | xã Hưng Đạo | H. Hưng Nguyên | 18° 41' 21" | 105° 36' 13" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Nền Dầu | DC | xã Hưng Đạo | H. Hưng Nguyên | 18° 40' 20" | 105° 37' 15" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 1 | DC | xã Hưng Khánh | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 15" | 105° 39' 09" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 2 | DC | xã Hưng Khánh | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 16" | 105° 39' 13" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 3 | DC | xã Hưng Khánh | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 15" | 105° 39' 22" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 4 | DC | xã Hưng Khánh | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 26" | 105° 39' 23" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 5 | DC | xã Hưng Khánh | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 38" | 105° 39' 27" | | | | | E-48-32-C-d |
| đường tỉnh 542 | KX | xã Hưng Khánh | H. Hưng Nguyên | | | 18° 41' 55" | 105° 29' 50" | 18° 46' 13" | 105° 45' 02" | E-48-32-C-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Sông Lam | TV | xã Hưng Khánh | H. Hưng Nguyên | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-32-C-d |
| hói Lam Giang | TV | xã Hưng Khánh | H. Hưng Nguyên | | | 18° 35' 10" | 105° 39' 26" | 18° 36' 35" | 105° 41' 08" | E-48-32-C-d |
| xóm 1 | DC | xã Hưng Lam | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 39" | 105° 37' 37" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 2 | DC | xã Hưng Lam | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 31" | 105° 37' 20" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 3 | DC | xã Hưng Lam | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 26" | 105° 37' 18" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 4 | DC | xã Hưng Lam | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 30" | 105° 37' 14" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 5 | DC | xã Hưng Lam | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 19" | 105° 37' 10" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 6 | DC | xã Hưng Lam | H. Hưng Nguyên | 18° 34' 46" | 105° 37' 10" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 7 | DC | xã Hưng Lam | H. Hưng Nguyên | 18° 34' 45" | 105° 37' 12" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 8 | DC | xã Hưng Lam | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 03" | 105° 37' 44" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 9 | DC | xã Hưng Lam | H. Hưng Nguyên | 18° 34' 33" | 105° 37' 14" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 10 | DC | xã Hưng Lam | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 44" | 105° 37' 22" | | | | | E-48-32-C-c |
| đường tỉnh 542 | KX | xã Hưng Lam | H. Hưng Nguyên | | | 18° 41' 55" | 105° 29' 50" | 18° 46' 13" | 105° 45' 02" | E-48-32-C-d |
| Sông Lam | TV | xã Hưng Lam | H. Hưng Nguyên | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-32-C-c, E-48-32-C-d |
| Núi Thành | SV | xã Hưng Lam | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 24" | 105° 37' 56" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 1A | DC | xã Hưng Lĩnh | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 24" | 105° 34' 26" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 1B | DC | xã Hưng Lĩnh | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 32" | 105° 34' 28" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 2 | DC | xã Hưng Lĩnh | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 37" | 105° 34' 11" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 3 | DC | xã Hưng Lĩnh | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 45" | 105° 33' 56" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 4A | DC | xã Hưng Lĩnh | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 08" | 105° 33' 31" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 4B | DC | xã Hưng Lĩnh | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 01" | 105° 33' 39" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 5A | DC | xã Hưng Lĩnh | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 01" | 105° 33' 45" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 5B | DC | xã Hưng Lĩnh | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 12" | 105° 33' 52" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 6 | DC | xã Hưng Lĩnh | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 21" | 105° 34' 01" | | | | | E-48-32-C-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 7 | DC | xã Hưng Lĩnh | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 45" | 105° 34' 02" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 8 | DC | xã Hưng Lĩnh | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 30" | 105° 34' 06" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 9A | DC | xã Hưng Lĩnh | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 02" | 105° 34' 13" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 9B | DC | xã Hưng Lĩnh | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 55" | 105° 34' 29" | | | | | E-48-32-C-a |
| đường tỉnh 542 | KX | xã Hưng Lĩnh | H. Hưng Nguyên | | | 18° 41' 55" | 105° 29' 50" | 18° 46' 13" | 105° 45' 02" | E-48-32-C-d |
| đò Chợ Liêu | KX | xã Hưng Lĩnh | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 49" | 105° 33' 23" | | | | | E-48-32-C-a |
| núi Chùa Khê | SV | xã Hưng Lĩnh | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 22" | 105° 34' 21" | | | | | E-48-32-C-a |
| Sông Lam | TV | xã Hưng Lĩnh | H. Hưng Nguyên | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-32-C-a |
| xóm 1 | DC | xã Hưng Lợi | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 45" | 105° 40' 39" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 2 | DC | xã Hưng Lợi | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 48" | 105° 40' 52" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 3 | DC | xã Hưng Lợi | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 01" | 105° 40' 53" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 4 | DC | xã Hưng Lợi | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 31" | 105° 40' 19" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm 5 | DC | xã Hưng Lợi | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 33" | 105° 40' 42" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm 6 | DC | xã Hưng Lợi | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 49" | 105° 41' 00" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm 7 | DC | xã Hưng Lợi | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 12" | 105° 41' 10" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm 8 | DC | xã Hưng Lợi | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 45" | 105° 40' 58" | | | | | E-48-32-C-b |
| đường tỉnh 542 | KX | xã Hưng Lợi | H. Hưng Nguyên | | | 18° 41' 55" | 105° 29' 50" | 18° 46' 13" | 105° 45' 02" | E-48-32-C-d |
| đập Ba Ra | TV | xã Hưng Lợi | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 38" | 105° 41' 50" | | | | | E-48-32-C-b |
| sông Cầu Gãy | TV | xã Hưng Lợi | H. Hưng Nguyên | | | 18° 37' 58" | 105° 39' 47" | 18° 38' 33" | 105° 41' 34" | E-48-32-C-b |
| sông Cửa Tiền | TV | xã Hưng Lợi | H. Hưng Nguyên | | | 18° 39' 56" | 105° 39' 07" | 18° 38' 25" | 105° 42' 16" | E-48-32-C-b |
| xóm Hồng Lam 1 | DC | xã Hưng Lợi | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 54" | 105° 40' 46" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm Hồng Lam 2 | DC | xã Hưng Lợi | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 35" | 105° 41' 40" | | | | | E-48-32-C-b |
| Sông Lam | TV | xã Hưng Lợi | H. Hưng Nguyên | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-32-C-b, E-48-32-C-d |
| hói Lam Giang | TV | xã Hưng Lợi | H. Hưng Nguyên | | | 18° 35' 10" | 105° 39' 26" | 18° 36' 35" | 105° 41' 08" | E-48-32-C-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 7A | DC | xã Hưng Long | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 30" | 105° 35' 09" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 7B | DC | xã Hưng Long | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 44" | 105° 34' 55" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 8 | DC | xã Hưng Long | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 17" | 105° 35' 33" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 9A | DC | xã Hưng Long | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 25" | 105° 35' 22" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 9B | DC | xã Hưng Long | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 24" | 105° 35' 29" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 10 | DC | xã Hưng Long | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 41" | 105° 35' 48" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 11A | DC | xã Hưng Long | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 14" | 105° 35' 38" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 11B | DC | xã Hưng Long | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 06" | 105° 35' 56" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 12 | DC | xã Hưng Long | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 08" | 105° 35' 22" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 16 | DC | xã Hưng Long | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 55" | 105° 35' 24" | | | | | E-48-32-C-a |
| đường tỉnh 542 | KX | xã Hưng Long | H. Hưng Nguyên | | | 18° 41' 55" | 105° 29' 50" | 18° 46' 13" | 105° 45' 02" | E-48-32-C-d |
| Sông Lam | TV | xã Hưng Long | H. Hưng Nguyên | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-32-C-a, E-48-32-C-c |
| xóm 1 | DC | xã Hưng Mỹ | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 00" | 105° 38' 55" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm 2 | DC | xã Hưng Mỹ | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 11" | 105° 38' 49" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm 3 | DC | xã Hưng Mỹ | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 37" | 105° 38' 59" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm 4A | DC | xã Hưng Mỹ | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 50" | 105° 39' 03" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm 4B | DC | xã Hưng Mỹ | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 51" | 105° 38' 56" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm 5A | DC | xã Hưng Mỹ | H. Hưng Nguyên | 18° 39' 13" | 105° 38' 45" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm 5B | DC | xã Hưng Mỹ | H. Hưng Nguyên | 18° 39' 09" | 105° 38' 40" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm 6 | DC | xã Hưng Mỹ | H. Hưng Nguyên | 18° 39' 01" | 105° 38' 18" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm 7 | DC | xã Hưng Mỹ | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 52" | 105° 38' 09" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm 8 | DC | xã Hưng Mỹ | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 49" | 105° 38' 17" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm 9 | DC | xã Hưng Mỹ | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 33" | 105° 38' 25" | | | | | E-48-32-C-b |
| sông Hoàng Cần | TV | xã Hưng Mỹ | H. Hưng Nguyên | | | 18° 45' 11" | 105° 36' 44" | 18° 41' 52" | 105° 29' 35" | E-48-32-C-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 1 | DC | xã Hưng Nhân | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 13" | 105° 40' 57" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 2 | DC | xã Hưng Nhân | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 55" | 105° 40' 41" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 3 | DC | xã Hưng Nhân | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 23" | 105° 40' 43" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 4 | DC | xã Hưng Nhân | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 25" | 105° 40' 21" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 5 | DC | xã Hưng Nhân | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 27" | 105° 40' 12" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 6 | DC | xã Hưng Nhân | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 34" | 105° 40' 20" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 7 | DC | xã Hưng Nhân | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 43" | 105° 40' 12" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 8 | DC | xã Hưng Nhân | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 53" | 105° 40' 18" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 9 | DC | xã Hưng Nhân | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 29" | 105° 40' 50" | | | | | E-48-32-C-d |
| Sông Lam | TV | xã Hưng Nhân | H. Hưng Nguyên | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-32-C-d |
| hói Lam Giang | TV | xã Hưng Nhân | H. Hưng Nguyên | | | 18° 35' 10" | 105° 39' 26" | 18° 36' 35" | 105° 41' 08" | E-48-32-C-d |
| xóm 1 | DC | xã Hưng Phú | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 07" | 105° 39' 03" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 2 | DC | xã Hưng Phú | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 03" | 105° 38' 58" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 3 | DC | xã Hưng Phú | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 00" | 105° 38' 49" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 4 | DC | xã Hưng Phú | H. Hưng Nguyên | 18° 34' 59" | 105° 38' 40" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 5 | DC | xã Hưng Phú | H. Hưng Nguyên | 18° 34' 53" | 105° 38' 27" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 6 | DC | xã Hưng Phú | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 05" | 105° 38' 28" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 7 | DC | xã Hưng Phú | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 39" | 105° 38' 26" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 8 | DC | xã Hưng Phú | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 54" | 105° 38' 32" | | | | | E-48-32-C-d |
| Sông Lam | TV | xã Hưng Phú | H. Hưng Nguyên | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-32-C-d |
| xóm 1 | DC | xã Hưng Phúc | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 31" | 105° 40' 19" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm 2 | DC | xã Hưng Phúc | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 38" | 105° 39' 42" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm 3 | DC | xã Hưng Phúc | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 13" | 105° 39' 59" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 4 | DC | xã Hưng Phúc | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 10" | 105° 39' 40" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 5 | DC | xã Hưng Phúc | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 56" | 105° 39' 33" | | | | | E-48-32-C-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 6 | DC | xã Hưng Phúc | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 15" | 105° 39' 21" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 7 | DC | xã Hưng Phúc | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 11" | 105° 39' 17" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 8 | DC | xã Hưng Phúc | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 26" | 105° 39' 04" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm 9 | DC | xã Hưng Phúc | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 38" | 105° 39' 13" | | | | | E-48-32-C-b |
| đường tỉnh 542B | KX | xã Hưng Phúc | H. Hưng Nguyên | | | 18° 36' 07" | 105° 39' 48" | 18° 39' 00" | 105° 39' 55" | E-48-32-C-b, E-48-32-C-d |
| Sông Đào | TV | xã Hưng Phúc | H. Hưng Nguyên | | | 18° 45' 12" | 105° 36' 44" | 18° 41' 52" | 105° 29' 35" | E-48-32-C-a |
| Núi Nhón | SV | xã Hưng Phúc | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 42" | 105° 39' 07" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 1 | DC | xã Hưng Tân | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 56" | 105° 37' 05" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 2 | DC | xã Hưng Tân | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 44" | 105° 37' 16" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 3 | DC | xã Hưng Tân | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 35" | 105° 37' 35" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm 4 | DC | xã Hưng Tân | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 43" | 105° 37' 38" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm 5 | DC | xã Hưng Tân | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 22" | 105° 37' 37" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 6 | DC | xã Hưng Tân | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 21" | 105° 37' 23" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 7 | DC | xã Hưng Tân | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 15" | 105° 37' 28" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 8 | DC | xã Hưng Tân | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 00" | 105° 37' 47" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm 9 | DC | xã Hưng Tân | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 11" | 105° 37' 53" | | | | | E-48-32-C-b |
| đường tỉnh 542C | KX | xã Hưng Tân | H. Hưng Nguyên | | | 18° 36' 53" | 105° 36' 13" | 18° 40' 18" | 105° 37' 52" | E-48-32-C-b, E-48-32-C-a |
| sông Hoàng Cần | TV | xã Hưng Tân | H. Hưng Nguyên | | | 18° 45' 11" | 105° 36' 44" | 18° 41' 52" | 105° 29' 35" | E-48-32-C-b |
| kênh 17 | TV | xã Hưng Tây | H. Hưng Nguyên | | | 18° 47' 50" | 105° 34' 17" | 18° 42' 32" | 105° 38' 05" | E-48-32-C-a, E-48-32-C-b |
| xóm Bắc Kẻ Gai 1 | DC | xã Hưng Tây | H. Hưng Nguyên | 18° 43' 11" | 105° 37' 43" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm Bắc Kẻ Gai 2 | DC | xã Hưng Tây | H. Hưng Nguyên | 18° 43' 02" | 105° 37' 47" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm Bắc Kẻ Gai 3 | DC | xã Hưng Tây | H. Hưng Nguyên | 18° 42' 49" | 105° 37' 54" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm Bắc Phúc Hòa | DC | xã Hưng Tây | H. Hưng Nguyên | 18° 41' 47" | 105° 38' 13" | | | | | E-48-32-C-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Bắc Phúc Long | DC | xã Hưng Tây | H. Hưng Nguyên | 18° 41' 29" | 105° 38' 23" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm Đại Đồng | DC | xã Hưng Tây | H. Hưng Nguyên | 18° 42' 19" | 105° 36' 35" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Đại Huệ 1 | DC | xã Hưng Tây | H. Hưng Nguyên | 18° 41' 51" | 105° 36' 40" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Đại Huệ 7 | DC | xã Hưng Tây | H. Hưng Nguyên | 18° 41' 30" | 105° 36' 39" | | | | | E-48-32-C-a |
| Xóm Đình | DC | xã Hưng Tây | H. Hưng Nguyên | 18° 42' 03" | 105° 37' 13" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Hưng Thịnh 1 | DC | xã Hưng Tây | H. Hưng Nguyên | 18° 44' 05" | 105° 37' 14" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Hưng Thịnh 2 | DC | xã Hưng Tây | H. Hưng Nguyên | 18° 43' 47" | 105° 37' 21" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Hưng Thịnh 3 | DC | xã Hưng Tây | H. Hưng Nguyên | 18° 43' 37" | 105° 37' 26" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Khoa Đà 1 | DC | xã Hưng Tây | H. Hưng Nguyên | 18° 42' 21" | 105° 38' 04" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm Khoa Đà 2 | DC | xã Hưng Tây | H. Hưng Nguyên | 18° 42' 15" | 105° 38' 06" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm Khoa Đà 3 | DC | xã Hưng Tây | H. Hưng Nguyên | 18° 42' 02" | 105° 38' 09" | | | | | E-48-32-C-b |
| Xóm Kỳ | DC | xã Hưng Tây | H. Hưng Nguyên | 18° 41' 42" | 105° 37' 20" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Lam Đồng | DC | xã Hưng Tây | H. Hưng Nguyên | 18° 42' 24" | 105° 37' 19" | | | | | E-48-32-C-b |
| núi Lưỡi Hái | SV | xã Hưng Tây | H. Hưng Nguyên | 18° 43' 55" | 105° 36' 23" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Nam Kẻ Gai | DC | xã Hưng Tây | H. Hưng Nguyên | 18° 42' 38" | 105° 38' 01" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm Nam Phúc Long | DC | xã Hưng Tây | H. Hưng Nguyên | 18° 41' 23" | 105° 38' 24" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm Nam Phúc Hòa | DC | xã Hưng Tây | H. Hưng Nguyên | 18° 41' 35" | 105° 38' 18" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm Phúc Điền 1 | DC | xã Hưng Tây | H. Hưng Nguyên | 18° 43' 24" | 105° 36' 59" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Phúc Điền 2 | DC | xã Hưng Tây | H. Hưng Nguyên | 18° 43' 06" | 105° 37' 01" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Thượng Khê 3 | DC | xã Hưng Tây | H. Hưng Nguyên | 18° 42' 52" | 105° 37' 04" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Thượng Khê 4 | DC | xã Hưng Tây | H. Hưng Nguyên | 18° 42' 37" | 105° 37' 08" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Trung Kẻ Gai | DC | xã Hưng Tây | H. Hưng Nguyên | 18° 42' 55" | 105° 37' 57" | | | | | E-48-32-C-b |
| Xóm Vạc | DC | xã Hưng Tây | H. Hưng Nguyên | 18° 41' 20" | 105° 37' 24" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 16 | DC | xã Hưng Thắng | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 53" | 105° 38' 43" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 17 | DC | xã Hưng Thắng | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 07" | 105° 38' 19" | | | | | E-48-32-C-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 18 | DC | xã Hưng Thắng | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 23" | 105° 38' 25" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 19 | DC | xã Hưng Thắng | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 22" | 105° 38' 12" | | | | | E-48-32-C-d |
| Xóm Ao | DC | xã Hưng Thắng | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 44" | 105° 38' 23" | | | | | E-48-32-C-b |
| đường sắt Bắc Nam | KX | xã Hưng Thắng | H. Hưng Nguyên | | | 18° 35' 49" | 105° 36' 48" | 18° 41' 43" | 105° 39' 45" | E-48-32-C-b, E-48-32-C-d |
| Xóm Đồng | DC | xã Hưng Thắng | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 53" | 105° 38' 28" | | | | | E-48-32-C-b |
| kênh Lê Xuân Đào | TV | xã Hưng Thắng | H. Hưng Nguyên | | | 18° 37' 04" | 105° 38' 44" | 18° 38' 52" | 105° 36' 17" | E-48-32-C-a, E-48-32-C-d |
| Núi Nhón | SV | xã Hưng Thắng | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 42" | 105° 39' 07" | | | | | E-48-32-C-d |
| đường tỉnh 542B | KX | xã Hưng Thịnh | H. Hưng Nguyên | | | 18° 36' 07" | 105° 39' 48" | 18° 39' 00" | 105° 39' 55" | E-48-32-C-b, E-48-32-C-d |
| sông Cầu Gãy | TV | xã Hưng Thịnh | H. Hưng Nguyên | | | 18° 37' 58" | 105° 39' 47" | 18° 38' 33" | 105° 41' 34" | E-48-32-C-b |
| sông Cửa Tiền | TV | xã Hưng Thịnh | H. Hưng Nguyên | | | 18° 39' 56" | 105° 39' 07" | 18° 38' 25" | 105° 42' 16" | E-48-32-C-b |
| xóm Đồng Phong | DC | xã Hưng Thịnh | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 14" | 105° 39' 44" | | | | | E-48-32-C-b |
| sông Hoàng Cần | TV | xã Hưng Thịnh | H. Hưng Nguyên | | | 18° 45' 11" | 105° 36' 44" | 18° 41' 52" | 105° 29' 35" | E-48-32-C-b |
| đền Ông Mười | KX | xã Hưng Thịnh | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 31" | 105° 41' 22" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm Xuân Am | DC | xã Hưng Thịnh | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 18" | 105° 40' 46" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm Xuân Tân | DC | xã Hưng Thịnh | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 28" | 105° 40' 40" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm Yên Đồng | DC | xã Hưng Thịnh | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 01" | 105° 39' 42" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm Yên Hạ | DC | xã Hưng Thịnh | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 33" | 105° 40' 16" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm Yên Hòa | DC | xã Hưng Thịnh | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 21" | 105° 40' 00" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm Yên Phong | DC | xã Hưng Thịnh | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 50" | 105° 39' 56" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm Yên Phú | DC | xã Hưng Thịnh | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 09" | 105° 39' 51" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm Yên Thọ | DC | xã Hưng Thịnh | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 58" | 105° 39' 57" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm Yên Thượng | DC | xã Hưng Thịnh | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 39" | 105° 40' 04" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm Yên Trung | DC | xã Hưng Thịnh | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 16" | 105° 40' 06" | | | | | E-48-32-C-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Yên Tùy | DC | xã Hưng Thịnh | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 03" | 105° 40' 37" | | | | | E-48-32-C-b |
| xóm 1 | DC | xã Hưng Thông | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 48" | 105° 36' 28" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 2 | DC | xã Hưng Thông | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 42" | 105° 36' 20" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 3 | DC | xã Hưng Thông | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 41" | 105° 36' 29" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 4 | DC | xã Hưng Thông | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 57" | 105° 36' 43" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 5 | DC | xã Hưng Thông | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 09" | 105° 36' 42" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 6 | DC | xã Hưng Thông | H. Hưng Nguyên | 18° 38' 03" | 105° 36' 48" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 7 | DC | xã Hưng Thông | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 44" | 105° 37' 01" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 8 | DC | xã Hưng Thông | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 38" | 105° 36' 53" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 9 | DC | xã Hưng Thông | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 33" | 105° 37' 03" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 10 | DC | xã Hưng Thông | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 26" | 105° 37' 05" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 11 | DC | xã Hưng Thông | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 12" | 105° 37' 05" | | | | | E-48-32-C-c |
| đường tỉnh 542C | KX | xã Hưng Thông | H. Hưng Nguyên | | | 18° 36' 53" | 105° 36' 13" | 18° 40' 18" | 105° 37' 52" | E-48-32-C-a |
| kênh Lê Xuân Đào | TV | xã Hưng Thông | H. Hưng Nguyên | | | 18° 37' 04" | 105° 38' 44" | 18° 38' 52" | 105° 36' 17" | E-48-32-C-a, E-48-32-C-b |
| xóm 1 | DC | xã Hưng Tiến | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 40" | 105° 37' 31" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 2 | DC | xã Hưng Tiến | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 43" | 105° 37' 33" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 3 | DC | xã Hưng Tiến | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 56" | 105° 37' 45" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 4 | DC | xã Hưng Tiến | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 50" | 105° 37' 55" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 5 | DC | xã Hưng Tiến | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 53" | 105° 38' 00" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 6 | DC | xã Hưng Tiến | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 12" | 105° 37' 41" | | | | | E-48-32-C-d |
| xóm 7 | DC | xã Hưng Tiến | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 11" | 105° 37' 48" | | | | | E-48-32-C-d |
| đường sắt Bắc Nam | KX | xã Hưng Tiến | H. Hưng Nguyên | | | 18° 35' 49" | 105° 36' 48" | 18° 41' 43" | 105° 39' 45" | E-48-32-C-b, E-48-32-C-d |
| kênh Lê Xuân Đào | TV | xã Hưng Tiến | H. Hưng Nguyên | | | 18° 37' 04" | 105° 38' 44" | 18° 38' 52" | 105° 36' 17" | E-48-32-C-c, E-48-32-C-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 1 | DC | xã Hưng Trung | H. Hưng Nguyên | 18° 46' 42" | 105° 36' 34" | | | | | E-48-32-A-c |
| xóm 2 | DC | xã Hưng Trung | H. Hưng Nguyên | 18° 47' 08" | 105° 36' 36" | | | | | E-48-32-A-c |
| xóm 3 | DC | xã Hưng Trung | H. Hưng Nguyên | 18° 47' 30" | 105° 36' 41" | | | | | E-48-32-A-c |
| xóm 4 | DC | xã Hưng Trung | H. Hưng Nguyên | 18° 47' 48" | 105° 36' 16" | | | | | E-48-32-A-c |
| xóm 5 | DC | xã Hưng Trung | H. Hưng Nguyên | 18° 47' 26" | 105° 36' 11" | | | | | E-48-32-A-c |
| xóm 6 | DC | xã Hưng Trung | H. Hưng Nguyên | 18° 47' 22" | 105° 36' 00" | | | | | E-48-32-A-c |
| xóm 7 | DC | xã Hưng Trung | H. Hưng Nguyên | 18° 47' 15" | 105° 36' 16" | | | | | E-48-32-A-c |
| xóm 8 | DC | xã Hưng Trung | H. Hưng Nguyên | 18° 47' 11" | 105° 36' 01" | | | | | E-48-32-A-c |
| xóm 9A | DC | xã Hưng Trung | H. Hưng Nguyên | 18° 47' 03" | 105° 35' 55" | | | | | E-48-32-A-c |
| xóm 9B | DC | xã Hưng Trung | H. Hưng Nguyên | 18° 47' 03" | 105° 35' 40" | | | | | E-48-32-A-c |
| xóm 10 | DC | xã Hưng Trung | H. Hưng Nguyên | 18° 47' 36" | 105° 35' 10" | | | | | E-48-32-A-c |
| xóm 11 | DC | xã Hưng Trung | H. Hưng Nguyên | 18° 47' 37" | 105° 35' 18" | | | | | E-48-32-A-c |
| xóm 12 | DC | xã Hưng Trung | H. Hưng Nguyên | 18° 47' 20" | 105° 35' 23" | | | | | E-48-32-A-c |
| xóm 13 | DC | xã Hưng Trung | H. Hưng Nguyên | 18° 46' 44" | 105° 35' 12" | | | | | E-48-32-A-c |
| xóm 14 | DC | xã Hưng Trung | H. Hưng Nguyên | 18° 46' 36" | 105° 34' 57" | | | | | E-48-32-A-c |
| kênh 17 | TV | xã Hưng Trung | H. Hưng Nguyên | | | 18° 47' 50" | 105° 34' 17" | 18° 42' 32" | 105° 38' 05" | E-48-32-A-c |
| sông Thanh Hương | TV | xã Hưng Trung | H. Hưng Nguyên | | | 18° 48' 31" | 105° 32' 39" | 18° 47' 43" | 105° 36' 46" | E-48-32-A-c |
| xóm 1 | DC | xã Hưng Xá | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 05" | 105° 36' 03" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 2 | DC | xã Hưng Xá | H. Hưng Nguyên | 18° 37' 03" | 105° 36' 11" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 3 | DC | xã Hưng Xá | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 57" | 105° 36' 13" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 4 | DC | xã Hưng Xá | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 57" | 105° 36' 23" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 5 | DC | xã Hưng Xá | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 57" | 105° 36' 35" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 6 | DC | xã Hưng Xá | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 58" | 105° 36' 41" | | | | | E-48-32-C-c |
| đường tỉnh 542C | KX | xã Hưng Xá | H. Hưng Nguyên | | | 18° 36' 53" | 105° 36' 13" | 18° 40' 18" | 105° 37' 52" | E-48-32-C-c |
| Sông Đào | TV | xã Hưng Xá | H. Hưng Nguyên | | | 18° 45' 12" | 105° 36' 44" | 18° 41' 52" | 105° 29' 35" | E-48-32-C-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 1 | DC | xã Hưng Xuân | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 55" | 105° 36' 48" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 2 | DC | xã Hưng Xuân | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 43" | 105° 36' 50" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 3 | DC | xã Hưng Xuân | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 25" | 105° 36' 57" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 4 | DC | xã Hưng Xuân | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 19" | 105° 36' 59" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 5 | DC | xã Hưng Xuân | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 08" | 105° 37' 14" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 6 | DC | xã Hưng Xuân | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 57" | 105° 37' 19" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 7 | DC | xã Hưng Xuân | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 54" | 105° 37' 58" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 8 | DC | xã Hưng Xuân | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 52" | 105° 37' 04" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 9 | DC | xã Hưng Xuân | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 45" | 105° 37' 05" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 10 | DC | xã Hưng Xuân | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 37" | 105° 37' 57" | | | | | E-48-32-C-c |
| đường tỉnh 542 | KX | xã Hưng Xuân | H. Hưng Nguyên | | | 18° 41' 55" | 105° 29' 50" | 18° 46' 13" | 105° 45' 02" | E-48-32-C-c |
| đường sắt Bắc Nam | KX | xã Hưng Xuân | H. Hưng Nguyên | | | 18° 35' 49" | 105° 36' 48" | 18° 41' 43" | 105° 39' 45" | E-48-32-C-c |
| Sông Lam | TV | xã Hưng Xuân | H. Hưng Nguyên | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-32-C-c |
| cầu Yên Xuân | KX | xã Hưng Xuân | H. Hưng Nguyên | 18° 35' 49" | 105° 36' 45" | | | | | E-48-32-C-c |
| ga Yên Xuân | KX | xã Hưng Xuân | H. Hưng Nguyên | 18° 36' 13" | 105° 37' 05" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 1 | DC | xã Hưng Yên Bắc | H. Hưng Nguyên | 18° 45' 49" | 105° 35' 02" | | | | | E-48-32-A-c |
| xóm 2A | DC | xã Hưng Yên Bắc | H. Hưng Nguyên | 18° 45' 44" | 105° 35' 03" | | | | | E-48-32-A-c |
| xóm 2B | DC | xã Hưng Yên Bắc | H. Hưng Nguyên | 18° 45' 54" | 105° 35' 04" | | | | | E-48-32-A-c |
| xóm 3A | DC | xã Hưng Yên Bắc | H. Hưng Nguyên | 18° 45' 37" | 105° 35' 06" | | | | | E-48-32-A-c |
| xóm 3B | DC | xã Hưng Yên Bắc | H. Hưng Nguyên | 18° 45' 35" | 105° 35' 16" | | | | | E-48-32-A-c |
| xóm 4 | DC | xã Hưng Yên Bắc | H. Hưng Nguyên | 18° 45' 49" | 105° 35' 02" | | | | | E-48-32-A-c |
| xóm 5 | DC | xã Hưng Yên Bắc | H. Hưng Nguyên | 18° 45' 43" | 105° 35' 37" | | | | | E-48-32-A-c |
| xóm 6A | DC | xã Hưng Yên Bắc | H. Hưng Nguyên | 18° 45' 31" | 105° 35' 46" | | | | | E-48-32-A-c |
| xóm 6B | DC | xã Hưng Yên Bắc | H. Hưng Nguyên | 18° 45' 34" | 105° 35' 55" | | | | | E-48-32-A-c |
| xóm 7A | DC | xã Hưng Yên Bắc | H. Hưng Nguyên | 18° 46' 02" | 105° 36' 24" | | | | | E-48-32-A-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 7B | DC | xã Hưng Yên Bắc | H. Hưng Nguyên | 18° 46' 08" | 105° 36' 28" | | | | | E-48-32-A-c |
| kênh Nhà Lê | TV | xã Hưng Yên Bắc | H. Hưng Nguyên | | | 18° 48' 31" | 105° 32' 39" | 18° 44' 22" | 105° 36' 55" | E-48-32-C-a |
| hồ Thạch Tiền | TV | xã Hưng Yên Bắc | H. Hưng Nguyên | 18° 43' 39" | 105° 35' 28" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 1 | DC | xã Hưng Yên Nam | H. Hưng Nguyên | 18° 45' 05" | 105° 34' 42" | | | | | E-48-32-A-c |
| xóm 2 | DC | xã Hưng Yên Nam | H. Hưng Nguyên | 18° 45' 15" | 105° 35' 16" | | | | | E-48-32-A-c |
| xóm 3 | DC | xã Hưng Yên Nam | H. Hưng Nguyên | 18° 45' 18" | 105° 35' 32" | | | | | E-48-32-A-c |
| xóm 4 | DC | xã Hưng Yên Nam | H. Hưng Nguyên | 18° 45' 24" | 105° 35' 51" | | | | | E-48-32-A-c |
| xóm 5 | DC | xã Hưng Yên Nam | H. Hưng Nguyên | 18° 45' 21" | 105° 36' 05" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 6A | DC | xã Hưng Yên Nam | H. Hưng Nguyên | 18° 45' 33" | 105° 36' 13" | | | | | E-48-32-A-c |
| xóm 6B | DC | xã Hưng Yên Nam | H. Hưng Nguyên | 18° 45' 38" | 105° 36' 19" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 7A | DC | xã Hưng Yên Nam | H. Hưng Nguyên | 18° 45' 27" | 105° 36' 25" | | | | | E-48-32-A-c |
| xóm 7B | DC | xã Hưng Yên Nam | H. Hưng Nguyên | 18° 45' 25" | 105° 36' 34" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 8A | DC | xã Hưng Yên Nam | H. Hưng Nguyên | 18° 44' 21" | 105° 35' 46" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 8B | DC | xã Hưng Yên Nam | H. Hưng Nguyên | 18° 44' 34" | 105° 36' 00" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 9 | DC | xã Hưng Yên Nam | H. Hưng Nguyên | 18° 44' 33" | 105° 36' 12" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 10 | DC | xã Hưng Yên Nam | H. Hưng Nguyên | 18° 44' 42" | 105° 35' 31" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 11 | DC | xã Hưng Yên Nam | H. Hưng Nguyên | 18° 44' 13" | 105° 34' 51" | | | | | E-48-32-C-a |
| kênh Nhà Lê | TV | xã Hưng Yên Nam | H. Hưng Nguyên | | | 18° 48' 31" | 105° 32' 39" | 18° 44' 22" | 105° 36' 55" | E-48-32-C-a |
| hồ Thạch Tiền | TV | xã Hưng Yên Nam | H. Hưng Nguyên | 18° 43' 39" | 105° 35' 28" | | | | | E-48-32-C-a |
| khối 1 | DC | TT. Mường Xén | H. Kỳ Sơn | 19° 24' 05" | 104° 08' 33" | | | | | E-48-17-A |
| khối 2 | DC | TT. Mường Xén | H. Kỳ Sơn | 19° 24' 00" | 104° 08' 58" | | | | | E-48-17-A |
| khối 3 | DC | TT. Mường Xén | H. Kỳ Sơn | 19° 23' 38" | 104° 09' 11" | | | | | E-48-17-A |
| khối 4 | DC | TT. Mường Xén | H. Kỳ Sơn | 19° 23' 33" | 104° 09' 32" | | | | | E-48-17-A |
| khối 5 | DC | TT. Mường Xén | H. Kỳ Sơn | 19° 23' 31" | 104° 09' 53" | | | | | E-48-17-A |
| quốc lộ 7 | KX | TT. Mường Xén | H. Kỳ Sơn | | | 19° 28' 15" | 104° 05' 04" | 18° 58' 42" | 105° 35' 55" | E-48-17-A |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Nậm Mộ | TV | TT. Mường Xén | H. Kỳ Sơn | | | 19° 18' 07" | 103° 52' 56" | 19° 17' 11" | 104° 25' 36" | E-48-17-A |
| Khe Toãng | TV | TT. Mường Xén | H. Kỳ Sơn | | | 19° 21' 43" | 104° 07' 41" | 19° 24' 08" | 104° 08' 35" | E-48-17-A |
| Bản Buộc | DC | xã Bắc Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 36' 58" | 104° 14' 55" | | | | | E-48-5-C |
| Suối Cáng | TV | xã Bắc Lý | H. Kỳ Sơn | | | 19° 33' 21" | 104° 16' 08" | 19° 35' 36" | 104° 16' 11" | E-48-5-D |
| bản Cha Nga | DC | xã Bắc Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 39' 25" | 104° 11' 01" | | | | | E-48-5-C |
| bản Huổi Bắc | DC | xã Bắc Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 36' 35" | 104° 13' 19" | | | | | E-48-5-C |
| bản Huổi Cáng 1 | DC | xã Bắc Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 35' 33" | 104° 16' 06" | | | | | E-48-5-D |
| bản Huổi Cáng 2 | DC | xã Bắc Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 35' 03" | 104° 16' 07" | | | | | E-48-5-D |
| bản Kẹo Nam | DC | xã Bắc Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 39' 59" | 104° 11' 26" | | | | | E-48-5-C |
| bản Kẹo Pha Tú | DC | xã Bắc Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 38' 17" | 104° 12' 39" | | | | | E-48-5-C |
| bản Na Kho | DC | xã Bắc Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 37' 45" | 104° 16' 08" | | | | | E-48-5-D |
| Suối Nháng | TV | xã Bắc Lý | H. Kỳ Sơn | | | 19° 35' 54" | 104° 13' 58" | 19° 35' 11" | 104° 14' 00" | E-48-5-C |
| Suối Nho | TV | xã Bắc Lý | H. Kỳ Sơn | | | 19° 34' 47" | 104° 17' 17" | 19° 35' 24" | 104° 16' 08" | E-48-5-D |
| bản Nhọt Kho | DC | xã Bắc Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 37' 23" | 104° 13' 06" | | | | | E-48-5-C |
| Suối Niếng | TV | xã Bắc Lý | H. Kỳ Sơn | | | 19° 36' 08" | 104° 11' 52" | 19° 36' 49" | 104° 14' 04" | E-48-5-D |
| bản Phà Coóng | DC | xã Bắc Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 35' 16" | 104° 17' 21" | | | | | E-48-5-D |
| núi Pha Han | SV | xã Bắc Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 36' 01" | 104° 17' 08" | | | | | E-48-5-D |
| núi Pha Lai | SV | xã Bắc Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 36' 33" | 104° 16' 19" | | | | | E-48-5-D |
| suối Phà Nét | TV | xã Bắc Lý | H. Kỳ Sơn | | | 19° 33' 58" | 104° 15' 53" | 19° 34' 53" | 104° 16' 15" | E-48-5-D |
| bản Phía Khăm 1 | DC | xã Bắc Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 34' 58" | 104° 14' 39" | | | | | E-48-5-C |
| bản Phía Khăm 2 | DC | xã Bắc Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 35' 15" | 104° 14' 04" | | | | | E-48-5-C |
| Huổi Sắc | TV | xã Bắc Lý | H. Kỳ Sơn | | | 19° 37' 37" | 104° 11' 08" | 19° 36' 49" | 104° 14' 04" | E-48-5-C |
| Suối Tắm | TV | xã Bắc Lý | H. Kỳ Sơn | | | 19° 34' 06" | 104° 13' 18" | 19° 36' 44" | 104° 18' 44" | E-48-5-C |
| bản Xám Thang | DC | xã Bắc Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 38' 29" | 104° 11' 49" | | | | | E-48-5-C |
| suối Xiềng Dưới | TV | xã Bắc Lý | H. Kỳ Sơn | | | 19° 36' 49" | 104° 14' 04" | 19° 37' 05" | 104° 17' 02" | E-48-5-C |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| bản Hín Pèn | DC | xã Bảo Nam | H. Kỳ Sơn | 19° 24' 26" | 104° 17' 09" | | | | | E-48-17-B |
| bản Huổi Hốc | DC | xã Bảo Nam | H. Kỳ Sơn | 19° 26' 04" | 104° 18' 46" | | | | | E-48-17-B |
| khe Huổi Kha | TV | xã Bảo Nam | H. Kỳ Sơn | | | 19° 30' 24" | 104° 14' 42" | 19° 28' 05" | 104° 16' 21" | E-48-17-B |
| bản Huổi Lau | DC | xã Bảo Nam | H. Kỳ Sơn | 19° 28' 42" | 104° 16' 42" | | | | | E-48-17-B |
| khe Huổi Phan | TV | xã Bảo Nam | H. Kỳ Sơn | | | 19° 26' 52" | 104° 18' 09" | 19° 26' 45" | 104° 16' 27" | E-48-17-B |
| bản Khe Nạp | DC | xã Bảo Nam | H. Kỳ Sơn | 19° 29' 07" | 104° 16' 35" | | | | | E-48-17-B |
| bản Lưu Tân | DC | xã Bảo Nam | H. Kỳ Sơn | 19° 24' 47" | 104° 18' 25" | | | | | E-48-17-B |
| Núi Mòn | SV | xã Bảo Nam | H. Kỳ Sơn | 19° 25' 13" | 104° 17' 09" | | | | | E-48-17-B |
| bản Nam Tiến 1 | DC | xã Bảo Nam | H. Kỳ Sơn | 19° 24' 21" | 104° 15' 52" | | | | | E-48-17-B |
| bản Nam Tiến 2 | DC | xã Bảo Nam | H. Kỳ Sơn | 19° 24' 48" | 104° 16' 24" | | | | | E-48-17-B |
| Suối Nhị | TV | xã Bảo Nam | H. Kỳ Sơn | | | 19° 32' 06" | 104° 20' 07" | 19° 22' 55" | 104° 12' 02" | E-48-17-B |
| bản Phìa Khoáng | DC | xã Bảo Nam | H. Kỳ Sơn | 19° 29' 05" | 104° 17' 12" | | | | | E-48-17-B |
| bản Thảo Đi | DC | xã Bảo Nam | H. Kỳ Sơn | 19° 25' 53" | 104° 17' 08" | | | | | E-48-17-B |
| Suối Thay | TV | xã Bảo Nam | H. Kỳ Sơn | | | 19° 27' 44" | 104° 19' 48" | 19° 22' 44" | 104° 17' 10" | E-48-17-B |
| bản Xà Lồng | DC | xã Bảo Nam | H. Kỳ Sơn | 19° 29' 19" | 104° 16' 47" | | | | | E-48-17-B |
| khe Xà Lồng | TV | xã Bảo Nam | H. Kỳ Sơn | | | 19° 31' 26" | 104° 18' 48" | 19° 29' 03" | 104° 17' 37" | E-48-17-B |
| bản Ca Da | DC | xã Bảo Thắng | H. Kỳ Sơn | 19° 25' 32" | 104° 25' 20" | | | | | E-48-17-B |
| bản Cha Ca 1 | DC | xã Bảo Thắng | H. Kỳ Sơn | 19° 23' 50" | 104° 23' 52" | | | | | E-48-17-B |
| bản Cha Ca 2 | DC | xã Bảo Thắng | H. Kỳ Sơn | 19° 24' 07" | 104° 23' 56" | | | | | E-48-17-B |
| Khe Com | TV | xã Bảo Thắng | H. Kỳ Sơn | | | 19° 27' 02" | 104° 22' 35" | 19° 23' 56" | 104° 31' 21" | E-48-17-B |
| Suối Con | TV | xã Bảo Thắng | H. Kỳ Sơn | | | 19° 24' 13" | 105° 25' 17" | 19° 22' 56" | 105° 24' 11" | E-48-19-B-b |
| núi Huổi Com | SV | xã Bảo Thắng | H. Kỳ Sơn | 19° 27' 03" | 104° 23' 22" | | | | | E-48-17-B |
| Khe Lem | TV | xã Bảo Thắng | H. Kỳ Sơn | | | 19° 27' 08" | 104° 26' 32" | 19° 24' 55" | 104° 27' 40" | E-48-17-B |
| Núi Nghếch | SV | xã Bảo Thắng | H. Kỳ Sơn | 19° 25' 51" | 104° 21' 10" | | | | | E-48-17-B |
| núi Ten Tạo | SV | xã Bảo Thắng | H. Kỳ Sơn | 19° 24' 21" | 104° 23' 13" | | | | | E-48-17-B |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| bản Thà Lạng | DC | xã Bảo Thắng | H. Kỳ Sơn | 19° 25' 49" | 104° 24' 40" | | | | | E-48-17-B |
| núi Xa Khao | SV | xã Bảo Thắng | H. Kỳ Sơn | 19° 24' 13" | 104° 21' 45" | | | | | E-48-17-B |
| bản Xao Va | DC | xã Bảo Thắng | H. Kỳ Sơn | 19° 26' 26" | 104° 22' 42" | | | | | E-48-17-B |
| quốc lộ 7 | KX | xã Chiêu Lưu | H. Kỳ Sơn | | | 19° 28' 15" | 104° 05' 04" | 18° 58' 42" | 105° 35' 55" | E-48-17-B |
| suối Ca Nan | TV | xã Chiêu Lưu | H. Kỳ Sơn | | | 19° 18' 49" | 104° 13' 15" | 19° 20' 33" | 104° 16' 53" | E-48-17-B |
| suối Ca Tang | TV | xã Chiêu Lưu | H. Kỳ Sơn | | | 19° 18' 29" | 104° 16' 45" | 19° 20' 09" | 104° 18' 07" | E-48-17-B |
| Núi Côn | SV | xã Chiêu Lưu | H. Kỳ Sơn | 19° 22' 42" | 104° 14' 29" | | | | | E-48-17-A |
| Bản Cù | DC | xã Chiêu Lưu | H. Kỳ Sơn | 19° 21' 00" | 104° 16' 25" | | | | | E-48-17-B |
| bản Hồng Tiến | DC | xã Chiêu Lưu | H. Kỳ Sơn | 19° 19' 12" | 104° 19' 29" | | | | | E-48-17-B |
| bản Khe Nằn | DC | xã Chiêu Lưu | H. Kỳ Sơn | 19° 20' 31" | 104° 17' 18" | | | | | E-48-17-B |
| bản Khe Tang | DC | xã Chiêu Lưu | H. Kỳ Sơn | 19° 20' 15" | 104° 17' 49" | | | | | E-48-17-B |
| bản La Ngan | DC | xã Chiêu Lưu | H. Kỳ Sơn | 19° 22' 44" | 104° 17' 18" | | | | | E-48-17-B |
| Bản Lăn | DC | xã Chiêu Lưu | H. Kỳ Sơn | 19° 21' 21" | 104° 15' 23" | | | | | E-48-17-B |
| bản Lưu Hòa | DC | xã Chiêu Lưu | H. Kỳ Sơn | 19° 22' 47" | 104° 16' 39" | | | | | E-48-17-B |
| bản Lưu Thắng | DC | xã Chiêu Lưu | H. Kỳ Sơn | 19° 22' 12" | 104° 20' 14" | | | | | E-48-17-B |
| bản Lưu Tiến | DC | xã Chiêu Lưu | H. Kỳ Sơn | 19° 19' 57" | 104° 18' 38" | | | | | E-48-17-B |
| Nậm Mộ | TV | xã Chiêu Lưu | H. Kỳ Sơn | | | 19° 18' 07" | 103° 52' 56" | 19° 17' 11" | 104° 25' 36" | E-48-16-B |
| núi Pa Ca | SV | xã Chiêu Lưu | H. Kỳ Sơn | 19° 23' 41" | 104° 19' 08" | | | | | E-48-17-B |
| núi Pa Khèm | SV | xã Chiêu Lưu | H. Kỳ Sơn | 19° 22' 03" | 104° 17' 04" | | | | | E-48-17-B |
| bản Tạt Thoong | DC | xã Chiêu Lưu | H. Kỳ Sơn | 19° 22' 24" | 104° 19' 09" | | | | | E-48-17-B |
| Suối Thay | TV | xã Chiêu Lưu | H. Kỳ Sơn | | | 19° 27' 44" | 104° 19' 48" | 19° 22' 44" | 104° 17' 10" | E-48-17-B |
| Suối Thoong | TV | xã Chiêu Lưu | H. Kỳ Sơn | | | 19° 17' 03" | 104° 16' 46" | 19° 19' 11" | 104° 19' 34" | E-48-17-B |
| Suối Thù | TV | xã Chiêu Lưu | H. Kỳ Sơn | | | 19° 14' 14" | 104° 17' 10" | 19° 15' 12" | 104° 18' 57" | E-48-17-B |
| Suối Tiêu | TV | xã Chiêu Lưu | H. Kỳ Sơn | | | 19° 21' 30" | 104° 19' 48" | 19° 22' 44" | 104° 17' 10" | E-48-17-B |
| bản Xiêng Thù | DC | xã Chiêu Lưu | H. Kỳ Sơn | 19° 21' 27" | 104° 15' 51" | | | | | E-48-17-B |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Núi Xung | SV | xã Chiêu Lưu | H. Kỳ Sơn | 19° 25' 11" | 104° 20' 33" | | | | | E-48-17-B |
| khê Huồi Ha | TV | xã Đoọc May | H. Kỳ Sơn | | | 19° 33' 22" | 104° 08' 57" | 19° 31' 56" | 104° 09' 57" | E-48-5-C |
| khê Huối Hèo | TV | xã Đoọc May | H. Kỳ Sơn | | | 19° 33' 24" | 104° 08' 39" | 19° 32' 11" | 104° 08' 16" | E-48-5-C |
| khê Huồi Ho | TV | xã Đoọc May | H. Kỳ Sơn | | | 19° 32' 52" | 104° 10' 30" | 19° 32' 26" | 104° 10' 49" | E-48-5-C |
| bản Huồi Khơ | DC | xã Đoọc May | H. Kỳ Sơn | 19° 38' 31" | 104° 10' 22" | | | | | E-48-5-C |
| khê Huồi Lê | TV | xã Đoọc May | H. Kỳ Sơn | | | 19° 34' 31" | 104° 06' 29" | 19° 36' 25" | 104° 08' 14" | E-48-5-C |
| khê Huồi Tông | TV | xã Đoọc May | H. Kỳ Sơn | | | 19° 34' 35" | 104° 07' 06" | 19° 35' 37" | 104° 08' 22" | E-48-5-C |
| bản Huồi Viêng | DC | xã Đoọc May | H. Kỳ Sơn | 19° 33' 57" | 104° 08' 54" | | | | | E-48-5-C |
| khê Huồi Xiếng | TV | xã Đoọc May | H. Kỳ Sơn | | | 19° 36' 08" | 104° 11' 52" | 19° 36' 49" | 104° 14' 04" | E-48-5-C |
| khê Nậm Sốt | TV | xã Đoọc May | H. Kỳ Sơn | | | 19° 35' 58" | 104° 11' 11" | 19° 35' 57" | 104° 10' 03" | E-48-5-C |
| Suối Nháng | TV | xã Đoọc May | H. Kỳ Sơn | | | 19° 35' 54" | 104° 13' 58" | 19° 35' 11" | 104° 14' 00" | E-48-5-C |
| bản Noọng Hán | DC | xã Đoọc May | H. Kỳ Sơn | 19° 36' 36" | 104° 11' 32" | | | | | E-48-5-C |
| bản Phả Lếch Phay | DC | xã Đoọc May | H. Kỳ Sơn | 19° 34' 02" | 104° 10' 33" | | | | | E-48-5-C |
| bản Phà Nọi | DC | xã Đoọc May | H. Kỳ Sơn | 19° 36' 28" | 104° 10' 02" | | | | | E-48-5-C |
| suối Phá Tá | TV | xã Đoọc May | H. Kỳ Sơn | | | 19° 33' 30" | 104° 12' 24" | 19° 34' 47" | 104° 13' 47" | E-48-5-C |
| bản Phà Tả | DC | xã Đoọc May | H. Kỳ Sơn | 19° 34' 39" | 104° 10' 36" | | | | | E-48-5-C |
| khê Phà Va | TV | xã Đoọc May | H. Kỳ Sơn | | | 19° 35' 09" | 104° 09' 31" | 19° 36' 25" | 104° 08' 14" | E-48-5-C |
| Huồi Sắc | TV | xã Đoọc May | H. Kỳ Sơn | | | 19° 37' 37" | 104° 11' 08" | 19° 36' 49" | 104° 14' 04" | E-48-5-C |
| Khê Sòi | TV | xã Đoọc May | H. Kỳ Sơn | | | 19° 35' 36" | 104° 10' 27" | 19° 35' 57" | 104° 10' 03" | E-48-5-C |
| khe Huồi Dun | TV | xã Huồi Tụ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 30' 23" | 104° 14' 22" | 19° 28' 36" | 104° 13' 21" | E-48-5-D |
| bản Huồi Đun | DC | xã Huồi Tụ | H. Kỳ Sơn | 19° 30' 21" | 104° 14' 26" | | | | | E-48-5-C |
| bản Huồi Khả | DC | xã Huồi Tụ | H. Kỳ Sơn | 19° 31' 39" | 104° 15' 10" | | | | | E-48-5-D |
| bản Huồi Lê | DC | xã Huồi Tụ | H. Kỳ Sơn | 19° 30' 22" | 104° 14' 11" | | | | | E-48-5-C |
| bản Huồi Mú | DC | xã Huồi Tụ | H. Kỳ Sơn | 19° 30' 24" | 104° 11' 57" | | | | | E-48-5-C |
| bản Huồi Thăng | DC | xã Huồi Tụ | H. Kỳ Sơn | 19° 28' 55" | 104° 14' 08" | | | | | E-48-5-C |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| bản Huồi Ức 1 | DC | xã Huồi Tụ | H. Kỳ Sơn | 19° 32' 34" | 104° 14' 21" | | | | | E-48-5-C |
| bản Huồi Ức 2 | DC | xã Huồi Tụ | H. Kỳ Sơn | 19° 32' 53" | 104° 14' 21" | | | | | E-48-5-C |
| Suối Lê | TV | xã Huồi Tụ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 32' 34" | 104° 15' 18" | 19° 32' 38" | 104° 12' 00" | E-48-5-D |
| bản Na Ni | DC | xã Huồi Tụ | H. Kỳ Sơn | 19° 32' 39" | 104° 16' 28" | | | | | E-48-5-D |
| Suối Nhị | TV | xã Huồi Tụ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 32' 06" | 104° 20' 07" | 19° 22' 55" | 104° 12' 02" | E-48-17-B |
| núi Phà Bún | SV | xã Huồi Tụ | H. Kỳ Sơn | 19° 33' 17" | 104° 15' 31" | | | | | E-48-5-D |
| núi Phà Công | SV | xã Huồi Tụ | H. Kỳ Sơn | 19° 34' 39" | 104° 17' 43" | | | | | E-48-5-D |
| núi Phà Mo | SV | xã Huồi Tụ | H. Kỳ Sơn | 19° 34' 42" | 104° 19' 05" | | | | | E-48-5-D |
| núi Phà Mứt | SV | xã Huồi Tụ | H. Kỳ Sơn | 19° 34' 16" | 104° 19' 14" | | | | | E-48-17-B |
| khe Phà Nách | TV | xã Huồi Tụ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 33' 24" | 104° 14' 40" | 19° 34' 47" | 104° 13' 47" | E-48-5-D |
| khe Pha Ne | TV | xã Huồi Tụ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 30' 33" | 104° 12' 57" | 19° 31' 09" | 104° 12' 59" | E-48-5-C |
| suối Phá Tá | TV | xã Huồi Tụ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 33' 30" | 104° 12' 24" | 19° 34' 47" | 104° 13' 47" | E-48-5-C |
| bản Phà Xắc | DC | xã Huồi Tụ | H. Kỳ Sơn | 19° 31' 42" | 104° 18' 31" | | | | | E-48-5-D |
| Khe Phe | TV | xã Huồi Tụ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 31' 45" | 104° 14' 57" | 19° 31' 30" | 104° 14' 06" | E-48-5-D |
| khe Sa Mát | TV | xã Huồi Tụ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 32' 12" | 104° 18' 57" | 19° 33' 33" | 104° 17' 37" | E-48-5-D |
| bản Trung Tâm | DC | xã Huồi Tụ | H. Kỳ Sơn | 19° 30' 28" | 104° 14' 26" | | | | | E-48-5-C |
| Suối Tụ | TV | xã Huồi Tụ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 33' 14" | 104° 16' 25" | 19° 35' 37" | 104° 20' 04" | E-48-5-D |
| khe Xà Lồng | TV | xã Huồi Tụ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 31' 26" | 104° 18' 48" | 19° 29' 03" | 104° 17' 37" | E-48-5-D |
| quốc lộ 7 | KX | xã Hữu Kiệm | H. Kỳ Sơn | | | 19° 28' 15" | 104° 05' 04" | 18° 58' 42" | 105° 35' 55" | E-48-17-A |
| Bản Bà | DC | xã Hữu Kiệm | H. Kỳ Sơn | 19° 22' 12" | 104° 13' 10" | | | | | E-48-17-A |
| suối Ca Nan | TV | xã Hữu Kiệm | H. Kỳ Sơn | | | 19° 18' 49" | 104° 13' 15" | 19° 20' 33" | 104° 16' 53" | E-48-17-A |
| Suối Chiếng | TV | xã Hữu Kiệm | H. Kỳ Sơn | | | 19° 19' 23" | 104° 11' 21" | 19° 18' 49" | 104° 13' 15" | E-48-17-A |
| Núi Côn | SV | xã Hữu Kiệm | H. Kỳ Sơn | 19° 22' 42" | 104° 14' 29" | | | | | E-48-17-A |
| bản Đỉnh Sơn 1 | DC | xã Hữu Kiệm | H. Kỳ Sơn | 19° 21' 18" | 104° 12' 54" | | | | | E-48-17-A |
| bản Đỉnh Sơn 2 | DC | xã Hữu Kiệm | H. Kỳ Sơn | 19° 20' 49" | 104° 11' 30" | | | | | E-48-17-A |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| núi Đọc May | SV | xã Hữu Kiệm | H. Kỳ Sơn | 19° 21' 11" | 104° 10' 47" | | | | | E-48-17-A |
| Suối Hốc | TV | xã Hữu Kiệm | H. Kỳ Sơn | | | 19° 17' 36" | 104° 12' 11" | 19° 18' 49" | 104° 13' 15" | E-48-17-A |
| Bản Hòm | DC | xã Hữu Kiệm | H. Kỳ Sơn | 19° 22' 38" | 104° 12' 41" | | | | | E-48-17-A |
| bản Huổi Thợ | DC | xã Hữu Kiệm | H. Kỳ Sơn | 19° 21' 02" | 104° 14' 26" | | | | | E-48-17-A |
| bản Khe Tỳ | DC | xã Hữu Kiệm | H. Kỳ Sơn | 19° 23' 16" | 104° 10' 20" | | | | | E-48-17-A |
| núi La Ne | SV | xã Hữu Kiệm | H. Kỳ Sơn | 19° 21' 18" | 104° 12' 19" | | | | | E-48-17-A |
| Nậm Mộ | TV | xã Hữu Kiệm | H. Kỳ Sơn | | | 19° 18' 07" | 103° 52' 56" | 19° 17' 11" | 104° 25' 36" | E-48-17-A |
| bản Na Chảo | DC | xã Hữu Kiệm | H. Kỳ Sơn | 19° 22' 48" | 104° 12' 05" | | | | | E-48-17-A |
| bản Na Lượng 1 | DC | xã Hữu Kiệm | H. Kỳ Sơn | 19° 23' 07" | 104° 10' 52" | | | | | E-48-17-A |
| bản Na Lượng 2 | DC | xã Hữu Kiệm | H. Kỳ Sơn | 19° 22' 55" | 104° 11' 32" | | | | | E-48-17-A |
| Suối Nhinh | TV | xã Hữu Kiệm | H. Kỳ Sơn | | | 19° 21' 22" | 104° 10' 01" | 19° 22' 53" | 104° 11' 47" | E-48-17-A |
| Suối Pa | TV | xã Hữu Kiệm | H. Kỳ Sơn | | | 19° 19' 17" | 104° 08' 57" | 19° 22' 24" | 104° 13' 15" | E-48-17-A |
| Núi Thiên | SV | xã Hữu Kiệm | H. Kỳ Sơn | 19° 19' 47" | 104° 12' 45" | | | | | E-48-17-A |
| Núi Thông | SV | xã Hữu Kiệm | H. Kỳ Sơn | 19° 19' 25" | 104° 10' 59" | | | | | E-48-17-A |
| Suối Tì | TV | xã Hữu Kiệm | H. Kỳ Sơn | | | 19° 21' 07" | 104° 08' 37" | 19° 23' 36" | 104° 10' 20" | E-48-17-A |
| núi Cầu Thàn | SV | xã Hữu Lập | H. Kỳ Sơn | 19° 28' 24" | 104° 13' 44" | | | | | E-48-17-A |
| bản Chà Lắn | DC | xã Hữu Lập | H. Kỳ Sơn | 19° 24' 44" | 104° 14' 26" | | | | | E-48-17-B |
| khe Chà Lắn | TV | xã Hữu Lập | H. Kỳ Sơn | | | 19° 27' 27" | 104° 14' 30" | 19° 23' 27" | 104° 13' 40" | E-48-17-A |
| Núi Côn | SV | xã Hữu Lập | H. Kỳ Sơn | 19° 22' 42" | 104° 14' 29" | | | | | E-48-17-A |
| núi Huổi Tang | SV | xã Hữu Lập | H. Kỳ Sơn | 19° 27' 46" | 104° 14' 20" | | | | | E-48-17-A |
| núi Kẻo Kha | SV | xã Hữu Lập | H. Kỳ Sơn | 19° 27' 24" | 104° 15' 01" | | | | | E-48-17-B |
| Núi Lôm | SV | xã Hữu Lập | H. Kỳ Sơn | 19° 24' 43" | 104° 13' 40" | | | | | E-48-17-A |
| Nậm Mộ | TV | xã Hữu Lập | H. Kỳ Sơn | | | 19° 18' 07" | 103° 52' 56" | 19° 17' 11" | 104° 25' 36" | E-48-17-A |
| Bản Na | DC | xã Hữu Lập | H. Kỳ Sơn | 19° 23' 41" | 104° 13' 43" | | | | | E-48-17-A |
| Suối Nhị | TV | xã Hữu Lập | H. Kỳ Sơn | | | 19° 32' 06" | 104° 20' 07" | 19° 22' 55" | 104° 12' 02" | E-48-17-B |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| bản Noọng Ó | DC | xã Hữu Lập | H. Kỳ Sơn | 19° 27' 43" | 104° 15' 24" | | | | | E-48-17-B |
| Khe Thạng | TV | xã Hữu Lập | H. Kỳ Sơn | | | 19° 26' 40" | 104° 13' 02" | 19° 23' 31" | 104° 12' 55" | E-48-17-A |
| bản Xốp Nhị | DC | xã Hữu Lập | H. Kỳ Sơn | 19° 23' 34" | 104° 11' 49" | | | | | E-48-17-A |
| bản Xốp Thạng | DC | xã Hữu Lập | H. Kỳ Sơn | 19° 23' 45" | 104° 12' 58" | | | | | E-48-17-A |
| bản Xốp Thập | DC | xã Hữu Lập | H. Kỳ Sơn | 19° 23' 25" | 104° 14' 21" | | | | | E-48-17-A |
| Suối Chải | TV | xã Keng Đu | H. Kỳ Sơn | | | 19° 37' 34" | 104° 05' 10" | 19° 38' 13" | 104° 04' 03" | E-48-5-C |
| Suối Chót | TV | xã Keng Đu | H. Kỳ Sơn | | | 19° 36' 05" | 104° 06' 21" | 19° 37' 34" | 104° 05' 10" | E-48-5-C |
| bản Hạt Tà Vén | DC | xã Keng Đu | H. Kỳ Sơn | 19° 39' 01" | 104° 07' 52" | | | | | E-48-5-C |
| bản Hòa Xuân | DC | xã Keng Đu | H. Kỳ Sơn | 19° 39' 38" | 104° 09' 40" | | | | | E-48-5-C |
| bản Huổi Cáng | DC | xã Keng Đu | H. Kỳ Sơn | 19° 37' 38" | 104° 07' 38" | | | | | E-48-5-C |
| bản Huổi Lê | DC | xã Keng Đu | H. Kỳ Sơn | 19° 35' 34" | 104° 06' 56" | | | | | E-48-5-C |
| bản Huổi Phoóc | DC | xã Keng Đu | H. Kỳ Sơn | 19° 39' 21" | 104° 09' 40" | | | | | E-48-5-C |
| bản Huổi Phuôn 1 | DC | xã Keng Đu | H. Kỳ Sơn | 19° 37' 45" | 104° 05' 54" | | | | | E-48-5-C |
| bản Huổi Phuôn 2 | DC | xã Keng Đu | H. Kỳ Sơn | 19° 37' 24" | 104° 06' 10" | | | | | E-48-5-C |
| bản Huổi Tông | DC | xã Keng Đu | H. Kỳ Sơn | 19° 35' 03" | 104° 07' 33" | | | | | E-48-5-C |
| bản Keng Đu | DC | xã Keng Đu | H. Kỳ Sơn | 19° 39' 56" | 104° 05' 41" | | | | | E-48-5-C |
| bản Kèo Cơn | DC | xã Keng Đu | H. Kỳ Sơn | 19° 38' 32" | 104° 05' 28" | | | | | E-48-5-C |
| bản Khe Linh | DC | xã Keng Đu | H. Kỳ Sơn | 19° 37' 38" | 104° 04' 18" | | | | | E-48-5-C |
| Suối Lê | TV | xã Keng Đu | H. Kỳ Sơn | | | 19° 34' 31" | 104° 06' 29" | 19° 36' 25" | 104° 08' 14" | E-48-5-C |
| Khe Linh | TV | xã Keng Đu | H. Kỳ Sơn | | | 19° 37' 05" | 104° 04' 31" | 19° 37' 46" | 104° 03' 45" | E-48-5-C |
| Nậm Nơn | TV | xã Keng Đu | H. Kỳ Sơn | | | 19° 40' 58" | 104° 04' 07" | 19° 17' 13" | 104°25' 35" | E-48-5-C |
| Suối Phuôn | TV | xã Keng Đu | H. Kỳ Sơn | | | 19° 36' 31" | 104° 06' 55" | 19° 37' 35" | 104° 07' 39" | E-48-5-C |
| bản Quyết Thắng | DC | xã Keng Đu | H. Kỳ Sơn | 19° 35' 37" | 104° 08' 56" | | | | | E-48-5-C |
| Nậm Sống | TV | xã Keng Đu | H. Kỳ Sơn | | | 19° 34' 59" | 104° 05' 02" | 19° 40' 58" | 104° 04' 07" | E-48-5-C |
| Nậm Xốc | TV | xã Keng Đu | H. Kỳ Sơn | | | 19° 36' 25" | 104° 08' 14" | 19° 40' 02" | 104° 09' 05" | E-48-5-C |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Núi Hồng | SV | xã Mường Ải | H. Kỳ Sơn | 19° 20' 00" | 103° 56' 08" | | | | | E-48-16-B |
| bản Huổi Khe | DC | xã Mường Ải | H. Kỳ Sơn | 19° 17' 28" | 103° 59' 30" | | | | | E-48-16-B |
| suối Huổi Khuân | TV | xã Mường Ải | H. Kỳ Sơn | | | 19° 15' 44" | 103° 57' 09" | 19° 18' 07" | 103° 52' 57" | E-48-16-B |
| Núi Miềng | SV | xã Mường Ải | H. Kỳ Sơn | 19° 15' 23" | 103° 59' 30" | | | | | E-48-16-B |
| Nậm Mộ | TV | xã Mường Ải | H. Kỳ Sơn | | | 19° 18' 07" | 103° 52' 56" | 19° 17' 11" | 104° 25' 36" | E-48-16-B |
| suối Nâm Típ | TV | xã Mường Ải | H. Kỳ Sơn | | | 19° 17' 17" | 104° 00' 31" | 19° 19' 53" | 103° 57' 02" | E-48-17-A |
| bản Nhà Nang | DC | xã Mường Ải | H. Kỳ Sơn | 19° 17' 20" | 103° 58' 53" | | | | | E-48-16-B |
| Suối Pản | TV | xã Mường Ải | H. Kỳ Sơn | | | 19° 14' 44" | 104° 02' 20" | 19° 17' 14" | 104° 01' 24" | E-48-17-A, E-48-17-C |
| Bản Pụng | DC | xã Mường Ải | H. Kỳ Sơn | 19° 17' 05" | 104° 00' 43" | | | | | E-48-17-A |
| núi Sòng Voi | SV | xã Mường Ải | H. Kỳ Sơn | 19° 19' 08" | 103° 54' 53" | | | | | E-48-16-B |
| Suối Than | TV | xã Mường Ải | H. Kỳ Sơn | | | 19° 15' 03" | 104° 00' 18" | 19° 17' 17" | 104° 00' 31" | E-48-17-A |
| dãy Trường Sơn | SV | xã Mường Ải | H. Kỳ Sơn | 16° 28' 51" | 106° 54' 56" | | | | | E-48-30-B+D E-48-30- A |
| Suối Xằng | TV | xã Mường Ải | H. Kỳ Sơn | | | 19° 15' 40" | 103° 58' 19" | 19° 17' 44" | 103° 58' 12" | E-48-16-B |
| núi Xang Noi | SV | xã Mường Ải | H. Kỳ Sơn | 19° 18' 51" | 103° 53' 56" | | | | | E-48-16-B |
| bản Xốp Lau | DC | xã Mường Ải | H. Kỳ Sơn | 19° 18' 33" | 103° 57' 38" | | | | | E-48-16-B |
| bản Xốp Phong | DC | xã Mường Ải | H. Kỳ Sơn | 19° 20' 05" | 103° 57' 01" | | | | | E-48-16-B |
| bản Xốp Xằng | DC | xã Mường Ải | H. Kỳ Sơn | 19° 17' 48" | 103° 58' 05" | | | | | E-48-16-B |
| Suối Chính | TV | xã Mường Lống | H. Kỳ Sơn | | | 19° 32' 12" | 104° 23' 59" | 19° 33' 28" | 104° 25' 37" | E-48-17-B |
| Suối Con | TV | xã Mường Lống | H. Kỳ Sơn | | | 19° 24' 13" | 105° 25' 17" | 19° 22' 56" | 105° 24' 11" | E-48-19-B-b |
| dốc Cổng Trời | KX | xã Mường Lống | H. Kỳ Sơn | 19° 31' 54" | 104° 19' 49" | | | | | E-48-5-D |
| bản Huổi Khun | DC | xã Mường Lống | H. Kỳ Sơn | 19° 29' 47" | 104° 24' 09" | | | | | E-48-17-B |
| Suối Khúa | TV | xã Mường Lống | H. Kỳ Sơn | | | 19° 28' 47" | 104° 19' 54" | 19° 32' 12" | 104° 23' 59" | E-48-17-B |
| bản Long Kèo | DC | xã Mường Lống | H. Kỳ Sơn | 19° 30' 32" | 104° 20' 39" | | | | | E-48-5-D |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| bản Mò Nừng | DC | xã Mường Lống | H. Kỳ Sơn | 19° 33' 58" | 104° 19' 51" | | | | | E-48-5-D |
| bản Mường Lống 1 | DC | xã Mường Lống | H. Kỳ Sơn | 19° 31' 54" | 104° 20' 39" | | | | | E-48-5-D |
| bản Mường Lống 2 | DC | xã Mường Lống | H. Kỳ Sơn | 19° 31' 26" | 104° 20' 42" | | | | | E-48-5-D |
| xóm Nậm Nơn | TV | xã Mường Lống | H. Kỳ Sơn | | | 19° 40' 58" | 104° 04' 07" | 19° 17' 13" | 104°25' 35" | E-48-5-C |
| Núi Nghếch | SV | xã Mường Lống | H. Kỳ Sơn | 19° 25' 38" | 104° 20' 47" | | | | | E-48-17-B |
| suối Nhật Khổng | TV | xã Mường Lống | H. Kỳ Sơn | | | 19° 33' 00" | 104° 20' 46" | 19° 30' 38" | 104° 23' 37" | E-48-5-D |
| suối Nhật Na | TV | xã Mường Lống | H. Kỳ Sơn | | | 19° 31' 49" | 104° 22' 06" | 19° 32' 12" | 104° 23' 59" | E-48-5-D |
| Suối Nhị | TV | xã Mường Lống | H. Kỳ Sơn | | | 19° 32' 06" | 104° 20' 07" | 19° 22' 55" | 104° 12' 02" | E-48-17-B |
| núi Nhót Nhị | SV | xã Mường Lống | H. Kỳ Sơn | 19° 33' 06" | 104° 19' 46" | | | | | E-48-5-D |
| núi Nông Pa Pinh | SV | xã Mường Lống | H. Kỳ Sơn | 19° 33' 09" | 104° 23' 28" | | | | | E-48-5-D |
| bản Sa Lầy | DC | xã Mường Lống | H. Kỳ Sơn | 19° 30' 53" | 104° 19' 49" | | | | | E-48-5-D |
| núi Sam Soum | SV | xã Mường Lống | H. Kỳ Sơn | 19° 27' 47" | 104° 22' 01" | | | | | E-48-17-B |
| núi Sam Sum | SV | xã Mường Lống | H. Kỳ Sơn | 19° 28' 52" | 104° 23' 14" | | | | | E-48-17-B |
| núi Tám He Ne | SV | xã Mường Lống | H. Kỳ Sơn | 19° 27' 08" | 104° 18' 29" | | | | | E-48-17-B |
| bản Thà Lạng | DC | xã Mường Lống | H. Kỳ Sơn | 19° 32' 34" | 104° 22' 16" | | | | | E-48-5-D |
| suối Thà Lạng | TV | xã Mường Lống | H. Kỳ Sơn | | | 19° 32' 16" | 104° 21' 23" | 19° 34' 55" | 104° 22' 33" | E-48-5-D |
| bản Tham Hang | DC | xã Mường Lống | H. Kỳ Sơn | 19° 27' 47" | 104° 18' 23" | | | | | E-48-17-B |
| bản Tham Hốc | DC | xã Mường Lống | H. Kỳ Sơn | 19° 27' 35" | 104° 19' 18" | | | | | E-48-17-B |
| bản Tham Lực | DC | xã Mường Lống | H. Kỳ Sơn | 19° 30' 42" | 104° 20' 22" | | | | | E-48-5-D |
| bản Tham Pạng | DC | xã Mường Lống | H. Kỳ Sơn | 19° 30' 40" | 104° 21' 24" | | | | | E-48-5-D |
| Suối Thay | TV | xã Mường Lống | H. Kỳ Sơn | | | 19° 27' 44" | 104° 19' 48" | 19° 22' 44" | 104° 17' 10" | E-48-17-B |
| bản Trung Tâm | DC | xã Mường Lống | H. Kỳ Sơn | 19° 31' 58" | 104° 20' 08" | | | | | E-48-5-D |
| bản Xám Xúm | DC | xã Mường Lống | H. Kỳ Sơn | 19° 27' 51" | 104° 21' 04" | | | | | E-48-17-B |
| bản Chà Lạt | DC | xã Mường Típ | H. Kỳ Sơn | 19° 20' 31" | 103° 59' 38" | | | | | E-48-16-B |
| khe Chà Lạt | TV | xã Mường Típ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 22' 38" | 103° 58' 40" | 19° 23' 31" | 103° 58' 09" | E-48-16-B |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| khe Huối Ha | TV | xã Mường Típ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 18' 02" | 104° 04' 47" | 19° 16' 30" | 104° 02' 59" | E-48-17-A |
| bản Huồi Khí | DC | xã Mường Típ | H. Kỳ Sơn | 19° 22' 20" | 104° 00' 21" | | | | | E-48-17-A |
| bản Huồi Khói | DC | xã Mường Típ | H. Kỳ Sơn | 19° 21' 29" | 103° 59' 18" | | | | | E-48-16-B |
| Nậm Mộ | TV | xã Mường Típ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 18' 07" | 103° 52' 56" | 19° 17' 11" | 104° 25' 36" | E-48-17-A |
| bản Na Mỳ | DC | xã Mường Típ | H. Kỳ Sơn | 19° 19' 19" | 103° 57' 28" | | | | | E-48-16-B |
| khe Na Nhu | TV | xã Mường Típ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 19' 45" | 104° 02' 57" | 19° 20' 17" | 104° 00' 27" | E-48-17-A |
| suối Nậm Típ | TV | xã Mường Típ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 17' 17" | 104° 00' 31" | 19° 19' 53" | 103° 57' 02" | E-48-17-A |
| khe Năm Típ | TV | xã Mường Típ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 16' 40" | 104° 04' 42" | 19° 17' 37" | 104° 00' 17" | E-48-17-A |
| Suối Nhi | TV | xã Mường Típ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 20' 17" | 104° 00' 27" | 19° 21' 46" | 104° 00' 26" | E-48-17-A |
| Suối Pản | TV | xã Mường Típ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 19' 44" | 104° 02' 20" | 19° 17' 14" | 104° 01' 24" | E-48-17-A, E-48-17-C |
| Suối Péc | TV | xã Mường Típ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 18' 46" | 104° 03' 47" | 19° 17' 14" | 104° 01' 24" | E-48-17-A |
| bản Phà Nọi | DC | xã Mường Típ | H. Kỳ Sơn | 19° 16' 34" | 104° 03' 33" | | | | | E-48-17-A |
| Suối Pụng | TV | xã Mường Típ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 19' 29" | 104° 02' 53" | 19° 17' 17" | 104° 00' 55" | E-48-17-A |
| khe Sốp Khăm | TV | xã Mường Típ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 18' 14" | 104° 00' 50" | 19° 17' 37" | 104° 00' 17" | E-48-17-A |
| bản Sốp Phe | DC | xã Mường Típ | H. Kỳ Sơn | 19° 22' 20" | 103° 57' 31" | | | | | E-48-16-B |
| bản Sốp Típ | DC | xã Mường Típ | H. Kỳ Sơn | 19° 21' 24" | 103° 57' 06" | | | | | E-48-16-B |
| bản Ta Đo | DC | xã Mường Típ | H. Kỳ Sơn | 19° 24' 03" | 104° 00' 35" | | | | | E-48-16-B |
| núi Tho Lều | SV | xã Mường Típ | H. Kỳ Sơn | 19° 21' 14" | 103° 57' 51" | | | | | E-48-16-B |
| Suối Thông | TV | xã Mường Típ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 14' 48" | 104° 03' 02" | 19° 16' 22" | 104° 03' 35" | E-48-17-A |
| bản Vang Phao | DC | xã Mường Típ | H. Kỳ Sơn | 19° 20' 13" | 103° 57' 09" | | | | | E-48-16-B |
| suối Xốp Phe | TV | xã Mường Típ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 20' 38" | 103° 59' 09" | 19° 22' 16" | 103° 57' 27" | E-48-16-B |
| suối Chà Lằn | TV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | | | 19° 39' 36" | 104° 14' 10" | 19° 42' 15" | 104° 15' 31" | E-48-5-D |
| bản Cha Nga | DC | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 42' 27" | 104° 13' 57" | | | | | E-48-5-D |
| núi Cha Nga | SV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 41' 04" | 104° 14' 23" | | | | | E-48-5-C |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| suối Cha Nga | TV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | | | 19° 40' 23" | 104° 12' 33" | 19° 42' 29" | 104° 14' 00" | E-48-5-C |
| phu Đén Đín | SV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 42' 03" | 104° 24' 44" | | | | | E-48-5-D |
| bản Hòa Lý | DC | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 35' 18" | 104° 21' 39" | | | | | E-48-5-D |
| Núi Hung | SV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 37' 15" | 104° 20' 34" | | | | | E-48-5-D |
| núi Huổi Phuôn | SV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 40' 34" | 104° 23' 32" | | | | | E-48-5-D |
| bản Huổi Pún | DC | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 37' 31" | 104° 24' 23" | | | | | E-48-5-D |
| Suối Ké | TV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | | | 19° 36' 16" | 104° 22' 13" | 19° 35' 27" | 104° 21' 25" | E-48-5-D |
| Suối Kho | TV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | | | 19° 21' 25" | 104° 52' 06" | 19° 18' 25" | 104° 49' 29" | E-48-18-B |
| Suối Lợi | TV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | | | 19° 42' 05" | 104° 23' 48" | 19° 41' 49" | 104° 22' 14" | E-48-5-D |
| Suối Mai | TV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | | | 19° 09' 24" | 105° 19' 22" | 19° 11' 53" | 105° 21' 04" | E-48-19-D-a |
| suối Nanh Héo | TV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | | | 19° 38' 26" | 104° 17' 00" | 19° 38' 58" | 104° 17' 27" | E-48-5-D |
| bản Nhọt Lợt | DC | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 41' 37" | 104° 24' 13" | | | | | E-48-5-D |
| núi Nhọt Lợt | SV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 40' 54" | 104° 25' 01" | | | | | E-48-5-D |
| Nậm Nơn | TV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | | | 19° 40' 58" | 104° 04' 07" | 19° 17' 13" | 104°25' 35" | E-48-5-C |
| Suối Pa | TV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | | | 19° 19' 17" | 104° 08' 57" | 19° 22' 24" | 104° 13' 15" | E-48-17-A |
| núi Phà Chéng | SV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 40' 11" | 104° 24' 48" | | | | | E-48-5-D |
| bản Phà Chiếng | DC | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 39' 04" | 104° 24' 34" | | | | | E-48-5-D |
| núi Pha Cọc | SV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 37' 02" | 104° 17' 22" | | | | | E-48-5-D |
| núi Pha Han | SV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 36' 01" | 104° 17' 08" | | | | | E-48-5-D |
| núi Phà Khủm | SV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 39' 36" | 104° 24' 08" | | | | | E-48-5-D |
| núi Pha Lai | SV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 36' 33" | 104° 16' 19" | | | | | E-48-5-D |
| núi Phà Mứt | SV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 34' 16" | 104° 19' 14" | | | | | E-48-17-B |
| núi Phà Nu | SV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 34' 38" | 104° 21' 43" | | | | | E-48-5-D |
| núi Pha Phả | SV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 38' 09" | 104° 16' 56" | | | | | E-48-5-D |
| bản Piêng Pèn | DC | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 40' 01" | 104° 21' 50" | | | | | E-48-5-D |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| bản Piêng Vai | DC | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 33' 20" | 104° 22' 13" | | | | | E-48-5-D |
| Suối Pún | TV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | | | 19° 38' 27" | 104° 23' 50" | 19° 37' 28" | 104° 24' 21" | E-48-5-D |
| Suối Sàn | TV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | | | 19° 38' 15" | 104° 18' 03" | 19° 38' 39" | 104° 18' 20" | E-48-5-D |
| Suối Tắm | TV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | | | 19° 34' 06" | 104° 13' 18" | 19° 36' 44" | 104° 18' 44" | E-48-5-C |
| núi Thằm Len | SV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 40' 38" | 104° 17' 20" | | | | | E-48-5-D |
| Suối Tôm | TV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | | | 19° 35' 51" | 104° 17' 35" | 19° 36' 52" | 104° 17' 44" | E-48-5-D |
| Suối Tụ | TV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | | | 19° 33' 14" | 104° 16' 25" | 19° 35' 37" | 104° 20' 04" | E-48-5-D |
| Suối Tuộc | TV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | | | 19° 29' 16" | 104° 30' 02" | 19° 30' 28" | 104° 31' 16" | E-48-6-A, E-48-6-C |
| Suối Vặt | TV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | | | 19° 37' 21" | 104° 22' 39" | 19° 35' 53" | 104° 20' 23" | E-48-5-D |
| Suối Xá | TV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | | | 19° 39' 12" | 104° 24' 57" | 19° 36' 41" | 104° 24' 32" | E-48-5-D |
| Suối Xang | TV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | | | 19° 41' 27" | 104° 24' 28" | 19° 37' 40" | 104° 19' 00" | E-48-5-D |
| Suối Xăng | TV | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | | | 19° 38' 27" | 104° 17' 41" | 19° 38' 54" | 104° 17' 49" | E-48-5-D |
| bản Xằng Trên | DC | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 38' 35" | 104° 18' 51" | | | | | E-48-5-D |
| bản Xiềng Tắm | DC | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 36' 38" | 104° 18' 39" | | | | | E-48-5-D |
| bản Xốp Dương | DC | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 41' 29" | 104° 18' 32" | | | | | E-48-5-D |
| bản Xốp Tụ | DC | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 35' 22" | 104° 18' 38" | | | | | E-48-5-D |
| bản Yên Hòa | DC | xã Mỹ Lý | H. Kỳ Sơn | 19° 37' 43" | 104° 18' 57" | | | | | E-48-5-D |
| bản Đồi Boọng | DC | xã Na Loi | H. Kỳ Sơn | 19° 30' 38" | 104° 10' 40" | | | | | E-48-5-C |
| khe Huổi Hẻo | TV | xã Na Loi | H. Kỳ Sơn | | | 19° 33' 24" | 104° 08' 39" | 19° 32' 11" | 104° 08' 16" | E-48-5-C |
| khe Huổi Hó | TV | xã Na Loi | H. Kỳ Sơn | | | 19° 32' 52" | 104° 10' 30" | 19° 32' 26" | 104° 10' 49" | E-48-5-C |
| khe Huổi Khạp | TV | xã Na Loi | H. Kỳ Sơn | | | 19° 30' 56" | 104° 10' 53" | 19° 31' 42" | 104° 09' 51" | E-48-5-C |
| khe Huổi Khúm | TV | xã Na Loi | H. Kỳ Sơn | | | 19° 33' 22" | 104° 08' 57" | 19° 31' 56" | 104° 09' 57" | E-48-5-C |
| khe Huổi Lê | TV | xã Na Loi | H. Kỳ Sơn | | | 19° 32' 34" | 104° 15' 18" | 19° 32' 38" | 104° 12' 00" | E-48-5-C |
| bản Huổi Ngôi | DC | xã Na Loi | H. Kỳ Sơn | 19° 30' 32" | 104° 09' 59" | | | | | E-48-5-C |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| khe Huổi Ngôi | TV | xã Na Loi | H. Kỳ Sơn | | | 19° 30' 36" | 104° 10' 06" | 19° 31' 27" | 104° 10' 02" | E-48-5-C |
| bản Huổi Sàn | DC | xã Na Loi | H. Kỳ Sơn | 19° 32' 44" | 104° 12' 19" | | | | | E-48-5-C |
| khe Huổi ức | TV | xã Na Loi | H. Kỳ Sơn | | | 19° 32' 45" | 104° 14' 14" | 19° 34' 06" | 104° 13' 18" | E-48-5-C |
| Khe Linh | TV | xã Na Loi | H. Kỳ Sơn | | | 19° 31' 42" | 104° 09' 51" | 19° 33' 30" | 104° 12' 24" | E-48-5-C |
| bản Na Khướng | DC | xã Na Loi | H. Kỳ Sơn | 19° 32' 01" | 104° 08' 24" | | | | | E-48-5-C |
| bản Na Loi | DC | xã Na Loi | H. Kỳ Sơn | 19° 31' 44" | 104° 09' 34" | | | | | E-48-5-C |
| suối Nậm Tắm | TV | xã Na Loi | H. Kỳ Sơn | | | 19° 33' 22" | 104° 08' 57" | 19° 31' 42" | 104° 09' 51" | E-48-5-C |
| khe Pha Ne | TV | xã Na Loi | H. Kỳ Sơn | | | 19° 30' 33" | 104° 12' 57" | 19° 31' 09" | 104° 12' 59" | E-48-5-C |
| suối Phá Tá | TV | xã Na Loi | H. Kỳ Sơn | | | 19° 33' 30" | 104° 12' 24" | 19° 34' 47" | 104° 13' 47" | E-48-5-C |
| bản Piêng Lau | DC | xã Na Loi | H. Kỳ Sơn | 19° 32' 30" | 104° 11' 07" | | | | | E-48-5-C |
| bản Buộc Mú 1 | DC | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | 19° 15' 43" | 104° 08' 04" | | | | | E-48-17-A |
| bản Buộc Mú 2 | DC | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | 19° 15' 27" | 104° 08' 00" | | | | | E-48-17-A |
| bản Ca Dưới | DC | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | 19° 14' 55" | 104° 10' 21" | | | | | E-48-17-C |
| suối Ca Na | TV | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | | | 19° 14' 19" | 104° 05' 35" | 19° 15' 51" | 104° 09' 08" | E-48-17-A |
| suối Ca Nan | TV | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | | | 19° 18' 49" | 104° 13' 15" | 19° 20' 33" | 104° 16' 53" | E-48-17-A |
| bản Ca Nọi | DC | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | 19° 14' 50" | 104° 11' 02" | | | | | E-48-17-C |
| suối Ca Nọi | TV | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | | | 19° 13' 15" | 104° 11' 09" | 19° 15' 54" | 104° 11' 00" | E-48-17-A |
| bản Ca Trên | DC | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | 19° 14' 35" | 104° 10' 15" | | | | | E-48-17-C |
| suối Ca Trên | TV | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | | | 19° 16' 49" | 104° 10' 29" | 19° 17' 28" | 104° 11' 59" | E-48-17-A |
| núi Chống Tính | SV | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | 19° 14' 04" | 104° 10' 40" | | | | | E-48-17-C |
| suối Cò Nằn | TV | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | | | 19° 17' 35" | 104° 06' 34" | 19° 15' 45" | 104° 07' 23" | E-48-17-A |
| Suối Hốc | TV | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | | | 19° 17' 36" | 104° 12' 11" | 19° 18' 49" | 104° 13' 15" | E-48-17-C |
| suối Huổi Cương | TV | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | | | 19° 17' 58" | 104° 09' 04" | 19° 17' 28" | 104° 11' 59" | E-48-17-A |
| suối Huổi Hốc | TV | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | | | 19° 12' 33" | 104° 08' 01" | 19° 14' 48" | 104° 08' 35" | E-48-17-A |
| suối Huổi Hừng | TV | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | | | 19° 12' 11" | 104° 09' 26" | 19° 15' 58" | 104° 09' 12" | E-48-17-A |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| suối Huồi Kinh | TV | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | | | 19° 16' 19" | 104° 08' 29" | 19° 16' 03" | 104° 09' 16" | E-48-17-A |
| suối Huồi Lâu | TV | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | | | 19° 13' 54" | 104° 06' 11" | 19° 15' 41" | 104° 07' 06" | E-48-17-A |
| bản Huồi Thum | DC | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | 19° 18' 01" | 104° 13' 05" | | | | | E-48-17-A |
| bản Huồi Xài | DC | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | 19° 16' 16" | 104° 15' 49" | | | | | E-48-17-B |
| bản Kẹo Bắc | DC | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | 19° 16' 15" | 104° 06' 12" | | | | | E-48-17-A |
| suối Khia Pa | TV | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | | | 19° 15' 22" | 104° 15' 51" | 19° 14' 14" | 104° 17' 10" | E-48-17-B |
| bản Na Cáng | DC | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | 19° 15' 09" | 104° 12' 55" | | | | | E-48-17-A |
| bản Phù Khả 1 | DC | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | 19° 14' 04" | 104° 12' 47" | | | | | E-48-17-C |
| bản Phù Khả 2 | DC | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | 19° 14' 43" | 104° 12' 39" | | | | | E-48-17-C |
| núi Phủ Quặc | SV | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | 19° 16' 45" | 104° 14' 31" | | | | | E-48-17-A |
| bản Phù Quặc 1 | DC | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | 19° 16' 22" | 104° 14' 19" | | | | | E-48-17-A |
| bản Phù Quặc 2 | DC | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | 19° 16' 40" | 104° 15' 12" | | | | | E-48-17-B |
| bản Phù Quặc 3 | DC | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | 19° 16' 58" | 104° 16' 04" | | | | | E-48-17-B |
| núi Pùng Mon | SV | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | 19° 13' 01" | 104° 09' 58" | | | | | E-48-17-C |
| bản Tằng Phăn | DC | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | 19° 16' 06" | 104° 09' 25" | | | | | E-48-17-A |
| Suối Tát | TV | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | | | 19° 17' 59" | 104° 06' 00" | 19° 15' 48" | 104° 06' 46" | E-48-17-A |
| bản Thăm Hón | DC | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | 19° 17' 37" | 104° 09' 22" | | | | | E-48-17-A |
| bản Tổng Khư | DC | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | 19° 14' 22" | 104° 10' 24" | | | | | E-48-17-C |
| dãy Trường Sơn | SV | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | 16° 28' 51" | 106° 54' 56" | | | | | 30-B+DE-48-30-A |
| Suối Xai | TV | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | | | 19° 16' 59" | 104° 12' 25" | 19° 17' 36" | 104° 12' 11" | E-48-17-A |
| bản Xiềng Xí | DC | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | 19° 15' 51" | 104° 08' 02" | | | | | E-48-17-A |
| suối Xiềng Xí | TV | xã Na Ngoi | H. Kỳ Sơn | | | 19° 18' 04" | 104° 07' 39" | 19° 15' 16" | 104° 08' 18" | E-48-17-A |
| bản Huồi Nhao | DC | xã Nậm Càn | H. Kỳ Sơn | 19° 12' 08" | 104° 15' 39" | | | | | E-48-17-D, E-48-29-B |
| suối Khưu Pan | TV | xã Nậm Càn | H. Kỳ Sơn | | | 19° 14' 58" | 104° 13' 29" | 19° 14' 14" | 104° 17' 10" | E-48-17-A |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Nậm Kiên | TV | xã Nậm Càn | H. Kỳ Sơn | | | 19° 07' 38" | 104° 13' 00" | 19° 08' 59" | 104° 16' 09" | E-48-17-D, E-48-29-B |
| Suối Kiếp | TV | xã Nậm Càn | H. Kỳ Sơn | | | 19° 08' 48" | 104° 13' 34" | 19° 08' 40" | 104° 15' 35" | E-48-17-D, E-48-29-B |
| núi Lái Nọi | SV | xã Nậm Càn | H. Kỳ Sơn | 19° 09' 46" | 104° 18' 28" | | | | | E-48-17-D, E-48-29-B |
| bản Liên Sơn | DC | xã Nậm Càn | H. Kỳ Sơn | 19° 12' 42" | 104° 15' 52" | | | | | E-48-17-D, E-48-29-B |
| Huổi Liêng | TV | xã Nậm Càn | H. Kỳ Sơn | | | 19° 06' 53" | 104° 18' 01" | 19° 15' 12" | 104° 18' 57" | E-48-17-D, E-48-29-B |
| Núi Lom | SV | xã Nậm Càn | H. Kỳ Sơn | 19° 09' 09" | 104° 13' 58" | | | | | E-48-17-C |
| Phu Luổng | SV | xã Nậm Càn | H. Kỳ Sơn | 19° 06' 52" | 104° 17' 51" | | | | | E-48-17-D, E-48-29-B |
| suối Nà Cà | TV | xã Nậm Càn | H. Kỳ Sơn | | | 19° 11' 55" | 104° 10' 56" | 19° 11' 31" | 104° 14' 16" | E-48-17-C |
| bản Nậm Càn | DC | xã Nậm Càn | H. Kỳ Sơn | 19° 12' 17" | 104° 16' 02" | | | | | E-48-17-D, E-48-29-B |
| suối Nậm Càn | TV | xã Nậm Càn | H. Kỳ Sơn | | | 19° 10' 52" | 104° 11' 45" | 19° 14' 05" | 104° 16' 44" | E-48-17-D, E-48-29-B |
| bản Nậm Khiên 1 | DC | xã Nậm Càn | H. Kỳ Sơn | 19° 12' 02" | 104° 17' 47" | | | | | E-48-17-D, E-48-29-B |
| bản Nậm Khiên 2 | DC | xã Nậm Càn | H. Kỳ Sơn | 19° 11' 38" | 104° 17' 43" | | | | | E-48-17-D, E-48-29-B |
| Suối Niếc | TV | xã Nậm Càn | H. Kỳ Sơn | | | 19° 07' 41" | 104° 19' 12" | 19° 12' 23" | 104° 17' 44" | E-48-17-D, E-48-29-B |
| Nậm Pụng | TV | xã Nậm Càn | H. Kỳ Sơn | | | 19° 13' 28" | 104° 14' 31" | 19° 14' 05" | 104° 16' 44" | E-48-17-D, E-48-29-B |
| núi Púng Păng | SV | xã Nậm Càn | H. Kỳ Sơn | 19° 13' 04" | 104° 12' 28" | | | | | E-48-17-C |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| bản Sơn Thành | DC | xã Nậm Càn | H. Kỳ Sơn | 19° 11' 27" | 104° 16' 40" | | | | | E-48-17-D, E-48-29-B |
| bản Thăm Hín | DC | xã Nậm Càn | H. Kỳ Sơn | 19° 13' 51" | 104° 14' 36" | | | | | E-48-17-C |
| núi Xang Linh | SV | xã Nậm Càn | H. Kỳ Sơn | 19° 10' 11" | 104° 13' 51" | | | | | E-48-17-C |
| quốc lộ 7 | KX | xã Nậm Cắn | H. Kỳ Sơn | | | 19° 28' 15" | 104° 05' 04" | 18° 58' 42" | 105° 35' 55" | E-48-17-A |
| khe Huổi Cáng | TV | xã Nậm Cắn | H. Kỳ Sơn | | | 19° 28' 07" | 104° 05' 37" | 19° 26' 50" | 104° 07' 29" | E-48-17-A |
| khe Huổi Mẹt | TV | xã Nậm Cắn | H. Kỳ Sơn | | | 19° 30' 20" | 104° 08' 18" | 19° 32' 31" | 104° 06' 29" | E-48-17-A |
| bản Huổi Pốc | DC | xã Nậm Cắn | H. Kỳ Sơn | 19° 28' 57" | 104° 08' 23" | | | | | E-48-17-A |
| khe Huổi Pốc | TV | xã Nậm Cắn | H. Kỳ Sơn | | | 19° 29' 08" | 104° 07' 23" | 19° 26' 50" | 104° 07' 29" | E-48-17-A |
| khe Huổi Thăng | TV | xã Nậm Cắn | H. Kỳ Sơn | | | 19° 26' 50" | 104° 07' 29" | 19° 25' 28" | 104° 09' 00" | E-48-17-A |
| bản Khánh Thành | DC | xã Nậm Cắn | H. Kỳ Sơn | 19° 26' 40" | 104° 06' 41" | | | | | E-48-17-A |
| Suối Lội | TV | xã Nậm Cắn | H. Kỳ Sơn | | | 19° 26' 33" | 104° 11' 07" | 19° 24' 18" | 104° 08' 25" | E-48-17-A |
| cầu Nậm Cắn | KX | xã Nậm Cắn | H. Kỳ Sơn | 19° 28' 14" | 104° 05' 03" | | | | | E-48-17-A |
| suối Nậm Cắn | TV | xã Nậm Cắn | H. Kỳ Sơn | | | 19° 28' 51" | 104° 05' 01" | 19° 24' 59" | 104° 04' 14" | E-48-17-A |
| Trạm Cửa khẩu Nậm Cắn | KX | xã Nậm Cắn | H. Kỳ Sơn | 19° 28' 20" | 104° 05' 17" | | | | | E-48-17-A |
| bản Noọng Dẻ | DC | xã Nậm Cắn | H. Kỳ Sơn | 19° 25' 25" | 104° 07' 40" | | | | | E-48-17-A |
| đèo Noọng Dẻ | SV | xã Nậm Cắn | H. Kỳ Sơn | 19° 26' 03" | 104° 06' 41" | | | | | E-48-17-A |
| bản Pà Ca | DC | xã Nậm Cắn | H. Kỳ Sơn | 19° 26' 37" | 104° 08' 22" | | | | | E-48-17-A |
| khe Pà Ca | TV | xã Nậm Cắn | H. Kỳ Sơn | | | 19° 26' 51" | 104° 08' 27" | 19° 26' 10" | 104° 09' 41" | E-48-17-A |
| núi Pà Ca | SV | xã Nậm Cắn | H. Kỳ Sơn | 19° 27' 01" | 104° 06' 18" | | | | | E-48-17-A |
| núi Pù Pợn | SV | xã Nậm Cắn | H. Kỳ Sơn | 19° 29' 27" | 104° 06' 27" | | | | | E-48-17-A |
| núi Sa Kẹt | SV | xã Nậm Cắn | H. Kỳ Sơn | 19° 27' 42" | 104° 07' 10" | | | | | E-48-17-A |
| núi Thăm Mằn | SV | xã Nậm Cắn | H. Kỳ Sơn | 19° 28' 22" | 104° 05' 54" | | | | | E-48-17-A |
| núi Thầu Tho | SV | xã Nậm Cắn | H. Kỳ Sơn | 19° 27' 55" | 104° 04' 52" | | | | | E-48-17-A |
| bản Tiền Tiêu | DC | xã Nậm Cắn | H. Kỳ Sơn | 19° 28' 00" | 104° 05' 26" | | | | | E-48-17-A |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| bản Trường Sơn | DC | xã Nậm Cắn | H. Kỳ Sơn | 19° 27' 33" | 104° 06' 07" | | | | | E-48-17-A |
| núi Cầu Thàn | SV | xã Phà Đánh | H. Kỳ Sơn | 19° 28' 24" | 104° 13' 44" | | | | | E-48-17-A |
| khe Chà Lúm | TV | xã Phà Đánh | H. Kỳ Sơn | | | 19° 24' 40" | 104° 10' 26" | 19° 24' 58" | 104° 08' 59" | E-48-17-A |
| núi Chà Lúm | SV | xã Phà Đánh | H. Kỳ Sơn | 19° 24' 37" | 104° 09' 52" | | | | | E-48-17-A |
| khe Huổi Ngu | TV | xã Phà Đánh | H. Kỳ Sơn | | | 19° 28' 36" | 104° 13' 21" | 19° 26' 33" | 104° 11' 07" | E-48-17-A |
| bản Huổi Nhúc | DC | xã Phà Đánh | H. Kỳ Sơn | 19° 24' 25" | 104° 10' 54" | | | | | E-48-17-A |
| núi Huổi Tang | SV | xã Phà Đánh | H. Kỳ Sơn | 19° 27' 46" | 104° 14' 20" | | | | | E-48-17-A |
| núi Kẹo Lực | SV | xã Phà Đánh | H. Kỳ Sơn | 19° 26' 51" | 104° 13' 41" | | | | | E-48-17-A |
| bản Kẹo Lực 1 | DC | xã Phà Đánh | H. Kỳ Sơn | 19° 26' 39" | 104° 13' 22" | | | | | E-48-17-A |
| bản Kẹo Lực 2 | DC | xã Phà Đánh | H. Kỳ Sơn | 19° 27' 57" | 104° 13' 26" | | | | | E-48-17-A |
| bản Kẹo Lực 3 | DC | xã Phà Đánh | H. Kỳ Sơn | 19° 27' 12" | 104° 12' 55" | | | | | E-48-17-A |
| bản Kim Đa | DC | xã Phà Đánh | H. Kỳ Sơn | 19° 25' 51" | 104° 10' 23" | | | | | E-48-17-A |
| Suối Lội | TV | xã Phà Đánh | H. Kỳ Sơn | | | 19° 26' 33" | 104° 11' 07" | 19° 24' 18" | 104° 08' 25" | E-48-17-A |
| núi Noọng Xang | SV | xã Phà Đánh | H. Kỳ Sơn | 19° 25' 00" | 104° 10' 34" | | | | | E-48-17-A |
| bản Phà Khảo | DC | xã Phà Đánh | H. Kỳ Sơn | 104° 11' 26" | 104° 11' 26" | | | | | E-48-17-A |
| bản Phà Khốm | DC | xã Phà Đánh | H. Kỳ Sơn | 19° 26' 01" | 104° 12' 39" | | | | | E-48-17-A |
| bản Piêng Hòm | DC | xã Phà Đánh | H. Kỳ Sơn | 19° 27' 02" | 104° 11' 18" | | | | | E-48-17-A |
| bản Piêng Phô | DC | xã Phà Đánh | H. Kỳ Sơn | 19° 25' 04" | 104° 09' 01" | | | | | E-48-17-A |
| Khe Thạng | TV | xã Phà Đánh | H. Kỳ Sơn | | | 19° 26' 40" | 104° 13' 02" | 19° 23' 31" | 104° 12' 55" | E-48-17-A |
| Bản Xắn | DC | xã Phà Đánh | H. Kỳ Sơn | 19° 25' 42" | 104° 13' 37" | | | | | E-48-17-A |
| núi Xòi Voi | SV | xã Phà Đánh | H. Kỳ Sơn | 19° 29' 12" | 104° 11' 59" | | | | | E-48-17-A |
| quốc lộ 7 | KX | xã Tà Cạ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 28' 15" | 104° 05' 04" | 18° 58' 42" | 105° 35' 55" | E-48-17-A |
| bản Bình Sơn 1 | DC | xã Tà Cạ | H. Kỳ Sơn | 19° 24' 36" | 104° 07' 30" | | | | | E-48-17-A |
| bản Bình Sơn 2 | DC | xã Tà Cạ | H. Kỳ Sơn | 19° 23' 48" | 104° 06' 45" | | | | | E-48-17-A |
| huổi Cà Chệch | TV | xã Tà Cạ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 22' 11" | 104° 03' 32" | 19° 24' 48" | 104° 04' 03" | E-48-17-A |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| huồi Cà Nhăn | TV | xã Tà Cạ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 18' 18" | 104° 05' 30" | 19° 23' 42" | 104° 06' 48" | E-48-17-A |
| huồi Cà Nhắp | TV | xã Tà Cạ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 20' 00" | 104° 03' 11" | 19° 23' 42" | 104° 06' 48" | E-48-17-A |
| Bản Cánh | DC | xã Tà Cạ | H. Kỳ Sơn | 19° 24' 48" | 104° 06' 47" | | | | | E-48-17-A |
| bản Cầu Tám | DC | xã Tà Cạ | H. Kỳ Sơn | 19° 24' 18" | 104° 08' 16" | | | | | E-48-17-A |
| núi Chà Lúm | SV | xã Tà Cạ | H. Kỳ Sơn | 19° 24' 37" | 104° 09' 52" | | | | | E-48-17-A |
| Huồi Giảng | TV | xã Tà Cạ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 21' 43" | 104° 07' 41" | 19° 24' 08" | 104° 08' 35" | E-48-17-A |
| Huồi Hiên | TV | xã Tà Cạ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 23' 01" | 104° 03' 59" | 19° 24' 58" | 104° 04' 13" | E-48-17-A |
| bản Hòa Sơn | DC | xã Tà Cạ | H. Kỳ Sơn | 19° 23' 56" | 104° 08' 31" | | | | | E-48-17-A |
| Huồi Hoay | TV | xã Tà Cạ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 22' 43" | 104° 04' 45" | 19° 24' 02" | 104° 05' 35" | E-48-17-A |
| Suối Lội | TV | xã Tà Cạ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 26' 33" | 104° 11' 07" | 19° 24' 18" | 104° 08' 25" | E-48-17-A |
| Núi Mo | SV | xã Tà Cạ | H. Kỳ Sơn | 19° 24' 27" | 104° 03' 50" | | | | | E-48-17-A |
| Huồi Mộ | TV | xã Tà Cạ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 23' 33" | 104° 04' 53" | 19° 24' 12" | 104° 05' 06" | E-48-17-A |
| Nậm Mộ | TV | xã Tà Cạ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 18' 07" | 103° 52' 56" | 19° 17' 11" | 104° 25' 36" | E-48-17-A |
| núi Mú Nạu | SV | xã Tà Cạ | H. Kỳ Sơn | 19° 24' 51" | 104° 02' 24" | | | | | E-48-17-A |
| bản Na Nhu | DC | xã Tà Cạ | H. Kỳ Sơn | 19° 25' 27" | 104° 02' 48" | | | | | E-48-17-A |
| bản Nhãn Cù | DC | xã Tà Cạ | H. Kỳ Sơn | 19° 24' 02" | 104° 05' 29" | | | | | E-48-17-A |
| bản Nhãn Lỳ | DC | xã Tà Cạ | H. Kỳ Sơn | 19° 24' 52" | 104° 04' 10" | | | | | E-48-17-A |
| Huồi Nhu | TV | xã Tà Cạ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 21' 46" | 104° 00' 26" | 19° 24' 19" | 104° 02' 32" | E-48-17-A |
| núi Sao Lo | SV | xã Tà Cạ | H. Kỳ Sơn | 19° 22' 13" | 104° 07' 18" | | | | | E-48-17-A |
| bản Sơn Hà | DC | xã Tà Cạ | H. Kỳ Sơn | 19° 23' 36" | 104° 08' 39" | | | | | E-48-17-A |
| bản Sơn Thành | DC | xã Tà Cạ | H. Kỳ Sơn | 19° 24' 48" | 104° 08' 34" | | | | | E-48-17-A |
| bản Xa Vang | DC | xã Tà Cạ | H. Kỳ Sơn | 19° 25' 25" | 104° 02' 57" | | | | | E-48-17-A |
| suối Xa Vang | TV | xã Tà Cạ | H. Kỳ Sơn | | | 19° 34' 49" | 104° 33' 18" | 19° 34' 09" | 104° 33' 58" | E-48-6-A, E-48-6-C |
| núi Ca Nhăn | SV | xã Tây Sơn | H. Kỳ Sơn | 19° 22' 20" | 104° 05' 44" | | | | | E-48-17-A |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| suối Cà Nhăn | TV | xã Tây Sơn | H. Kỳ Sơn | | | 19° 18' 18" | 104° 05' 30" | 19° 23' 42" | 104° 06' 48" | E-48-17-A |
| suối Cà Nhắp | TV | xã Tây Sơn | H. Kỳ Sơn | | | 19° 20' 00" | 104° 03' 11" | 19° 23' 42" | 104° 06' 48" | E-48-17-A |
| Suối Coóc | TV | xã Tây Sơn | H. Kỳ Sơn | | | 19° 18' 26" | 104° 06' 56" | 19° 21' 04" | 104° 06' 10" | E-48-17-A |
| bản Đống Dưới | DC | xã Tây Sơn | H. Kỳ Sơn | 19° 21' 45" | 104° 03' 50" | | | | | E-48-17-A |
| bản Đống Trên | DC | xã Tây Sơn | H. Kỳ Sơn | 19° 21' 30" | 104° 03' 33" | | | | | E-48-17-A |
| Huổi Hiên | TV | xã Tây Sơn | H. Kỳ Sơn | | | 19° 23' 01" | 104° 03' 59" | 19° 24' 58" | 104° 04' 13" | E-48-17-A |
| Suối Huay | TV | xã Tây Sơn | H. Kỳ Sơn | | | 19° 22' 43" | 104° 04' 45" | 19° 24' 02" | 104° 05' 35" | E-48-17-A |
| bản Huổi Giảng 1 | DC | xã Tây Sơn | H. Kỳ Sơn | 19° 20' 20" | 104° 07' 48" | | | | | E-48-17-A |
| bản Huổi Giảng 2 | DC | xã Tây Sơn | H. Kỳ Sơn | 19° 20' 18" | 104° 07' 37" | | | | | E-48-17-A |
| bản Huổi Giảng 3 | DC | xã Tây Sơn | H. Kỳ Sơn | 19° 20' 37" | 104° 07' 13" | | | | | E-48-17-A |
| núi Huổi Hiên | SV | xã Tây Sơn | H. Kỳ Sơn | 19° 20' 41" | 104° 06' 54" | | | | | E-48-17-A |
| bản Lữ Thành | DC | xã Tây Sơn | H. Kỳ Sơn | 19° 21' 30" | 104° 05' 03" | | | | | E-48-17-A |
| Suối Nhạn Lỳ | TV | xã Tây Sơn | H. Kỳ Sơn | | | 19° 22' 11" | 104° 03' 32" | 19° 24' 48" | 104° 04' 03" | E-48-17-A |
| Suối Nhi | TV | xã Tây Sơn | H. Kỳ Sơn | | | 19° 20' 17" | 104° 00' 27" | 19° 21' 46" | 104° 00' 26" | E-48-17-A |
| Huổi Nhiêu | TV | xã Tây Sơn | H. Kỳ Sơn | | | 19° 21' 46" | 104° 00' 26" | 19° 24' 19" | 104° 02' 32" | E-48-17-A |
| Suối Nhu | TV | xã Tây Sơn | H. Kỳ Sơn | | | 19° 19' 45" | 104° 02' 57" | 19° 20' 17" | 104° 00' 27" | E-48-17-A |
| Suối Pa | TV | xã Tây Sơn | H. Kỳ Sơn | | | 19° 19' 17" | 104° 08' 57" | 19° 22' 24" | 104° 13' 15" | E-48-17-A |
| Nậm Phiếu | TV | xã Tây Sơn | H. Kỳ Sơn | | | 19° 19' 54" | 104° 08' 02" | 19° 21' 43" | 104° 07' 41" | E-48-17-A |
| núi Sao Lo | SV | xã Tây Sơn | H. Kỳ Sơn | 19° 22' 13" | 104° 07' 18" | | | | | E-48-17-A |
| Suối Tì | TV | xã Tây Sơn | H. Kỳ Sơn | | | 19° 21' 07" | 104° 08' 37" | 19° 23' 36" | 104° 10' 20" | E-48-17-A |
| suối Xa Vang | TV | xã Tây Sơn | H. Kỳ Sơn | | | 19° 34' 49" | 104° 33' 18" | 19° 34' 09" | 104° 33' 58" | E-48-6-A, E-48-6-C |
| quốc lộ 15 | KX | TT. Nam Đàn | H. Nam Đàn | | | 19° 26' 37" | 105° 26' 54" | 18° 33' 35" | 105° 33' 24" | E-48-31-D |
| quốc lộ 46 | KX | TT. Nam Đàn | H. Nam Đàn | | | 18° 36' 19" | 105° 11' 23" | 18° 49' 41" | 105° 42' 18" | E-48-32-C-a, E-48-31-D |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| đường tỉnh 542 | KX | TT. Nam Đàn | H. Nam Đàn | | | 18° 41' 55" | 105° 29' 50" | 18° 46' 13" | 105° 45' 02" | E-48-32-C-a, E-48-31-D |
| khối Ba Hà | DC | TT. Nam Đàn | H. Nam Đàn | 18° 42' 04" | 105° 30' 28" | | | | | E-48-32-C-a |
| khối Đan Nhiệm | DC | TT. Nam Đàn | H. Nam Đàn | 18° 41' 50" | 105° 30' 16" | | | | | E-48-32-C-a |
| Sông Đào | TV | TT. Nam Đàn | H. Nam Đàn | | | 18° 45' 12" | 105° 36' 44" | 18° 41' 52" | 105° 29' 35" | E-48-32-C-a, E-48-31-D |
| Sông Lam | TV | TT. Nam Đàn | H. Nam Đàn | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-32-C-a, E-48-31-D |
| khối Lam Sơn | DC | TT. Nam Đàn | H. Nam Đàn | 18° 42' 19" | 105° 29' 23" | | | | | E-48-31-D |
| khối Mai Hắc Đế | DC | TT. Nam Đàn | H. Nam Đàn | 18° 42' 10" | 105° 29' 29" | | | | | E-48-31-D |
| cầu Nam Đàn | KX | TT. Nam Đàn | H. Nam Đàn | 18° 41' 49" | 105° 29' 37" | | | | | E-48-31-D |
| khối Phan Bội Châu | DC | TT. Nam Đàn | H. Nam Đàn | 18° 41' 53" | 105° 30' 01" | | | | | E-48-32-C-a |
| khối Quang Trung | DC | TT. Nam Đàn | H. Nam Đàn | 18° 41' 54" | 105° 30' 20" | | | | | E-48-32-C-a |
| khối Sa Nam | DC | TT. Nam Đàn | H. Nam Đàn | 18° 42' 03" | 105° 29' 33" | | | | | E-48-31-D |
| khối Tây Hồ | DC | TT. Nam Đàn | H. Nam Đàn | 18° 41' 46" | 105° 30' 09" | | | | | E-48-32-C-a |
| khối Xuân Khoa | DC | TT. Nam Đàn | H. Nam Đàn | 18° 42' 01" | 105° 29' 42" | | | | | E-48-31-D |
| khối Yên Khánh | DC | TT. Nam Đàn | H. Nam Đàn | 18° 41' 53" | 105° 29' 50" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 1 | DC | xã Hồng Long | H. Nam Đàn | 18° 39' 59" | 105° 31' 20" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 2 | DC | xã Hồng Long | H. Nam Đàn | 18° 39' 54" | 105° 31' 41" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 3 | DC | xã Hồng Long | H. Nam Đàn | 18° 39' 47" | 105° 31' 26" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 4 | DC | xã Hồng Long | H. Nam Đàn | 18° 39' 39" | 105° 31' 26" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 5 | DC | xã Hồng Long | H. Nam Đàn | 18° 39' 35" | 105° 31' 34" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 6 | DC | xã Hồng Long | H. Nam Đàn | 18° 39' 23" | 105° 31' 33" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 7 | DC | xã Hồng Long | H. Nam Đàn | 18° 39' 12" | 105° 31' 33" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 8 | DC | xã Hồng Long | H. Nam Đàn | 18° 39' 02" | 105° 31' 40" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 9 | DC | xã Hồng Long | H. Nam Đàn | 18° 38' 55" | 105° 31' 48" | | | | | E-48-32-C-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 10 | DC | xã Hồng Long | H. Nam Đàn | 18° 38' 49" | 105° 31' 45" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 11 | DC | xã Hồng Long | H. Nam Đàn | 18° 38' 40" | 105° 31' 58" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 12 | DC | xã Hồng Long | H. Nam Đàn | 18° 39' 01" | 105° 32' 28" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 13 | DC | xã Hồng Long | H. Nam Đàn | 18° 39' 05" | 105° 32' 17" | | | | | E-48-32-C-a |
| đường tỉnh 542 | KX | xã Hồng Long | H. Nam Đàn | | | 18° 41' 55" | 105° 29' 50" | 18° 46' 13" | 105° 45' 02" | E-48-32-C-a |
| Sông Lam | TV | xã Hồng Long | H. Nam Đàn | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-32-C-a |
| quốc lộ 46 | KX | xã Hùng Tiến | H. Nam Đàn | | | 18° 36' 19" | 105° 11' 23" | 18° 49' 41" | 105° 42' 18" | E-48-32-C-a |
| đường tỉnh 542 | KX | xã Hùng Tiến | H. Nam Đàn | | | 18° 41' 55" | 105° 29' 50" | 18° 46' 13" | 105° 45' 02" | E-48-32-C-a |
| xóm Bình Sơn | DC | xã Hùng Tiến | H. Nam Đàn | 18° 40' 47" | 105° 31' 35" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Đông Anh | DC | xã Hùng Tiến | H. Nam Đàn | 18° 40' 19" | 105° 31' 57" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Đông Lĩnh | DC | xã Hùng Tiến | H. Nam Đàn | 18° 40' 19" | 105° 32' 22" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Đông Sơn | DC | xã Hùng Tiến | H. Nam Đàn | 18° 40' 42" | 105° 32' 14" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Đồng Trung | DC | xã Hùng Tiến | H. Nam Đàn | 18° 40' 40" | 105° 31' 05" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Đồng Văn | DC | xã Hùng Tiến | H. Nam Đàn | 18° 40' 54" | 105° 31' 00" | | | | | E-48-32-C-a |
| Sông Lam | TV | xã Hùng Tiến | H. Nam Đàn | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-32-C-a |
| sông Lam Trà | TV | xã Hùng Tiến | H. Nam Đàn | | | 18° 39' 19" | 105° 36' 35" | 18° 42' 02" | 105° 33' 13" | E-48-32-C-a |
| xóm Liên Sơn | DC | xã Hùng Tiến | H. Nam Đàn | 18° 41' 15" | 105° 31' 53" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Nam Sơn | DC | xã Hùng Tiến | H. Nam Đàn | 18° 40' 10" | 105° 32' 16" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Phúc Chỉ | DC | xã Hùng Tiến | H. Nam Đàn | 18° 40' 53" | 105° 31' 25" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Quyết Tiến | DC | xã Hùng Tiến | H. Nam Đàn | 18° 40' 25" | 105° 31' 49" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Tân Tiến | DC | xã Hùng Tiến | H. Nam Đàn | 18° 40' 06" | 105° 31' 50" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Tăng Tiến | DC | xã Hùng Tiến | H. Nam Đàn | 18° 41' 22" | 105° 31' 57" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Tiền Tiến | DC | xã Hùng Tiến | H. Nam Đàn | 18° 41' 29" | 105° 31' 39" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Trang Thọ | DC | xã Hùng Tiến | H. Nam Đàn | 18° 40' 42" | 105° 31' 53" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Trung Chính | DC | xã Hùng Tiến | H. Nam Đàn | 18° 40' 35" | 105° 31' 59" | | | | | E-48-32-C-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Trường Cửu | DC | xã Hùng Tiến | H. Nam Đàn | 18° 40' 19" | 105° 31' 15" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Trường Sơn | DC | xã Hùng Tiến | H. Nam Đàn | 18° 41' 10" | 105° 32' 24" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Trường Tiến | DC | xã Hùng Tiến | H. Nam Đàn | 18° 41' 11" | 105° 32' 12" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Xuân Lâm | DC | xã Hùng Tiến | H. Nam Đàn | 18° 40' 37" | 105° 31' 20" | | | | | E-48-32-C-a |
| quốc lộ 15 | KX | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | | | 19° 26' 37" | 105° 26' 54" | 18° 33' 35" | 105° 33' 24" | E-48-32-C-c |
| xóm 1 Khánh Sơn 1 | DC | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 38' 15" | 105° 30' 59" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 1 Khánh Sơn 2 | DC | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 37' 03" | 105° 33' 00" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 2 Khánh Sơn 2 | DC | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 37' 01" | 105° 33' 05" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 3 Khánh Sơn 2 | DC | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 37' 28" | 105° 30' 39" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 3 Khánh Sơn 2 | DC | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 36' 56" | 105° 33' 07" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 4 Khánh Sơn 1 | DC | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 37' 14" | 105° 31' 28" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 4 Khánh Sơn 2 | DC | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 37' 00" | 105° 33' 12" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 5 Khánh Sơn 1 | DC | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 36' 57" | 105° 31' 44" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 5 Khánh Sơn 2 | DC | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 36' 59" | 105° 33' 19" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 6 Khánh Sơn 1 | DC | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 36' 55" | 105° 32' 06" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 6 Khánh Sơn 2 | DC | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 36' 58" | 105° 33' 25" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 7 Khánh Sơn 1 | DC | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 36' 47" | 105° 32' 19" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 7 Khánh Sơn 2 | DC | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 36' 56" | 105° 33' 35" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 8 Khánh Sơn 1 | DC | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 37' 19" | 105° 32' 29" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 8 Khánh Sơn 2 | DC | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 36' 55" | 105° 33' 43" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 9 Khánh Sơn 1 | DC | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 37' 12" | 105° 32' 39" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 9 Khánh Sơn 2 | DC | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 36' 53" | 105° 33' 51" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 10 Khánh Sơn 1 | DC | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 37' 08" | 105° 32' 41" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 10 Khánh Sơn 2 | DC | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 36' 09" | 105° 33' 11" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 11 Khánh Sơn 1 | DC | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 37' 06" | 105° 32' 46" | | | | | E-48-32-C-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 11 Khánh Sơn 2 | DC | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 35' 59" | 105° 32' 53" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 12 Khánh Sơn 1 | DC | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 37' 02" | 105° 32' 51" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 12 Khánh Sơn 2 | DC | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 35' 54" | 105° 32' 34" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 13 Khánh Sơn 2 | DC | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 35' 53" | 105° 32' 10" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 14 Khánh Sơn 2 | DC | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 36' 15" | 105° 32' 04" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 15 Khánh Sơn 2 | DC | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 35' 42" | 105° 31' 40" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 16 Khánh Sơn 2 | DC | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 36' 07" | 105° 31' 26" | | | | | E-48-32-C-c |
| xóm 17 Khánh Sơn 2 | DC | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 36' 24" | 105° 33' 17" | | | | | E-48-32-C-c |
| Hồ Chuối | TV | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 37' 19" | 105° 31' 05" | | | | | E-48-32-C-c |
| Khe Chuối | TV | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | | | 18° 37' 12" | 105° 30' 04" | 18° 37' 14" | 105° 30' 16" | E-48-32-C-c |
| Núi Dẻ | SV | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 36' 06" | 105° 32' 36" | | | | | E-48-32-C-c |
| núi Động Trèo | SV | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 36' 42" | 105° 30' 57" | | | | | E-48-32-C-c |
| núi Giao Tọa | SV | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 35' 57" | 105° 31' 52" | | | | | E-48-32-C-c |
| Núi Hốc | SV | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 36' 38" | 105° 33' 41" | | | | | E-48-32-C-c |
| núi Khe Sâu | SV | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 35' 54" | 105° 31' 08" | | | | | E-48-32-C-c |
| Sông Lam | TV | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-32-C-a, E-48-32-C-c |
| núi Thung Môn | SV | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 37' 57" | 105° 30' 03" | | | | | E-48-32-C-c |
| Núi Trét | SV | xã Khánh Sơn | H. Nam Đàn | 18° 36' 35" | 105° 30' 15" | | | | | E-48-32-C-c |
| quốc lộ 46 | KX | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | | | 18° 36' 19" | 105° 11' 23" | 18° 49' 41" | 105° 42' 18" | E-48-32-C-a |
| đường tỉnh 539 | KX | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | | | 18° 40' 24' | 105° 35' 20" | 18° 40' 51" | 105° 34' 09" | E-48-32-C-a |
| đường tỉnh 540 | KX | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | | | 18° 41' 04" | 105° 33' 45" | 18° 40' 18" | 105° 33' 26" | E-48-32-C-a |
| Núi Chung | SV | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | 18° 39' 53" | 105° 33' 58" | | | | | E-48-32-C-a |
| Sông Đào | TV | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | | | 18° 45' 12" | 105° 36' 44" | 18° 41' 52" | 105° 29' 35" | E-48-32-C-a |
| xóm Đồng 1 | DC | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | 18° 40' 24" | 105° 35' 02" | | | | | E-48-32-C-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Đồng 2 | DC | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | 18° 40' 18" | 105° 34' 47" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Hoàng Trù 1 | DC | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | 18° 40' 39" | 105° 34' 03" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Hoàng Trù 2 | DC | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | 18° 40' 35" | 105° 33' 50" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Hội 1 | DC | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | 18° 40' 06" | 105° 34' 37" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Hội 3 | DC | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | 18° 40' 08" | 105° 34' 27" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Hội 4 | DC | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | 18° 40' 08" | 105° 34' 20" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Hồng Sơn 1 | DC | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | 18° 39' 43" | 105° 33' 55" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Hồng Sơn 2 | DC | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | 18° 39' 35" | 105° 33' 48" | | | | | E-48-32-C-a |
| sông Lam Trà | TV | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | | | 18° 39' 19" | 105° 36' 35" | 18° 42' 02" | 105° 33' 13" | E-48-32-C-a |
| xóm Liên Hồng 1 | DC | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | 18° 40' 23" | 105° 33' 10" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Liên Hồng 2 | DC | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | 18° 40' 15" | 105° 33' 17" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Liên Minh | DC | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | 18° 40' 20" | 105° 34' 21" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Liên Sơn 1 | DC | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | 18° 40' 08" | 105° 33' 23" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Liên Sơn 2 | DC | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | 18° 39' 58" | 105° 33' 23" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Mậu 1 | DC | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | 18° 41' 06" | 105° 33' 37" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Mậu 2 | DC | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | 18° 40' 56" | 105° 33' 58" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Mậu 3 | DC | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | 18° 41' 06" | 105° 33' 53" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Mậu 4 | DC | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | 18° 41' 17" | 105° 33' 59" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Mậu 5 | DC | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | 18° 41' 06" | 105° 34' 26" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Mậu 6 | DC | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | 18° 41' 30" | 105° 34' 09" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Sen 1 | DC | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | 18° 41' 04" | 105° 33' 13" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Sen 2 | DC | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | 18° 40' 50" | 105° 33' 13" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Sen 3 | DC | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | 18° 40' 39" | 105° 33' 14" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Sen 4 | DC | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | 18° 40' 36" | 105° 32' 57" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Vân Hội 2 | DC | xã Kim Liên | H. Nam Đàn | 18° 39' 59" | 105° 34' 33" | | | | | E-48-32-C-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 1 | DC | xã Nam Anh | H. Nam Đàn | 18° 42' 43" | 105° 31' 16" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 2 | DC | xã Nam Anh | H. Nam Đàn | 18° 42' 51" | 105° 31' 27" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 3 | DC | xã Nam Anh | H. Nam Đàn | 18° 42' 54" | 105° 31' 40" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 4 | DC | xã Nam Anh | H. Nam Đàn | 18° 42' 39" | 105° 31' 40" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 5 | DC | xã Nam Anh | H. Nam Đàn | 18° 44' 35" | 105° 32' 02" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 6 | DC | xã Nam Anh | H. Nam Đàn | 18° 44' 44" | 105° 31' 52" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 7 | DC | xã Nam Anh | H. Nam Đàn | 18° 44' 57" | 105° 31' 31" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 8 | DC | xã Nam Anh | H. Nam Đàn | 18° 44' 56" | 105° 31' 16" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm 9 | DC | xã Nam Anh | H. Nam Đàn | 18° 44' 55" | 105° 30' 50" | | | | | E-48-32-C-a |
| Sông Đào | TV | xã Nam Anh | H. Nam Đàn | | | 18° 45' 12" | 105° 36' 44" | 18° 41' 52" | 105° 29' 35" | E-48-32-C-a |
| dãy núi Đại Huệ | SV | xã Nam Anh | H. Nam Đàn | | | 18° 45' 57" | 105° 30' 34" | 18° 45' 19" | 105° 32' 32" | E-48-32-C-c |
| xóm Bói Lợi | DC | xã Nam Cát | H. Nam Đàn | 18° 38' 06" | 105° 35' 35" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Đa Cát | DC | xã Nam Cát | H. Nam Đàn | 18° 38' 04" | 105° 35' 48" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Đại Thăng | DC | xã Nam Cát | H. Nam Đàn | 18° 38' 15" | 105° 35' 46" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Đồng Chăm | DC | xã Nam Cát | H. Nam Đàn | 18° 38' 34" | 105° 35' 15" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Đồng Quan | DC | xã Nam Cát | H. Nam Đàn | 18° 38' 27" | 105° 35' 40" | | | | | E-48-32-C-a |
| xóm Hòa Hội | DC | xã Nam Cát | H. Nam Đàn | 18° 38' 21" | 105° 34' 59" | | | | | E-48-32-C-a |

(Xem tiếp Công báo số 261 + 262)

**VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN**

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng